ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU

BÁO CÁO

THỰC TRẠNG, PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN VÀ TỔ CHỨC KHÔNG GIAN PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SÌN HỒ THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Lai Châu, năm 2022

MỤC LỤC

DANH MỤC BẢNG 1
MỞ ĐẦU 2
I. SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 2
II. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 3
2.1. Cơ sở pháp lý 3
2.2. Cơ sở tài liệu 7
III. QUAN ĐIỂM LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 8
IV. MỤC TIÊU LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 9
V. PHẠM VI LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 9
VI. THỜI KỲ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN 10
PHẦN I ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG KHAI THÁC CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA HUYỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI 11
I. Đánh giá thực trạng và dự báo khả năng khai thác, sử dụng và bảo vệ các yếu tố, điều kiện đặc thù của huyện 11
1.1. Vị trí địa lý 11
1.2. Địa hình, địa mạo 11
1.3. Khí hậu, thời tiết 12
1.4. Thủy văn 13
1.5. Các nguồn tài nguyên 13
1.5.1. Tài nguyên đất 13
1.5.2. Tài nguyên nước 16
1.5.3. Tài nguyên rừng 16
1.5.4. Tài nguyên khoáng sản 17
1.5.5. Tài nguyên du lịch 17
1.5.6. Tài nguyên nhân văn 17
1.6. Thực trạng môi trường 18
1.6.1. Môi trường nước 18
1.6.2. Môi trường không khí 18
1.6.3. Môi trường đất 18
1.7. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện 18
II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT 20
2.1. Thực trạng phát triển kinh tế 20

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện so với mục tiêu các quy hoạch trước 20
2.3. Thực trạng phát triển một số ngành, lĩnh vực 22
2.3.1. Thực trạng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 22
2.3.2. Thực trạng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản ... 24
2.3.3. Thực trạng ngành dịch vụ, thương mại 25
2.4. Thực trạng các lĩnh vực văn hóa - xã hội 27
2.4.1. Dân số, lao động, việc làm, thu nhập và đời sống dân cư 27
2.4.2. Y tế 29
2.4.3. Giáo dục đào tạo 30
2.4.4. Văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông 32
2.4.5. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, an sinh xã hội 32
2.5. Hiện trạng sử dụng đất 33
2.6. Thực trạng công tác quốc phòng - an ninh 35
III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI 36
3.1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng logistics 36
3.2. Kết cấu hạ tầng cấp điện 37
3.3. Hiện trạng kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước, thủy lợi 38
3.4. Kết cấu hạ tầng sản xuất cụm công nghiệp, làng nghề 39
3.4.1. Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp 39
3.4.2. Kết cấu hạ tầng làng nghề 39
3.5. Thực trạng hạ tầng thông tin và truyền thông 39
3.6. Hạ tầng du lịch, nhà hàng, khách sạn 40
3.7. Đánh giá kết cấu hạ tầng xã hội 40
3.7.1. Hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo 40
3.7.2. Hạ tầng cơ sở y tế và chăm sóc sức khoẻ 40
3.7.3. Hạ tầng văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí 41
IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN, CÁC KHU CHỨC NĂNG 41
4.1. Hiện trạng hệ thống đô thị 41
4.2. Hiện trạng khu dân cư nông thôn 42
4.3. Các khu chức năng 43
V. TỔNG HỢP NHỮNG LỢI THẾ, CƠ HỘI, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH 43
5.1. Những lợi thế, cơ hội 43

5.2. Những khó khăn và thách thức 44
VI. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN BỐI CẢNH QUỐC TẾ, QUỐC GIA VÀ VÙNG TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN 45
6.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực 45
6.2. Bối cảnh trong nước 46
6.3. Bối cảnh trong tỉnh 46
6.4. Bối cảnh trong huyện 47
PHẦN II 48
XÂY DỰNG CÁC QUAN ĐIỂM, XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN 48
I. Xây dựng Quan điểm, mục tiêu phát triển 48
1.1. Quan điểm phát triển của huyện 48
1.2. Mục tiêu phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 49
1.2.1. Mục tiêu tổng quát 49
1.2.2. Các mục tiêu cụ thể 50
1.2.3. Tầm nhìn của huyện đến năm 2050 51
II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG52
2.1. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản 52
2.1.1. Định hướng phát triển 52
2.1.2. Phương hướng phát triển các ngành 54
2.2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 60
2.2.1. Định hướng phát triển 60
2.2.2. Phương hướng phát triển các ngành 61
2.3. Phương hướng phát triển ngành thương mại, dịch vụ 63
2.3.1. Định hướng phát triển 63
2.3.2. Phát triển thương mại, dịch vụ 64
2.3.3. Phát triển du lịch 65
2.4. Phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo 66
2.4.1. Định hướng phát triển 66
2.4.2. Mục tiêu phát triển 67
2.5. Phương hướng phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm 68
2.5.1. Định hướng phát triển 68
2.5.2. Mục tiêu phát triển 69

2.6. Phương hướng phát triển y tế 71
2.6.1. Định hướng phát triển 71
2.6.2. Mục tiêu phát triển 71
2.7. Phương hướng phát triển văn hóa, thể thao, truyền thông 73
2.7.1. Định hướng phát triển 73
2.7.2. Mục tiêu phát triển 74
III. XÁC ĐỊNH VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN SÌN HỒ 74
3.1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch trên địa bàn huyện 74
3.2. Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện với hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh 75
3.3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển 76
3.3.1. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội 76
3.3.2. Các khu vực khuyến khích và hạn chế phát triển 77
3.4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của huyện, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện 77
3.5. Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường 77
3.5.1. Các hoạt động kinh tế - xã hội 77
3.5.2. Quốc phòng, an ninh 78
3.5.3. Bảo vệ môi trường 79
IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI 79
4.1. Phát triển kết nối hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng logistics 79
4.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện 81
4.3. Phương án phát triển bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin 81
4.4. Phương án phát triển thủy lợi 83
4.5. Phương án phát triển cấp, thoát nước 84
4.6. Phương án xử lý chất thải 84
4.7. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo 84
4.8. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế 86
4.9. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao và khu vui chơi giải trí 87
4.10. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ 88
4.11. Phương án đảm bảo quốc phòng, an ninh 89

V. Phương án phát triển hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng 91
5.1. Phương án phát triển hệ thống đô thị 91
5.2. Phương án phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn 92
5.3. Phương án phát triển các khu chức năng 93
VI. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất .. 93
VII. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn huyện 94
7.1. Phương án bảo vệ môi trường 94
7.2 Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học 95
VIII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN 96
8.1. Tài nguyên đất 96
8.2. Tài nguyên nước 97
8.3. Tài nguyên rừng 97
8.4. Tài nguyên khoáng sản 97
IX. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra 98
9.1. Phương án khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước 98
9.2. Phương án bảo vệ tài nguyên nước 98
9.3. Phương án phòng chống và khắc phục tác động do nước gây ra 99
X. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện 99
PHẦN III 101
DANH MỤC DỰ ÁN CỦA HUYỆN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN . 101
PHẦN IV 116
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN 116
I. Giải pháp về huy động vốn đầu tư 116
II. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực 116
III. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ 117
IV. Giải pháp về thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách liên kết phát triển 118
V. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn 119
VI. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện phương án phát triển 120
6.1. Giải pháp tổ chức thực hiện 120
6.2. Giám sát thực hiện phương án phát triển 120
PHẦN V 121

NHU CẦU VỐN 121
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ 122
I. Kết luận 122
II. Kiến nghị 122

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1: Phân loại thổ nhưỡng huyện Sìn Hồ năm 2020 15
Bảng 2: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch kinh tế - xã hội 20
Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Sìn Hồ 34
Bảng 4: Danh mục dự án thủy điện được cấp phép đầu tư trên địa bàn huyện..... 37
Bảng 5: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 – 2030..... 50
Bảng 6: Một số chỉ tiêu phát triển ngành giáo dục đào tạo..... 67
Bảng 7: Một số chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm 70
Bảng 8: Một số chỉ tiêu phát triển ngành y tế huyện Sìn Hồ 72
Bảng 9: Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa - thể thao - truyền thông 74
Bảng 10: Dự kiến phân bố đất đai của huyện Sìn Hồ đến năm 2030 93
Bảng 11: Danh mục dự án đầu tư công ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030 ... 101
Bảng 12: Danh mục dự án thu hút đầu tư thời kỳ 2021-2030..... 101

MỞ ĐẦU

I. SỰ CẦN THIẾT LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Sìn Hồ là huyện vùng cao biên giới, nằm giữa tỉnh Lai Châu, cách thành phố Lai Châu khoảng 60 km về phía Tây theo hướng quốc lộ 4D. Huyện có 01 thị trấn và 21 xã, trong đó hầu hết xếp vào diện khó khăn. Huyện có thành phần dân tộc đa dạng, chủ yếu là các dân tộc như: Mông, Thái, Dao… Sìn Hồ có 12,973 km đường biên giới, do đó có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia, vị trí ảnh hưởng đến tuyến phòng thủ phía Bắc của đất nước.

Trong những năm qua, nền kinh tế của huyện đã có bước phát triển, vấn đề an ninh lương thực được đảm bảo, nhiệm vụ đặt ra cho địa phương là tập trung mọi nguồn lực, thu hút đầu tư thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa các ngành như: Nông, lâm nghiệp và thủy sản; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; thương mại, dịch vụ, du lịch; xây dựng phát triển cơ sở hạ tầng trên các lĩnh vực giao thông, thuỷ lợi, văn hoá, giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh... nhằm tạo sự chuyển biến nhanh về đời sống vật chất tinh thần cho người dân, hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp theo hướng nông lâm kết hợp bền vững, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ - du lịch; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng an ninh, gìn giữ bản sắc văn hoá các dân tộc, nâng cao dân trí cho đồng bào vùng cao, vùng sâu, vùng xa và bảo vệ môi trường sinh thái.

Thực hiện Luật Quy hoạch (2017), Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/05/2019 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Quy hoạch; UBND tỉnh Lai Châu tổ chức lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Theo Luật Quy hoạch, Quy hoạch tỉnh Lai Châu được nghiên cứu, xây dựng trên cơ sở tích hợp các nội dung, định hướng, tổ chức không gian phát triển các ngành, lĩnh vực và các huyện, thành phố (sau đây gọi là Phương án phát triển) có liên quan đến kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh có tính tới yếu tố liên vùng, liên ngành và hội nhập kinh tế quốc tế. Từ những yêu cầu cấp thiết nêu trên, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Lai Châu chỉ

đạo, phối hợp cùng Ủy ban nhân dân huyện Sìn Hồ triển khai lập ***"Thực trạng, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội huyện Sìn Hồ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050".***

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

2.1. Cơ sở pháp lý

- Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24/11/2017;

- Luật số 28/2018/QH14 ngày 15/6/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

- Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/9/2019 của Quốc hội Phê duyệt đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030;

- Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16/8/2019 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về giải thích một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/2/2018 của Chính phủ về Triển khai thi hành Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về Một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2050;

- Nghị quyết số 115/NQ-CP ngày 06/8/2020 của Chính phủ về giải pháp thúc đẩy phát triển công nghiệp hỗ trợ;

- Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 03/9/2020 của Chính Phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018

của Bộ chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Nghị định số 21/2019/NĐ-CP ngày 22/02/2019 của Chính phủ Về khu vực phòng thủ;

- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 của Chính Phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/04/2015 của Chính phủ về Quản lý, sử dụng đất trồng lúa;

- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

- Quyết định số 980/QĐ-TTg ngày 21/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030;

- Quyết định số 1755/QĐ-TTg ngày 08/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt chiến lược phát triển các ngành công nghiệp văn hóa Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 167/QĐ-TTg ngày 07/2/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án "Chính sách phát triển đồng bộ kết cấu hạ tầng, gắn phát triển kết cấu hạ tầng trong nước với mạng lưới hạ tầng trong các liên kết khu vực";

- Quyết định số 135/QĐ-TTg ngày 20/1/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án nâng cao hiệu quả hoạt động thông tin cơ sở dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin;

- Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt "Chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030";

- Quyết định số 241/QĐ-TTg ngày 24/2/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030;

- Quyết định số 255/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 259/QĐ-TTg ngày 25/02/2021 Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển hạ tầng thương mại biên giới Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025;

- Quyết định số 344/QĐ-TTg ngày 15/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Về việc phê duyệt Đề án phát triển bền vững Mắc ca giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 01/2017/TT-BTNMT ngày 09/2/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định Định mức sử dụng đất xây dựng cơ sở văn hóa, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục và đào tạo, cơ sở thể dục thể thao;

- Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và sửa đổi bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành luật đất đai;

- Quyết định số 805/QĐ-BCT ngày 23/01/2014 của Bộ Công thương phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại tuyến biên giới Việt - Trung đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Nghị quyết số 05-NQ/ĐH của Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Lai Châu lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Nghị quyết số 03-NQ/TU ngày 03/2/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ Tỉnh về phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 05-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 15/3/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về nâng về việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người dân tộc thiểu số và cán bộ chủ chốt cấp xã giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định chính sách phát triển nông nghiệp hàng hóa tập trung giai đoạn 2021-2025;

- Nghị quyết số 08/2021/NQ-HĐND ngày 22/3/2021 của HĐND tỉnh Lai Châu về quy định chính sách phát triển rừng bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định số 623/QĐ-UBND ngày 06/6/2013 của UBND tỉnh về việc Điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển du lịch tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 731/QĐ-UBND ngày 07/7/2014 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt quy hoạch phát triển Giao thông vận tải đường thủy nội địa tỉnh Lai Châu giai đoạn 2014-2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1406/QĐ-UBND ngày 30/10/2014 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt Đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 977/QĐ-UBND ngày 07/9/2015 của UBND tỉnh Lai Châu về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1199/QĐ-UBND ngày 22/10/2015 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt quy hoạch phát triển vùng hạ tầng kinh tế nông - lâm sinh thái sông Đà tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020, tầm nhìn đến năm 2030;

- Quyết định số 1578/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt quy hoạch phát triển sự nghiệp văn hóa tỉnh Lai Châu đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1204/QĐ-UBND ngày 15/9/2016 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án phát triển cây Quế trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2030;

- Quyết định số 1205/QĐ-UBND ngày 16/9/2016 về việc phê duyệt Đồ án quản lý chất thải rắn tỉnh Lai Châu đến năm 2030;

- Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 29/8/2016 của UBND tỉnh Lai Châu về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch mạng lưới trường, lớp, ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Lai Châu đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 1168/QĐ-UBND ngày 03/10/2017 của UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt đề án hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội các dân tộc Lự, Si La trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2025;

- Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án khuyến khích phát triển cây Mắc ca tập trung trên địa bàn tỉnh Lai Châu đến năm 2021;

- Quyết định số 1587/QĐ-UBND ngày 27/11/2019 của UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 14/1/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại một số bản trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2020-2025;

- Quyết định số 29/QĐ-UBND ngày 14/1/2020 của UBND tỉnh phê duyệt đề án phát triển một số cây dược liệu giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

- Kế hoạch số 39/2020/NQ-HĐND ngày 13/12/2020 của HĐND tỉnh Lai Châu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025;

- Kế hoạch số 541/KH-UBND ngày 09/3/2021 của UBND tỉnh Lai Châu ề việc bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2025;

- Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 24/8/2020 của Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện Sìn Hồ lần thứ XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025;

- Đề án số 01 - ĐA/HU ngày 29/10/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Sìn Hồ về "Tập trung phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với phát triển du lịch”.

2.2. Cơ sở tài liệu

- Các nghị quyết của Đảng bộ, Hội đồng nhân dân huyện Sìn Hồ về phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh.

- Hồ sơ dự án Điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ đầu trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

- Hồ sơ Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Sìn Hồ.

- Hồ sơ Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

- Niên giám thống kê huyện Sìn Hồ các năm 2011 - 2020.

- Số liệu kiểm kê đất đai năm 2010, 2014, 2019; thống kê đất đai các năm 2011, 2012, 2013, 2015, 2016, 2017, 2018, 2020 của huyện Sìn Hồ.

- Bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2014, 2019 huyện Sìn Hồ.

- Các quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm trên địa bàn tỉnh Lai Châu và huyện Sìn Hồ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 huyện Sìn Hồ;

- Công bố hiện trạng rừng huyện Sìn Hồ năm 2020 theo Quyết định số 13/QĐ-UBND ngày 15/01/2021 của UBND huyện Sìn Hồ.

- Báo cáo kết quả rà soát, xác lập lại ranh giới rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất tỉnh Lai Châu.

- Các tài liệu có liên quan khác.

III. QUAN ĐIỂM LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

- Việc lập Phương án phát triển phải bảo đảm phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2021 - 2030), Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021 - 2025) của tỉnh Lai Châu.

- Lập Phương án phát triển trên cơ sở đánh giá đúng thực trạng, dự báo xu hướng phát triển để khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của huyện Sìn Hồ; đảm bảo tính khả thi và phù hợp với khả năng cân đối, huy động nguồn nội lực và các nguồn lực từ bên ngoài trên tất cả các lĩnh vực, các xã, thị trấn của huyện; liên kết chặt chẽ giữa các xã, thị trấn trong huyện và giữa huyện với các huyện, thành phố trong tỉnh; xây dựng Sìn Hồ phát triển nhanh và bền vững trên cả ba trụ cột: Kinh tế, xã hội và môi trường.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững, nâng cao mức sống vật chất, thụ hưởng văn hóa, tinh thần của người dân; quan tâm đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc thiểu số.

- Tăng cường quốc phòng, ổn định an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; sử dụng hợp lý, hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; sắp xếp, bố trí ổn định dân cư theo phương án đề ra.

- Bảo đảm tính khoa học, khách quan, công khai, minh bạch; ứng dụng công nghệ hiện đại, kết nối liên thông, tiết kiệm, hiệu quả; hài hòa lợi ích của quốc gia, các vùng, tỉnh Lai Châu và huyện Sìn Hồ.

IV. MỤC TIÊU LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

- Phương án phát triển là căn cứ khoa học và thực tiễn để tích hợp vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Là căn cứ khoa học và thực tiễn để chính quyền các cấp huyện Sìn Hồ sử dụng: Xây dựng các kế hoạch phát triển 5 năm và hàng năm; triển khai kế hoạch đầu tư công trung hạn; lập quy hoạch sử dụng đất; tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa Quy hoạch tỉnh với Phương án phát triển của huyện và các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

- Xây dựng phương hướng và các giải pháp tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sìn Hồ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nhằm khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện phù hợp với tình hình và yêu cầu mới, làm cơ sở cho việc tăng cường quản lý Nhà nước và hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội có hiệu quả và hiệu lực,... đảm bảo sự phát triển nhanh và bền vững, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh Lai Châu.

- Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phấn đấu tốc độ tăng trưởng cao và bền vững; tạo sự chuyển biến mới về văn hóa - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, ổn định chính trị và trật tự an toàn xã hội.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh, giữ vững chủ quyền biên giới quốc gia, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

- Phát triển kinh tế gắn với giải quyết các vấn đề về xã hội, tạo công ăn việc làm, xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân và bảo vệ môi trường, sinh thái.

- Cung cấp cho các tổ chức, nhân dân và nhà đầu tư các thông tin cần thiết về các tiềm năng, cơ hội đầu tư kinh doanh và nhu cầu để phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong thời gian tới.

- Luận chứng đề xuất các định hướng, nhiệm vụ và giải pháp để phát triển nhanh và bền vững huyện Sìn Hồ.

V. PHẠM VI LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Trong địa giới huyện Sìn Hồ và trong mối quan hệ phát triển với các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh có tác động trực tiếp đến huyện Sìn Hồ.

VI. THỜI KỲ LẬP PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN

Phương án phát triển được lập cho thời kỳ 10 năm 2021-2030 (phân kỳ 02 giai đoạn 2021 - 2025 và 2026 - 2030), tầm nhìn đến năm 2050.

PHẦN I
ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ DỰ BÁO KHẢ NĂNG KHAI THÁC CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN ĐẶC THÙ CỦA HUYỆN VÀ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

I. Đánh giá thực trạng và dự báo khả năng khai thác, sử dụng và bảo vệ các yếu tố, điều kiện đặc thù của huyện

1.1. Vị trí địa lý

Sìn Hồ là huyện vùng cao biên giới, cách thành phố Lai Châu khoảng 60 km về phía Tây theo hướng quốc lộ 4D. Toạ độ địa lý trong khoảng từ $22^0$01' đến $22^0$32' vĩ độ Bắc và $103^0$04' đến $103^0$35' kinh độ Đông. Địa giới hành chính của huyện được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp tỉnh Vân Nam, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa và huyện Phong Thổ;
- Phía Đông Bắc giáp Thành phố Lai Châu;
- Phía Đông Nam giáp huyện Tam Đường và huyện Tân Uyên;
- Phía Nam giáp huyện Quỳnh Nhai (tỉnh Sơn La) và huyện Tủa Chùa (tỉnh Điện Biên);
- Phía Tây Nam giáp huyện Nậm Nhùn và thị xã Mường Lay (tỉnh Điện Biên).

Huyện Sìn Hồ có diện tích tự nhiên là 152.245,18 ha, bao gồm 22 đơn vị hành chính (01 thị trấn và 21 xã, trong đó có 01 xã vùng biên giới). Có 12,973 km đường biên giới tiếp giáp với tỉnh Vân Nam (Cộng hòa nhân dân Trung Hoa), do đó có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh, quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia, vị trí ảnh hưởng đến tuyến phòng thủ phía Bắc của đất nước.

1.2. Địa hình, địa mạo

Địa hình huyện Sìn Hồ phức tạp, độ dốc lớn, mức độ chia cắt mạnh với 3 vùng rõ rệt:

- Vùng cao: Gồm 09 xã, thị trấn *(Làng Mô, Tủa Sín Chải, Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Tả Phìn, Phăng Sô Lin, Hồng Thu, Phìn Hồ và thị trấn Sìn Hồ)* với độ cao từ 800 - 1.800 m so với mực nước biển, riêng thị trấn Sìn Hồ ở độ cao 1.500 m,

có thời tiết ban ngày mát mẻ, ban đêm lạnh khá giống với thị trấn Sa Pa, thích hợp trồng các loại cây trồng như hoa, dược liệu, cây ăn quả ôn đới.

- Vùng thấp: Gồm 11 xã *(Ma Quai, Lùng Thàng, Nậm Tăm, Pa Khóa, Nậm Cha, Căn Co, Nậm Mạ, Noong Hẻo, Nậm Cuổi, Nậm Hăn, Pu Sam Cáp)* với độ cao trung bình 500 - 800 m, có địa hình bị chia cắt mạnh, phổ biến là núi cao, thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Xen kẽ những dãy núi cao là những thung lũng tương đối rộng, là vùng có diện tích ngập lòng hồ thủy điện Sơn La rộng lớn. Vùng có địa hình tương đối bằng phẳng hơn so với các vùng khác trong huyện, là vùng trọng điểm phát triển trồng lúa nước, cây cao su và nuôi trồng thủy sản.

- Vùng biên giới và các xã dọc sông Nậm Na: Gồm 02 xã *(Chăn Nưa, Pa Tần)* với độ cao trung bình 400 - 600 m, có địa hình chia cắt mạnh bởi nhiều dãy núi cao và thung lũng sâu, có độ dốc lớn nên đất màu thường bị rửa trôi và có hiện tượng xói mòn mạnh, trong các tháng mùa mưa thường xảy ra hiện tượng lũ quét và lũ ống. Vùng có tiềm năng phát triển thủy điện vừa và nhỏ; là lợi thế để phát triển nuôi trồng thủy sản nước ngọt.

1.3. Khí hậu, thời tiết

Chế độ khí hậu huyện Sìn Hồ điển hình của vùng nhiệt đới núi cao Tây Bắc, ít chịu ảnh hưởng của bão, mùa đông lạnh và mưa ít, mùa hạ nóng mưa nhiều và ẩm ướt.

- Lượng mưa trung bình năm khoảng 2.604 mm/năm. Độ ẩm trung bình trong năm từ 80 - 86%, cao nhất là tháng 7 (85 - 90%), tháng thấp nhất vào tháng 3 (70 - 80%). Tổng số giờ nắng trung bình trong năm từ 1.850 - 1.900 giờ.

- Khu vực 11 xã vùng thấp và 02 xã dọc sông Nậm Na có khí hậu ôn đới, khí hậu trong năm chia thành 2 mùa rõ rệt. Nhiệt độ bình quân năm là 25^0C, lượng mưa trung bình khoảng 2.480 - 2.750 mm/năm, phân bố không đều trong năm, độ ẩm không khí trung bình khoảng 82%. Mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 10 hàng năm, có nhiệt độ và độ ẩm cao, mùa khô kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, khí hậu lạnh, độ ẩm và lượng mưa thấp (trong thời gian này thường có sương muối, có nguy cơ gây ra những trận rét đậm, rét hại kéo dài), tháng 4 và tháng 10 là thời gian chuyển giao giữa 2 mùa.

- Khu vực 09 xã vùng cao, thị trấn có khí hậu nhiệt đới gió mùa rõ rệt, mùa đông lạnh và khô hanh, mùa hè nóng và mưa nhiều. Lượng mưa bình quân năm ở mức tương đối cao khoảng 2.600 - 2.700 mm/năm và phân bố không đồng đều. Lượng mưa cao nhất là vào tháng 6 và tháng 7 hàng năm chiếm tới 70% lượng mưa trung bình của cả năm, các tháng còn lại chỉ chiếm khoảng 30%.

Nhìn chung, điều kiện khí hậu thời tiết ở Sìn Hồ thích hợp với nhiều loại cây trồng nông - lâm nghiệp, đặc biệt với các loại cây công nghiệp và cây ăn quả *(cao su, quế, mắc ca, cây ăn quả ôn đới, cây ăn quả nhiệt đới,...)*, hoa, dược liệu, cá nước lạnh, rau an toàn. Tuy nhiên, cũng có biểu hiện một số nhân tố làm nguy hại tới quá trình sinh trưởng và phát triển của cây trồng như mưa đá, gió lốc thường xảy ra vào đầu mùa mưa từ tháng 3 đến tháng 4 với tuần suất xuất hiện trung bình 1,3 - 1,5 ngày/năm, tốc độ gió xoáy khoảng 30 - 40 m/s, về mùa đông thường xuất hiện sương muối. Vì vậy, cần nghiên cứu biện pháp tuyển chọn giống cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên của huyện.

1.4. Thủy văn

Huyện Sìn Hồ có mạng lưới sông, suối khá dày đặc, đa dạng, trong huyện có 02 sông chính chảy qua là sông Đà và sông Nậm Na; ngoài ra còn các dòng suối với trữ lượng nước lớn như: Suối Nậm Mạ, suối Nậm Múng, suối Nậm Tăm, suối Phiêng Ớt,… Đặc biệt, huyện có 08 xã nằm trong khu vực lòng hồ thủy điện Sơn La. Hệ thống sông và suối lớn trên địa bàn như sau:

- Sông Đà là ranh giới tự nhiên giữa huyện Sìn Hồ và huyện Tủa Chùa *(tỉnh Điện Biên)* nay là lòng hồ thủy điện Sơn La.

- Sông Nậm Na bắt nguồn từ Trung Quốc chảy theo hướng từ Bắc xuống Nam qua các xã như Pa Tần, Chăn Nưa và đổ vào sông Đà, có nước quanh năm, lưu lượng mùa mưa khoảng 3.300 m^3/s, mùa khô khoảng 39 m^3/s.

- Suối Nậm Mạ bắt nguồn từ Phìn Hồ chảy theo hướng Đông - Nam qua các xã Ma Quai, Nậm Tăm, Nậm Cha và đổ ra sông Đà, lưu lượng mùa mưa khoảng 687 m^3/s, mùa khô khoảng 2,02 m^3/s.

1.5. Các nguồn tài nguyên

1.5.1. Tài nguyên đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020 huyện Sìn Hồ, tổng diện tích đất tự nhiên của toàn huyện là 152.245,18 ha. Trong đó, diện tích đất nông nghiệp là

92.856,42 ha, chiếm 60,99% tổng diện tích tự nhiên; đất phi nông nghiệp 7.747,65 ha, chiếm 5,09% tổng diện tích tự nhiên; đất chưa sử dụng 51.641,1 ha, chiếm 33,92% tổng diện tích tự nhiên.

Theo kết quả điều tra, đánh giá thoái hóa đất kỳ đầu tỉnh Lai Châu, huyện Sìn Hồ gồm các nhóm và các loại đất chính sau:

- Nhóm đất phù sa: Diện tích 78,59 ha, chiếm 0,05% tổng diện tích điều tra. Nhóm đất này có 01 loại đất là đất phù sa ngòi suối, phân bố trên địa bàn xã Pa Tần.

- Nhóm đất đen: Diện tích 326,58 ha, chiếm 0,22% tổng diện tích điều tra. Nhóm đất này có 01 loại đất là đất đen cacbonat. Phân bố trên địa bàn các xã Tả Phìn, xã Hồng Thu.

- Nhóm đất đỏ vàng: Diện tích 85.732,43 ha, chiếm 58,91% tổng diện tích điều tra. Trong đó:

+ Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính: Diện tích 19.235,39 ha, chiếm 13,22% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Căn Co, xã Nậm Mạ, xã Nậm Cha, xã Tả Ngảo...

+ Đất đỏ nâu trên đá vôi: Diện tích 2.721,35 ha, chiếm 1,87% tổng diện tích điều tra; phân bố trên địa bàn các xã Hồng Thu, xã Pa Tần, xã Chăn Nưa, xã Phìn Hồ, xã Tả Phìn.

+ Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất: Diện tích 31.474,44 ha, chiếm 21,63% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Chăn Nưa, xã Pa Tần, xã Nậm Cuổi,...

+ Đất vàng nhạt trên đá cát: Diện tích 32.301,25 ha, chiếm 22,19% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Ma Quai, xã Phìn Hồ, xã Nậm Tăm, xã Lùng Thàng...

- Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi: Diện tích 43.503 ha, chiếm 29,89% tổng diện tích điều tra. Trong đó:

+ Đất mùn đỏ nâu trên đá vôi: Diện tích 3.766,42 ha, chiếm 2,59% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Hồng Thu, xã Làng Mô, xã Tủa Sín Chải,...

+ Đất mùn đỏ vàng trên đá sét: Diện tích 17.973,51 ha, chiếm 12,35% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Làng Mô, xã Phìn Hồ, xã Sà Dề Phìn, thị trấn Sìn Hồ,...

+ Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit: Diện tích 842,25 ha, chiếm 0,58% tổng diện tích điều tra; phân bố trên địa bàn các xã Pa Tần, xã Noong Hẻo, xã Pa Khóa.

+ Đất mùn vàng nhạt trên đá cát: Diện tích 20.920,82 ha, chiếm 14,38% tổng diện tích điều tra; phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Pu Sam Cap, xã Nậm Tăm, xã Tả Phìn, xã Tả Ngảo,...

- Nhóm đất mùn trên núi cao: Diện tích 3.044,93 ha, chiếm 2,09% tổng diện tích điều tra. Nhóm đất này có 01 loại đất là đất mùn vàng nhạt trên núi cao. Phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã Noong Hẻo, xã Pu Sam Cap, xã Pa Khóa,...

- Nhóm đất thung lũng: Diện tích 283,01 ha, chiếm 0,19% tổng diện tích điều tra. Nhóm đất này có 01 loại đất là đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ. Phân bố trên địa bàn các xã Noong Hẻo, xã Tả Ngảo, xã Nậm Tăm, xã Làng Mô,

- Nhóm núi đá có rừng cây: Diện tích 12.567,55 ha, chiếm 8,64% tổng diện tích điều tra, phân bố chủ yếu trên địa bàn các xã như xã Tủa Sín Chải, xã Hồng Thu, xã Làng Mô...

Bảng 1: Phân loại thổ nhưỡng huyện Sìn Hồ năm 2020

TT	Nhóm đất và các loại đất	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	**Nhóm đất phù sa**	**P**	**78,59**	**0,05**
1	Đất phù sa ngòi suối	Py	78,59	0,05
II	**Nhóm đất đen**	**R**	**326,58**	**0,22**
2	Đất đen cacbonat	Rv	326,58	0,22
III	**Nhóm đất đỏ vàng**	**F**	**85.732,43**	**58,91**
3	Đất nâu đỏ trên đá macma bazơ và trung tính	Fk	19.235,39	13,22
4	Đất đỏ nâu trên đá vôi	Fv	2.721,35	1,87
5	Đất đỏ vàng trên đá sét và biến chất	Fs	31.474,44	21,63
6	Đất vàng nhạt trên đá cát	Fq	32.301,25	22,19
IV	**Nhóm đất mùn vàng đỏ trên núi**	**H**	**43.503,00**	**29,89**
7	Đất mùn đỏ nâu trên đá vôi	Hv	3.766,42	2,59
8	Đất mùn đỏ vàng trên đá sét	Hs	17.973,51	12,35
9	Đất mùn vàng đỏ trên đá macma axit	Ha	842,25	0,58
10	Đất mùn vàng nhạt trên đá cát	Hq	20.920,82	14,38
V	**Nhóm đất mùn trên núi cao**	**A**	**3.044,93**	**2,09**
11	Đất mùn vàng nhạt trên núi cao	A	3.044,93	2,09
VI	**Nhóm đất thung lũng**	**D**	**283,01**	**0,19**
12	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	283,01	0,19
VII	**Núi đá có rừng cây**	**Nuida**	**12.567,55**	**8,64**
Tổng cộng			**145.536,09**	**100,00**

(Nguồn: Kết quả điều tra đánh giá thoái hóa đất thời kỳ đầu tỉnh Lai Châu)

1.5.2. Tài nguyên nước

- *Nước mặt:* Sìn Hồ có hệ thống sông, suối, ao, hồ khá phong phú và có 2 sông lớn bao quanh 2/3 địa bàn huyện là sông Đà và sông Nậm Na. Qua địa phận các xã như Pa Tần, Tả Phìn, Chăn Nưa, Tủa Sín Chải, Nậm Mạ, Nậm Hăn. Các xã vùng thấp có vùng lòng hồ thủy điện Sơn La và vùng ngập lòng hồ thủy điện Nậm Na 1, 2, 3 rộng lớn, thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và du lịch. Tuy nhiên, lưu lượng nước phân bố không đồng đều giữa các vùng về các mùa. Vùng thấp: Mùa mưa lượng nước lớn, dễ gây ra lũ; vùng cao: mùa khô lưu lượng nước rất ít, hạn hán kéo dài ít nhiều có ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Đây là những nguồn nước chính để xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi và nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất. Nhìn chung, nguồn nước mặt huyện Sìn Hồ khá phong phú về mùa mưa, nhưng thiếu nước vào mùa khô.

- *Nước ngầm:* Chưa có số liệu khảo sát nguồn nước ngầm ở huyện Sìn Hồ. Tuy nhiên, theo tài liệu địa chất trong khu vực cho thấy trên địa bàn huyện có nước ngầm ở mức độ không sâu, trữ lượng nước không lớn; nước ngầm có thể khai thác (giếng khoan, giếng đào) phục vụ cho sinh hoạt.

1.5.3. Tài nguyên rừng

Theo số liệu thống kê đất đai huyện Sìn Hồ năm 2020, tổng diện tích đất có rừng của huyện là 63.086,84 ha, chiếm 41,44% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện. Trong đó:

- Đất rừng phòng hộ: Diện tích 34.425,30 ha, chiếm 22,61% tổng diện tích tự nhiên, được phân bổ trên địa bàn 22 xã và thị trấn.

- Đất rừng sản xuất: Diện tích 28.661,54 ha, chiếm 18,83% tổng diện tích tự nhiên, được phân bổ trên khắp địa bàn huyện.

Hệ sinh thái rừng trên địa bàn huyện đa dạng. Hệ thảm thực vật khá đa dạng và phong phú các loại cây quý, hiếm như gỗ pơ mu, sa mu... Trên vùng núi đá có một vài loại gỗ quý như: chò chỉ, pơ mu, lát, nghiến… tuy nhiên trữ lượng gỗ không nhiều. Ngoài ra, thảm thực vật còn có nhiều loại cây dược liệu quý như đẳng sâm, thục đoan, ngũ gia bì, hoàng tinh, tam thất, xuyên khung, thảo quả, đương quy, đỗ trọng, các loài hoa (địa lan, phong lan...), cây ăn quả ôn đới (mận, đào, lê....).

Tuy nhiên, hệ sinh thái đang có nguy cơ mất cân bằng do biến đổi khí hậu (từ các công trình thủy điện), rừng bị tàn phá (do ý thức về môi trường và phát

triển bền vững của nhân dân chưa cao). Động vật quý hiếm còn rất ít do săn bắn trái phép, đốt rừng làm nương rẫy.

Trong những năm tới, diện tích rừng trên địa bàn huyện cần được tăng cường hơn nữa trong việc đầu tư bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giữ nước đầu nguồn, chống xói mòn rửa trôi, bảo vệ đất và cảnh quan môi trường tạo thuận lợi cho đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu cây trồng theo hướng nông lâm kết hợp; phát triển du lịch.

1.5.4. Tài nguyên khoáng sản

Trên địa bàn huyện Sìn Hồ có các loại khoáng sản đang được khai thác như: đồng, vàng, sắt, đá phiến, đá xây dựng… Cụ thể: Vàng sa khoáng dọc sông Nậm Na và sông Đà; đá phiến phân bố trên các dãy núi dọc sông Nậm Na, sông Đà; đá xây dựng phân bố hầu hết ở khu vực vùng cao.

1.5.5. Tài nguyên du lịch

Trên địa bàn huyện có một số danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa, lịch sử:

- Núi Đá Ô thuộc xã Tả Phìn, huyện Sìn Hồ: Là di tích danh lam thắng cảnh được xếp hạng cấp tỉnh theo quyết định số 2058/QĐ-UBND ngày 25/12/2007 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Động Quan Âm xã Tả Phìn huyện Sìn Hồ: Là danh làm thắng cảnh được xếp hạng cấp tỉnh theo quyết định số 1580/QĐ-UBND ngày 25/12/2015 của UBND tỉnh Lai Châu.

- Động Thẳm Luông thuộc xã Ma Quai, huyện Sìn Hồ: Là di tích cấp tỉnh *(đã tiến hành kiểm kê, chưa xếp hạng).*

Sìn Hồ là huyện vùng cao, khí hậu mát mẻ, có tiềm năng lớn phát triển du lịch, nhất là du lịch sinh thái cộng đồng, du lịch nghỉ dưỡng, chữa bệnh. Sìn Hồ có diện tích mặt hồ lớn, là tiềm năng phát triển tuyến du lịch đường sông theo tua từ Hòa Bình - Sơn La - Điện Biên - Lai Châu.

1.5.6. Tài nguyên nhân văn

Huyện Sìn Hồ có 10 dân tộc cùng sinh sống, bao gồm: Thái, Mông, Dao, Kinh, Lự, Khơ Mú, Kháng và các dân tộc khác cùng sinh sống. Các dân tộc trong huyện đã có quá trình cộng cư lâu đời giao lưu cả về kinh tế, văn hoá,... Nhưng vẫn bảo tồn những nét đặc trưng riêng về văn hoá và nhất là tiếng nói riêng. Mỗi dân tộc đều có phong tục, lễ hội văn hóa dân tộc đặc sắc như lễ hội Tủ Cải của người Dao... Các điệu múa, các làn điệu hát dân ca đặc sắc, đằm thắm, trữ tình của các dân tộc. Bên cạnh đó còn có nghệ thuật tạo hình được thể

hiện rất độc đáo trên các bộ trang phục đa sắc màu, nhiều kiểu dáng hoa văn như: trang phục của đồng bào Thái, Mông, Dao...; nghệ thuật kiến trúc và các đường nét hoa văn trang trí trong các ngôi nhà truyền thống; các sản phẩm thủ công như dệt thổ cẩm, đan lát... Đó là những giá trị văn hoá phi vật thể quý giá, là nguồn tài nguyên nhân văn có thể khai thác phục vụ cho phát triển du lịch sinh thái nhân văn đang được du khách ưa chuộng.

1.6. Thực trạng môi trường

1.6.1. Môi trường nước

Môi trường nước trên địa bàn huyện Sìn Hồ hiện nay ít bị ô nhiễm do hoạt động kinh tế, sản xuất chính vẫn là nông nghiệp. Nhưng vẫn có các điểm ô nhiễm do nguồn nước thải sinh hoạt, sản xuất tiểu thủ công nghiệp chưa được xử lý trước khi thải ra môi trường; ngoài ra do đặc điểm thường xảy ra mưa, lũ cũng làm ô nhiễm nguồn nước mặt.

1.6.2. Môi trường không khí

Sìn Hồ là huyện có mức độ ô nhiễm không khí không đáng kể, môi trường không khí khá trong lành, đảm bảo đời sống và sức khỏe con người. Địa bàn có nhiều sông, suối, thác ghềnh, hồ đập,... và nhiều khu vực trong huyện vẫn còn nhiều nét tự nhiên tạo nên những điều kiện cảnh quan thuận lợi cho phát triển du lịch, dưỡng bệnh và nghỉ ngơi,...

1.6.3. Môi trường đất

Đất đai bị xói mòn, rửa trôi làm giảm tầng dày, độ phì của đất, có nơi trơ sỏi đá, lớp thảm thực vật che phủ đất thấp, do đó tác dụng phòng hộ bảo vệ môi trường kém gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất, năng suất cây trồng không cao. Nguyên nhân chủ yếu do khai thác tài nguyên rừng và khoáng sản chưa thực sự gắn liền với đầu tư phục hồi tài nguyên và môi trường

1.7. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện

Sìn Hồ là một huyện vùng cao, biên giới của tỉnh Lai Châu, do đó việc ảnh hưởng của biến đổi khí hậu là không tránh khỏi, tác động xấu đến việc sử dụng đất của nhân dân trên toàn huyện. Trong những năm gần đây, các tai biến thiên nhiên như lũ lụt, lũ ống, lũ quét, sạt lở đất,… các hiện tượng khí hậu cực đoan như rét đậm, rét hại cũng xuất hiện ngày càng nhiều, hiện tượng băng tuyết cũng bắt đầu xuất hiện tại vùng núi cao. Ngoài ra, tình trạng hạn hán trên nhiều địa bàn

của huyện Sìn Hồ xảy ra thường xuyên hơn và phạm vi ảnh hưởng ngày càng rộng.

- Địa hình huyện Sìn Hồ có độ dốc lớn, chia cắt mạnh, do đó việc thay đổi nhiệt độ sẽ tác động tới khả năng cung cấp nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

- Sự gia tăng lượng mưa vào mùa mưa làm gia tăng lũ quét và trượt lở đất, gây mất đất, suy giảm chất lượng đất trên địa bàn huyện.

- Mùa mưa kéo dài, lượng mưa hàng năm và lượng mưa hàng tháng dao động lớn gây khó khăn cho việc kiểm soát kế hoạch trồng trọt và chăm sóc mùa màng, ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện.

- Hoạt động của các thủy điện vừa và nhỏ cũng có ảnh hưởng đến việc biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện Sìn Hồ, nhưng không quá lớn, huyện đã có những biện pháp kịp thời để khắc phục hậu quả do thủy điện gây ra.

**** Về sạt lở đất***

- Huyện có những núi đất xen với các núi đá vôi (*dạng địa chất castơ tạo sông suối, hang động trong lòng núi*) khiến những "lạch nước ngầm" trong núi khi tích trữ đủ lượng dễ gây lũ quét, sạt lở đất. Một số dân tộc thường sinh sống gần vùng núi non hiểm trở, sông suối khi cơn lũ đi qua đem đến những nỗi đau thương, mất mát lớn về người và của.

- Mưa lớn trên diện rộng tại Lai Châu đã gây sạt lở trên nhiều tuyến giao thông, nhiều công trình cầu, cống, kênh mương bị hư hỏng, ước tính thiệt hại hàng tỷ đồng. Mưa lũ đã gây thiệt hại trên tuyến đường Tỉnh 133 đoạn Thân Thuộc - Noong Hẻo - Nậm Tăm; đường Tỉnh 135 từ thành phố Lai Châu đi Nậm Tăm (*huyện Sìn Hồ*) với khối lượng hàng nghìn mét khối đất, đá. Mưa lớn làm ngập lụt, xói sâu vào mặt đường, gây ách tắc giao thông cục bộ. Trên tuyến đường Tỉnh 133, tại km50+050, thuộc địa phận xã Nậm Cuổi, huyện Sìn Hồ xuất hiện điểm sạt lở ta luy dương, lấp toàn bộ nền mặt đường, khối lượng ước tính trên 4.000 m^3; tại km64+00, thuộc địa phận xã Noong Hẻo sạt lở ta luy dương, lấp toàn bộ nền mặt đường, khối lượng ước tính 34.000 m^3.

**** Về xói mòn đất do mưa***

Do địa hình đồi núi cao, độ dốc lớn nên trên địa bàn huyện thường xuất hiện các hiện tượng đất đai bị xói mòn, rửa trôi, lũ gây sạt lở đất và lũ quét. Bên

cạnh đó, một số nơi việc canh tác trên đất dốc với tập quán lạc hậu, không hợp lý của người dân cũng như việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật không đúng kỹ thuật cũng dẫn đến ô nhiễm và suy thoái môi trường đất, đặc biệt ở những khu vực có độ dốc lớn.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI, HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

2.1. Thực trạng phát triển kinh tế

Trong giai đoạn 2011-2020, kinh tế của huyện Sìn Hồ tiếp tục phát triển, cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế của huyện đến năm 2020 như sau:

- Cơ cấu các ngành trong giá trị sản xuất:

+ Nông, lâm nghiệp và thủy sản 41,5%.

+ Công nghiệp, xây dựng 19,8%.

+ Thương mại, dịch vụ 38,7%.

- Tổng sản phẩm (GRDP) bình quân đầu người: 31 triệu đồng.

- Tổng sản lượng lương thực có hạt đạt năm 2020 đạt 45.685 tấn.

- Bình quân lương thực/đầu người/năm: 534,3 kg/người/năm.

- Cây công nghiệp: Tổng diện tích cây cao su trên 8.112 ha; diện tích chè đạt 414,4 ha, trong đó trồng mới 410,4 ha.

- Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc 3,5%/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn giai đoạn 2016 - 2020 đạt 158,2 tỷ đồng.

2.2. Đánh giá kết quả thực hiện so với mục tiêu các quy hoạch trước

Bảng 2: Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu quy hoạch kinh tế - xã hội

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu QH đến năm 2020 được duyệt	Thực hiện đến năm 2020	So sánh
A	**Phát triển kinh tế**				
1	Cơ cấu kinh tế (theo giá hiện hành)		100	100	
-	Ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản	%	29,7	41,5	
-	Ngành công nghiệp, xây dựng	%	33,1	19,8	
-	Ngành thương mại, dịch vụ	%	37,2	38,7	
2	Thu nhập bình quân đầu người	Tr.đồng	14,9	31,0	Vượt KH
3	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	42.000	45.685	Vượt KH
4	Lương thực có hạt bình quân đầu người	Kg/người /năm	461	534,3	Vượt KH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Mục tiêu QH đến năm 2020 được duyệt	Thực hiện đến năm 2020	So sánh
5	Thu ngân sách nhà nước	Tỷ đồng	250	158,2	Không đạt
B	**Phát triển cơ sở hạ tầng**				
1	Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã	%	100	100	Đạt KH
2	Tỷ lệ xã có đường ô tô đi được quanh năm	%	100	100	Đạt KH
3	Tỷ lệ thôn, bản có đường xe máy đi lại thuận lợi	%	90,0	90,3	Vượt KH
4	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	80,0	95,5	Vượt KH
5	Tỷ lệ số xã có điện lưới QG	%	100	100	Đạt KH
C	**Phát triển xã hội, môi trường**				
1	Số xã đạt chuẩn nông thôn mới	Xã	7	4	Không đạt
2	Giảm tỷ lệ hộ nghèo	%/năm	3,5	5,6	Vượt KH
3	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng so với tổng số lao động	%	50,0	50,0	Đạt KH
4	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	18,4	28,99	Vượt KH
5	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	70,0	81,8	Vượt KH
6	Số bác sỹ trên 1 vạn dân	%	6,0	4,6	Không đạt
7	Tỷ lệ số bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	50	82	Vượt KH
8	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	90,0	98,7	Vượt KH
9	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	70	79	Vượt KH
10	Tỷ lệ che phủ rừng	%	40	41,44	Vượt KH
11	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	95,0	98,2	Vượt KH
12	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	95,0	90	Không đạt

- Theo mục tiêu quy hoạch, cơ cấu kinh tế năm 2020 của các ngành nông, lâm nghiệp, thủy sản; công nghiệp - xây dựng và thương mại, dịch vụ lần lượt là 29,7%; 33,1%; 37,2% so với thực hiện năm 2020 các chỉ tiêu tương ứng đạt là 41,5%; 19,8%; 38,7%.

- Có 13 chỉ tiêu thực hiện vượt so với kế hoạch: Thu nhập bình quân đầu người; tổng sản lượng lương thực có hạt; lương thực có hạt bình quân đầu người; tỷ lệ số bản có đường xe máy đi lại thuận lợi; tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia; giảm tỷ lệ hộ nghèo; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia; tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế; tỷ lệ số bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa; tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn

văn hóa; tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh; tỷ lệ che phủ rừng.

- Có 04 chỉ tiêu thực hiện đạt so với kế hoạch: Tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã; tỷ lệ xã có đường ô tô đi được quanh năm; tỷ lệ số xã có điện lưới QG; tỷ lệ lao động qua đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng so với tổng số lao động.

- Có 04 chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch: Thu ngân sách nhà nước; số xã đạt chuẩn nông thôn mới; số bác sỹ trên 1 vạn dân; tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch.

2.3. Thực trạng phát triển một số ngành, lĩnh vực

2.3.1. Thực trạng ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

Giai đoạn 2011-2020, huyện Sìn Hồ đã tập trung thực hiện các đề án phát triển nông nghiệp, nâng cao hạ tầng thiết yếu các khu sản xuất hàng hóa tập trung, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ tập trung vào những cánh đồng lớn và vùng bán ngập, nâng cao năng suất, sản lượng, đảm bảo an ninh lương thực; đưa vào trồng mới các loại cây có giá trị kinh tế cao như cây chè, quế, cây mắc ca; tạo điều kiện thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trong lĩnh vực Nông nghiệp, trồng dược liệu. Tính đến hết năm 2020, huyện Sìn Hồ đạt được:

- Tổng giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản *(giá hiện hành)* đạt 709,22 tỷ, tăng bình quân 5%/năm;

- Tổng sản lượng lương thực đạt 45.685 tấn

- Lương thực bình quân đầu người đạt 534,3 kg/người/năm.

a) Về nông nghiệp

** Trồng trọt*

Huyện đã thực hiện tái cơ cấu trong lĩnh vực trồng trọt, tăng cường ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; thực hiện liên kết giữa doanh nghiệp và nông dân trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị đối với các Dự án phát triển sản xuất đặc trưng của huyện như chè, lê VH6, atiso, lợn thịt địa phương,...; tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng theo hướng đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, tăng diện tích sản xuất 01 vụ sang 02 vụ hình thành các vùng chuyên canh. Đến hết năm 2020, kết quả đạt được của huyện như sau:

- Diện tích cây lương thực có hạt đạt 12.233 ha (*giảm 1.059 ha so với năm 2015*), sản lượng đạt 45.685 tấn (*tăng 4.281,8 tấn so với năm 2015*), trong đó:

+ Cây lúa: Diện tích đạt 6.931 ha, năng suất bình quân đạt 41,5 tạ/ha *(tăng 5,2 tạ/ha so với năm 2015)*, sản lượng đạt 28.766 tấn. Xây dựng và phát triển sản

xuất lương thực hàng hóa tập trung tại cánh đồng Noong Hẻo (xã Noong Hẻo), tổng diện tích 400 ha, năng suất đạt từ 46 - 50 tạ/ha với cơ cấu giống lúa thuần PC6, DS1, JO2.

+ Cây ngô: Diện tích đạt 5.302 ha, năng suất bình quân đạt 31,9 tạ/ha *(tăng 6,6 tạ/ha so với năm 2015)*, sản lượng đạt 16.918 tấn.

- Cây chè: Phát triển vùng chè đặc sản, chất lượng cao tại xã Phìn Hồ, Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Hồng Thu với các giống chất lượng cao (chè Tuyết Shan cổ thụ và Kim Tuyên) gắn với chế biến, xây dựng thương hiệu chè phẩm cấp cao. Đến hết năm 2020, diện tích chè hiện có 414,4 ha tại tiểu vùng "cao nguyên Sìn Hồ"; diện tích chè cho thu hoạch 281,2 ha; năng suất chè kinh doanh đạt 9 tạ/ha, chè thời kỳ kiến thiết đạt 0,6 tạ/ha. Duy trì và bảo tồn diện tích cây chè cổ hiện có 10 ha.

- Tổng diện tích trồng cây ăn quả 1.220 ha. Cây ăn quả ôn đới tập trung ở các xã vùng cao: Xã Sà Dề Phìn, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Hồng Thu,… Cây ăn quả nhiệt đới trồng tập trung chủ yếu các xã: Hồng Thu, Pa Tần, Nậm Tăm, Nậm Hăn, Nậm Cuổi,…

- Cây công nghiệp:

+ Cây mắc ca: Diện tích hiện có 126,45 ha; Trong đó, năm 2016 trồng mới 42,55 ha tại xã Pa Tần; năm 2017 trồng mới 83,9 ha tại xã Phìn Hồ, Hồng Thu và Sà Dề Phìn.

+ Cây cao su: Diện tích hiện có 8.112 ha, trong đó: diện tích cho khai thác mủ là 5.342 ha, năng suất đạt 0,94 tấn/ha, sản lượng đạt 5.005 tấn mủ khô. Trồng tập trung chủ yếu ở các xã vùng thấp và các xã Chăn Nưa, Pa Tần, Làng Mô, Tủa Sín Chải.

- Cây dược liệu: Tổng diện tích hiện có 600 ha cây dược liệu chính *(chủ yếu gồm 1 số loài chính như: đỗ trọng 10 ha, đương quy 55 ha, actiso 63 ha, thảo quả 416 ha, sa nhân tím 40 ha, sâm lai Châu khoảng 0,5 ha ...).* Cây dược liệu chủ yếu do người dân tự trồng và một phần diện tích được phát triển từ các mô hình, dự án do nhà nước hỗ trợ giống.

- Cây sơn tra: Diện tích hiện có 579 ha, trồng tập trung tại các xã vùng cao của huyện và thị trấn Sìn Hồ.

- Cây quế: Diện tích hiện có 2.003,5 ha, trồng tập trung chủ yếu tại các xã vùng thấp của huyện.

** Chăn nuôi*

Huyện tập trung phát triển chăn nuôi các loại gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao, theo hướng bán công nghiệp. Tổng đàn gia súc trên địa bàn huyện đến hết năm 2020 có 69.054 con *(trong đó đàn lợn 40.445 con, đàn trâu 25.494 con, đàn bò 3.115 con)*; tốc độ tăng trưởng đàn gia súc đạt 3,5%. Tổng đàn gia cầm toàn huyện năm 2020 đạt 300.000 con, thịt hơi các loại 3.035 tấn. Chăn nuôi trên địa bàn huyện hiện nay chủ yếu vẫn là chăn nuôi nhỏ lẻ, hộ gia đình thiếu an toàn, dễ bị ảnh hưởng dịch bệnh, chăn nuôi vẫn chủ yếu mang tính tự cung tự cấp, sản phẩm hàng hóa chưa nhiều, chủ yếu tiêu thụ trong địa bàn huyện. Việc ứng dụng khoa học, kỹ thuật, quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh còn hạn chế do phương thức chăn nuôi chủ yếu là hộ gia đình, chưa có trang trại chăn nuôi gia cầm tập trung.

** Chuỗi sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP*

Hiện trạng trên địa bàn có 07 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm tiêu chuẩn OCOP từ 3* trở lên: Chè cổ thụ Sà Dề Phìn, thuốc tắm phong tê thấp Mý Dao, chè Giảo cổ lam, dấm táo mèo Mý Dao, táo mèo khô Mý Dao, chè dây, cao Actiso.

b) Về lâm nghiệp

Huyện đã tập trung đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục ý thức trách nhiệm bảo vệ và phát triển rừng trong cộng đồng dân cư, phát huy vai trò, trách nhiệm của chủ rừng, làm tốt công tác quản lý, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng gắn với việc chi trả dịch vụ môi trường rừng *(khoanh nuôi tái sinh 5.985ha, kinh phí được chi trả 05 năm đạt 126,338 triệu đồng)*; trồng mới trên 3.265,75 ha rừng các loại, tỷ lệ che phủ của rừng 40,0% (tăng 6,5% so với năm 2015).

c) Về Thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản năm 2020 đạt 176 ha, sản lượng đánh bắt và nuôi trồng đến năm 2020 đạt 353 tấn, trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 268 tấn, sản lượng đánh bắt đạt 85 tấn. Phát triển nuôi cá lồng tại khu vực các lòng hồ thủy điện, hiện có 195 lồng cá thuộc các xã: Nậm Mạ, Nậm Cha chủ yếu là cá trê lai, lăng, chiên, chép, rô phi với thể tích nuôi cá lồng ước đạt 17.490 m^3.

2.3.2. Thực trạng ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng cơ bản

a) Về công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp

Huyện đã quan tâm thu hút đầu tư phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp có tiềm năng, lợi thế. Tăng cường công tác quản lý và tạo điều kiện cho các hoạt động sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phát triển.

Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đến đầu tư xây dựng các công trình.

- Tổng giá trị sản xuất ngành công nghiệp giai đoạn 2016-2020 đạt 191,75 tỷ đồng *(theo giá hiện hành).* Toàn huyện có 161 cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp.

- Phát triển thủy điện: Trên địa bàn huyện có 07 dự án thủy điện được cấp phép đầu tư với tổng công suất 203 MW (*trong đó có 02 dự án đã phát điện là Nậm Na 2 và Nậm Na 3).*

- Tiểu thủ công nghiệp chế biến: Công nghiệp chế biến lương thực, thực phẩm trên địa bàn huyện có quy mô nhỏ, chủ yếu là hộ gia đình với các sản phẩm xay sát thóc gạo, làm đậu, giò chả, bánh, thịt sấy... phục vụ tiêu dùng tại địa phương.

- Công nghiệp khai thác khoáng sản: các sản phẩm khai thác khoáng sản công nghiệp chủ yếu như đá xây dựng, quặng *(mỏ đồng)*... Năm 2020, quặng các loại đạt 5.500 tấn, tăng 5.350 tấn so với năm 2011 *(năm 2011 đạt 150 tấn).*

- Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng: Trên địa bàn huyện có các cơ sở sản xuất gạch các loại. Kết quả đạt được tính đến năm 2020: Đá xây dựng đạt 118.412 m^3, tăng 86.060 m^3 so với năm 2011 *(năm 2011 đạt 32.352 m^3);* gạch xây dựng đạt 2.965.000 viên, tăng 1.465.000 viên so với năm 2011 *(năm 2011 đạt 1.500.000 viên).*

b) Xây dựng cơ bản

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội. Tổng nguồn vốn đầu tư giai đoạn 2016 - 2020 đạt 1.368,9 tỷ đồng (*Trong đó: Vốn đầu tư thuộc ngân sách nhà nước 1.105 tỷ đồng; vốn trái phiếu Chính phủ 72 tỷ đồng; vốn tín dụng đầu tư nhà nước 35 tỷ đồng; vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài 157 tỷ đồng*).

2.3.3. Thực trạng ngành dịch vụ, thương mại

Ngành dịch vụ, thương mại, ngân hàng trên địa bàn huyện tiếp tục được phát triển, đáp ứng nhu cầu của nhân dân, tăng cường công tác quản lý thị trường, quan tâm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển kinh doanh dịch vụ. Hoạt động du lịch đang từng bước hình thành được các điểm du lịch tiến tới xây dựng các tuyến du lịch, khuyến khích, ưu tiên, tạo điều kiện

cho các tổ chức, cá nhân xây dựng các khách sạn, khu nghỉ dưỡng kết hợp chữa bệnh, khu vui chơi giải trí đã từng bước thu hút được khách du lịch thăm quan, du lịch. Tăng cường quảng bá tiềm năng, sức hấp dẫn du lịch cao nguyên Sìn Hồ trên các kênh thông tin và ấn phẩm du lịch; phối hợp với Trung tâm xúc tiến Du lịch tiến hành khảo sát tại các điểm có tiềm năng và các tiêu chí đề nghị tỉnh công nhận điểm du lịch cao nguyên Sìn Hồ.

- Về phát triển thương mại: Cơ sở hạ tầng phục vụ cho các hoạt động giao thương được mở rộng, chủng loại hàng hóa đa dạng, phong phú, đáp ứng nhu cầu sản xuất và tiêu dùng của Nhân dân. Tính đến năm 2020, toàn huyện có 1.071 cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ tăng 143,1% so với với năm 2015 (*năm 2015 có 748 cơ sở kinh doanh*), tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 647,2 tỷ đồng *(tăng 136% so với năm 2015).*

- Về phát triển du lịch: Giai đoạn 2016 - 2020, tổng lượt khách du lịch đạt trên 10 nghìn lượt khách, tăng trưởng du lịch đạt 22,6%/năm, doanh thu từ du lịch đạt 16,3 tỷ đồng.

- Về phát triển dịch vụ giao thông vận tải: Dịch vụ vận tải ngày càng phát triển cơ bản đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Trên địa bàn huyện có 07 tuyến xe vận chuyển hành khách, hàng hóa (*chạy các tuyến: Sìn Hồ - Lai Châu, Sìn Hồ - Điện Biên, Sìn Hồ - Lào Cai, Sìn Hồ - Than Uyên và Nậm Mạ - Lai Châu*). Tốc độ tăng khối lượng hành khách luân chuyển giai đoạn 2016-2020 bình quân đạt 12,5%/năm; tốc độ tăng khối lượng hàng hóa vận chuyển giai đoạn 2016-2020 bình quân đạt 9%/năm.

- Chợ: Đến hết năm 2020 trên địa bàn huyện có 04 chợ nhà nước đầu tư 100% vốn gồm: Chợ trung tâm thị trấn Sìn Hồ cũ và mới (*hiện đã được đấu thầu quyền sử dụng đất gắn liền với tài sản nhà nước trên đất để doanh nghiệp thực hiện đầu tư giai đoạn 2*), chợ trung tâm xã Nậm Cuổi và chợ trung tâm xã Pa Tần thuộc loại hình chợ nông thôn; chưa hình thành trung tâm thương mại, siêu thị lớn. Đến năm 2020 quy hoạch xây dựng thêm 02 chợ mới (*Chợ trung tâm xã: Nậm Tăm và Chăn Nưa*).

- Kinh doanh xăng dầu: Trên địa bàn huyện có 11 cửa hàng xăng dầu tại các xã Pa Tần, Lùng Thàng, Nậm Tăm, Căn Co, Chăn Nưa, Phìn Hồ, Noong Hẻo, thị trấn Sìn Hồ.

- Về thu chi ngân sách: Tỷ lệ thu ngân sách địa bàn bình quân tăng 26,3%. Thực hiện tốt công tác quản lý chi ngân sách, thực hiện tiết kiệm chi, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển, đảm bảo an sinh xã hội và yêu cầu nhiệm vụ chính trị của huyện. Tổng thu ngân sách địa phương năm 2020 ước thực hiện 1.041.521 triệu đồng. Tổng chi ngân sách năm 2020 ước thực hiện 1.041.521 triệu đồng.

- Về phát triển ngành tài chính - ngân hàng: Hiện trên địa bàn huyện có 03 tổ chức tín dụng hoạt động, trong đó có: 02 ngân hàng thương mại và 01 ngân hàng Chính sách xã hội (*mở phòng giao dịch tại huyện*) với 03 điểm giao dịch cố định và 22 điểm giao dịch lưu động (*của phòng giao dịch ngân hàng Chính sách xã hội*) tại các xã, thị trấn. Các ngân hàng trên địa bàn huyện triển khai thực hiện có hiệu quả các chính sách tín dụng theo quy định; tăng cường huy động tiền gửi tiết kiệm, ưu tiên cho vay phát triển sản xuất, kinh doanh, thực hiện chính sách cho vay vốn ưu đãi theo quy định của Nhà nước. Tiếp tục quan tâm tạo điều kiện để các thành phần kinh tế phát triển bình đẳng, thực hiện tốt chính sách ưu đãi, hỗ trợ, thu hút đầu tư trên địa bàn, góp phần tác động tích cực đến phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

2.4. Thực trạng các lĩnh vực văn hóa - xã hội

2.4.1. Dân số, lao động, việc làm, thu nhập và đời sống dân cư

** Dân số, dân tộc, lao động, việc làm*

- Dân số trung bình của huyện năm 2020 là 85.509 người, tăng 4.110 người so với năm 2011 *(năm 2011 là 81.399 người)*, tăng 6.489 người so với năm 2015 *(năm 2015 là 79.720 người)*. Trong đó: Dân số thành thị 4.464 người, chiếm 5,22% tổng dân số; dân số nông thôn 81.045 người, chiếm 94,78% tổng dân số. Mật độ dân số bình quân là 56,16 người/km^2 (Trong đó: thị trấn Sìn Hồ là 394 người/km^2). Tỷ lệ tăng dân số năm 2020 là 15,3‰.

- Về lao động, cơ cấu lao động: Năm 2015, huyện có 45.906 người trong độ tuổi lao động, chiếm 57,58% tổng dân số. Năm 2020, huyện có 52.094 người trong độ tuổi lao động, chiếm 60,43% tổng dân số. Trong đó: Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 74,09% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân; ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 8,35% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân; ngành thương mại, dịch vụ chiếm 17,56% tổng số lao động đang làm việc trong nền kinh tế quốc dân.

- Hoạt động đào tạo, giải quyết việc làm có bước tiến bộ đáng kể. Hàng năm giải quyết việc làm cho trên 1.050 lao động. Tỷ lệ lao động qua đào tạo bồi dưỡng đạt 50%, chủ yếu là qua đào tạo nghề ngắn hạn, các lớp tập huấn, hội thảo tại hiện trường thông qua các mô hình trình diễn trong sản xuất nông nghiệp. Tổ chức các cuộc tuyên truyền, vận động, tư vấn cho các đối tượng trong độ tuổi lao động tham gia xuất khẩu lao động. Phối hợp với trung tâm giới thiệu việc làm của tỉnh tuyên truyền và tuyển chọn người đi lao động ở nước ngoài, đến nay có 141 lao động đã đi xuất khẩu lao động ở các nước, mang lại nguồn thu nhập ổn định.

- Năm 2020, tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện được đào tạo bồi dưỡng đáp ứng tiêu chuẩn quy định đạt 100%, trong đó: Số cán bộ, công chức có trình độ từ đại học trở lên đạt 92,1%; Số viên chức có trình độ từ đại học trở lên đạt 51%. Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã có trình độ học vấn từ THCS trở lên đạt 100%, trong đó: 94,2% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ văn hóa THPT; 97,1% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ trung cấp trở lên; 35,7% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ từ đại học trở lên; 69,7% cán bộ, công chức cấp xã có trình độ trung cấp lý luận chính trị; 2,7% cán bộ, công chức cấp xã xã có trình độ cao cấp lý luận chính trị.

** Thu nhập và đời sống dân cư:*

- Thu nhập bình quân đầu người dần tăng từ 6,5 triệu đồng/người/năm (năm 2011) lên 31,0 triệu đồng/người/năm (năm 2020), góp phần quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của huyện.

- Các chính sách xã hội đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện với mục tiêu giảm nghèo bền vững gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội như: Các chương trình đầu tư xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn, xây dựng nông thôn mới; chính sách hỗ trợ thẻ bảo hiểm y tế; hỗ trợ thực hiện chính sách miễn giảm học phí; hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo; trợ giúp xã hội;...

- Giai đoạn 2011 - 2020, tỷ lệ hộ nghèo của huyện đều có xu hướng giảm: Năm 2011 là 48,0%, giảm xuống còn 23,48% năm 2020. Tình hình đời sống của nhân dân cơ bản ổn định, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững. Tuy nhiên, tỷ lệ hộ nghèo của huyện vẫn đang cao hơn mức bình quân chung cả nước và của các huyện trong tỉnh.

- Công tác an sinh xã hội, các chế độ, chính sách cho các đối tượng bảo trợ xã hội; đối tượng người có công với cách mạng trên địa bàn huyện được triển khai

thực hiện đầy đủ, đúng và kịp thời. Nguồn lực đầu tư của Nhà nước đã được ưu tiên cho các huyện nghèo, xã nghèo, thôn đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi để tạo điều kiện phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất cho người dân; công tác an sinh xã hội và giảm nghèo đã được sự cải thiện đáng kể.

2.4.2. Y tế

- Cơ sở vật chất y tế: Mạng lưới y tế huyện tiếp tục phát triển, cơ sở vật chất, trang thiết bị được tăng cường. Trên địa bàn huyện hiện có 01 trung tâm y tế (có 02 cơ sở) và 22 trạm y tế xã, thị trấn được xây dựng kiên cố. Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ *(cơ sở 2)* được nâng cấp từ phòng khám đa khoa khu vực Pa Há, 8 Trạm y tế xã *(xã Hồng Thu, Lùng Thàng, Ma Quai, Pa Khóa, Phìn Hồ, Nậm Tăm, Pu Sam Cáp, Nậm Mạ*) chưa được nâng cấp xây dựng mới đảm bảo đủ cơ cấu phòng làm việc theo bộ tiêu chí về y tế xã giai đoạn 2011-2020. Có 181/185 thôn bản có nhân viên y tế hoạt động.

- Đến năm 2020 có 100% số xã có cơ sở vật chất đạt theo bộ tiêu chí; 100% trạm y tế có công trình phụ trợ, chưa có nhà công vụ cho viên chức. Trang thiết bị được quan tâm đầu tư đáp ứng được nhu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Các Trạm y tế xã có danh mục trang thiết bị trung bình từ 50 - 60% theo quy định của Bộ y tế. Số xã đạt bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã là 18 xã đạt 81,8%.

- Hết năm 2020, số bác sỹ/1 vạn dân đạt 4,6 bác sỹ, tỷ lệ thôn bản có nhân viên y tế thôn bản đạt trên 95%, trạm y tế xã có bác sỹ 3/22 đạt 13%, tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng giảm từ 28,7% năm 2011 xuống còn 21,8%.

- Đội ngũ cán bộ ngành: Nhân lực toàn Trung tâm Y tế gồm 315 người. Trong đó: Bác sỹ 37 người *(02 BS tăng cường của BV E và BV Châm cứu TW)*; Y sỹ đa khoa 109 người; Cử nhân Y tế Công cộng 03 người; Điều dưỡng ĐH 06 người, Điều dưỡng CĐ 10 người, Điều dưỡng TH 48 người, Điều dưỡng SH 12 người; Dược sỹ ĐH 07 người, Dược sỹ CĐ 02 người, Dược sỹ TH 16 người; Dược tá 01 người; Nữ hộ sinh 18 người *(đại học 2, trung học 16)*; KTV CĐ 02 người, KTV TH 04 người; Cán bộ khác 44 người.

- Chăm sóc sức khỏe nhân dân: Chất lượng khám, chữa bệnh không ngừng được nâng lên, số lượng khám chữa bệnh bình quân hằng năm đều tăng, năm 2020 bình quân đạt 2,5 lần/người/năm; các dịch vụ kỹ thuật cao phát triển, giải quyết được cơ bản các bệnh tật tại chỗ, giảm tỷ lệ chuyển tuyến trên; tăng cường quản lý nhà nước đối với các hiệu thuốc, nhà thuốc hoạt động kinh doanh trên địa bàn; đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu phục vụ nhu cầu chăm

sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn huyện. Hệ thống công nghệ thông tin được ứng dụng trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh.

- Công tác kiểm soát, phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn thực phẩm được thực hiện thường xuyên, hiệu quả; chủ động phòng, chống bệnh truyền nhiễm, từng bước quản lý, điều trị bệnh không lây nhiễm không để xảy ra vụ dịch lớn, vụ ngộ độc thực phẩm nghiêm trọng. Các mục tiêu Chương trình y tế Quốc gia đạt được nhiều kết quả. Công tác tiêm chủng đầy đủ cho trẻ dưới 1 tuổi hàng năm đều đạt trên 95%. Công tác vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh được cấp ủy Đảng, chính quyền các xã, thị trấn, lãnh đạo các đơn vị y tế quan tâm.

- Triển khai tốt công tác dân số kế hoạch hoá gia đình. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể cân nặng 21,89%; số người cao tuổi được quản lý, khám sức khỏe định kỳ 81%.

2.4.3. Giáo dục đào tạo

** Về quy mô, mạng lưới giáo dục và đào tạo:*

- Toàn huyện có 69 trường học *(01 trường PTDTNT; 22 trường Mầm non; 21 trường Tiểu học; 01 trường tiểu học và THCS; 21 trường THCS; 02 trường THPT và 01 Trung tâm Giáo dục thường xuyên*).

- Cấp mầm non: có 282 nhóm, lớp học, tổng 7.275 cháu, trong đó: nữ 3.521 cháu, dân tộc 6.718 cháu, số trẻ từ 0-2 tuổi 1.069 cháu, trẻ từ 3 - 5 tuổi 6.207 cháu.

- Cấp tiểu học: có 518 lớp với 11.033 học sinh, trong đó: nữ 5.284 học sinh, dân tộc 10.441 học sinh.

- Cấp trung học cơ sở: có 203 lớp với 6.839 học sinh, trong đó: nữ 3.156 học sinh, dân tộc 6.583 học sinh.

- Cấp trung học phổ thông: có 35 lớp với 1.216 học sinh.

Toàn ngành có 12 trường phổ thông dân tộc bán trú *(02 trường phổ thông dân tộc bán trú tiểu học, 10 trường phổ thông dân tộc bán trú trung học cơ sở)* và 22 trường phổ thông có học sinh bán trú với 4.834 học sinh bán trú (tiểu học: 2.273 học sinh, trung học cơ sở: 2.561 học sinh).

** Chất lượng giáo dục:*

- Duy trì và giữ vững kết quả phổ cập giáo dục các bậc học: kết quả 22/22 xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục THCS (trong đó có 02 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học

mức độ 2; 20 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3; 07 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 1; 15 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2); huyện đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1, có 05 xã đạt xóa mù chữ mức độ 2.

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường chuẩn quốc gia: 100% các đơn vị trường thực hiện tự đánh giá và có 02 đơn vị trường được sở GD&ĐT đánh giá ngoài. Tính đến hết năm 2020 toàn huyện có 20 trường đạt chuẩn quốc gia đạt tỷ lệ 30,76% (mầm non 04 trường, tiểu học 09 trường, THCS 07 trường).

- Cấp Mầm non: Tỷ lệ huy động trẻ từ 0 - 2 tuổi ra lớp đạt 21,7%; Tỷ lệ huy động trẻ từ 3 - 5 tuổi ra lớp đạt 99,2%; Tỷ lệ trẻ 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục Mầm non đạt 100%.

- Cấp Tiểu học: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học đạt 100%; Tỷ lệ huy động dân số từ 6 - 10 tuổi đến trường đạt 99,95%.

- Cấp THCS: Tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình Tiểu học vào học lớp 6 đạt 98,5%; Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS đạt 99,93%; Tỷ lệ huy động dân số từ 11 - 14 tuổi đến trường đạt 91,7%.

- Cấp THPT: Tỷ lệ học sinh chuyển lên THPT đạt 45%; Tỷ lệ học sinh đi học đúng độ tuổi đạt 93,3%.

** Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên*

Hiện tại, toàn huyện có 1.966 CBQL, giáo viên, nhân viên. Trong đó: phòng GD-ĐT huyện 8 cán bộ, Cấp Mầm non 561 cán bộ; Cấp Tiểu học 820 cán bộ; Cấp THCS 501 cán bộ; Cấp THPT 76 cán bộ. Chất lượng giáo viên được duy trì tốt; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn đạt 100%

Nhìn chung mạng lưới các trường học tuy đã được phân bố hợp lý, 100% số xã đã xây dựng được mạng lưới giáo dục từ cấp mầm non đến cấp THCS, tuy nhiên do địa bàn rộng, địa hình chia cắt, giao thông đi lại không thuận tiện nên các trường mầm non, tiểu học vẫn còn nhiều học sinh đang học ở điểm lẻ. Về đội ngũ, số lượng giáo viên trên địa bàn huyện cơ bản đáp ứng được yêu cầu dạy học, song chưa thật sự đồng bộ; thiếu giáo viên môn chuyên như giáo viên Tiếng anh, Âm nhạc, Mỹ thuật ở các cấp học, đặc biệt ở cấp Tiểu học và Trung học cơ sở. Chất lượng giáo dục tại một số lớp chuyển biến chậm; chất lượng học tập môn tin học, ngoại ngữ chưa cao; tỷ lệ học sinh đỗ tốt nghiệp THPT ở trường THPT số 2 và trung tâm GDNN -GDTX còn thấp; chất lượng mũi nhọn có chuyển biến song mới chỉ tập trung ở các trường trung tâm huyện.

2.4.4. Văn hóa, thể thao, thông tin - truyền thông

** Văn hóa, thể thao*

- Việc đầu tư cho phát triển văn hóa, thể thao trong nhiều năm qua được huyện quan tâm, tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của huyện, đảm bảo cho phát triển văn hóa là nền tảng phát triển kinh tế, xã hội.

- Công tác quản lý Nhà nước về văn hóa được tăng cường, các giá trị văn hóa truyền thống được giữ gìn và phát huy, phong trào văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được diễn ra sôi nổi và rộng khắp. Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa được triển khai sâu rộng, chất lượng phong trào ngày một nâng lên.

- Năm 2020, toàn huyện có 79% hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa; 82% bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa; 98,7% cơ quan, trường học, trạm y tế đạt tiêu chuẩn văn hóa.

** Thông tin - truyền thông*

Thông tin truyền thông có nhiều chuyển biến tích cực, chất lượng tuyên truyền ngày càng được nâng cao đáp ứng yêu cầu phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương. Tỷ lệ dân số được nghe đài phát thanh 100%; dân số được xem truyền hình đạt 92%; trên 95% các bản, khu phố được phủ sóng di động và kết nối được internet.

2.4.5. Công tác giảm nghèo, giải quyết việc làm, an sinh xã hội

a) Công tác xóa đói - giảm nghèo

Giai đoạn 2011-2020, huyện Sìn Hồ đã triển khai thực hiện nghiêm túc các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương, của các Bộ ngành và của tỉnh trong thực hiện các chương trình MTQG giảm nghèo. Theo kết quả rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện năm 2020:

+ Tổng số hộ nghèo cuối năm 2020 là 3.972 hộ, tỷ lệ hộ nghèo còn 23,48%; mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 5,64%.

+ Tổng số hộ cận nghèo cuối năm 2020 là 1.034 hộ, tỷ lệ hộ cận nghèo còn 6,11%; mức giảm tỷ lệ hộ cận nghèo 1,22%.

- Huyện đã phân bổ gạo cứu đói do Chính phủ hỗ trợ giáp hạt năm 2020, với tổng số gạo hỗ trợ 82.140 kg, hỗ trợ cho 1.157 hộ, 5.476 nhân khẩu.

- Rà soát hỗ trợ nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Kết quả giai đoạn 2016-2019 đã hỗ trợ làm nhà ở 510 hộ *(Trong đó 168 hộ vay vốn làm nhà, số còn lại hộ dân tự làm nhà ở).*

- Rà soát số hộ, số khẩu đề nghị hỗ trợ cứu đói giáp hạt; trình UBND tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội phê duyệt 1.246 hộ với 5.726 nhân khẩu, số gạo đề nghị hỗ trợ 103.980 kg.

b) Công tác giải quyết việc làm

Số lao động được giải quyết việc làm trong giai đoạn 2016-2020 là 5.487 lao động. Hàng năm giải quyết việc làm cho trên 1.050 lao động. Năm 2020, thực hiện đào tạo 27 lớp dạy nghề cho lao động nông thôn tại các xã, thị trấn trên địa bàn huyện với 842 chỉ tiêu.

c) Công tác an sinh xã hội

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách đối với người có công, đối tượng bảo trợ xã hội. Triển khai công tác trẻ em, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc chỉ đạo, quản lý và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về quyền trẻ em.

2.5. Hiện trạng sử dụng đất

Theo số liệu thống kê đất đai năm 2020, tổng diện tích tự nhiên của huyện Sìn Hồ có 152.245,18 ha. Trong đó:

- Đất nông nghiệp: 92.858,77 ha, chiếm 60,99% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất phi nông nghiệp: 7.747,65 ha, chiếm 5,09% tổng diện tích tự nhiên.
- Đất chưa sử dụng: 51.638,76 ha, chiếm 33,92% tổng diện tích tự nhiên.

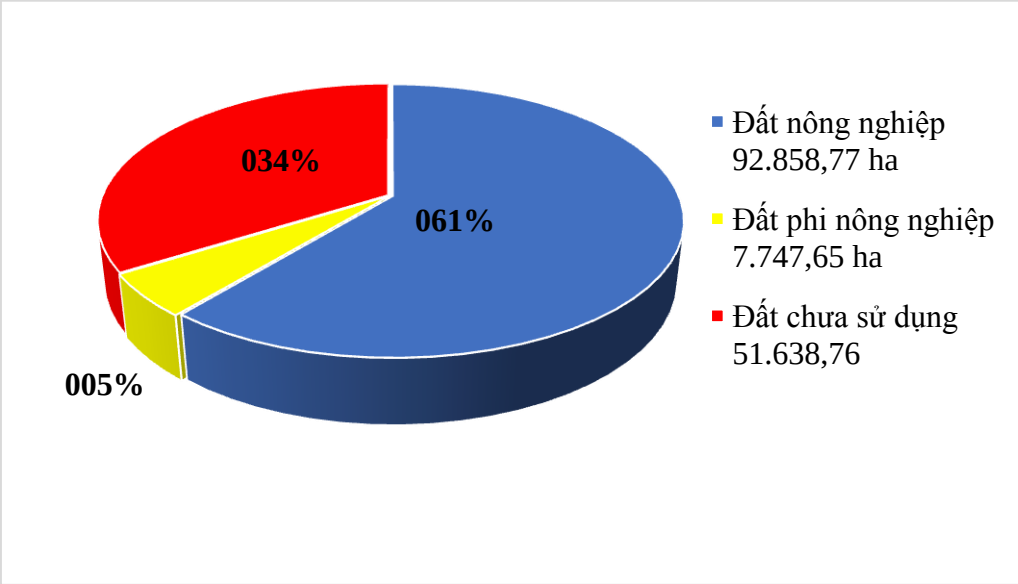

Hình 1: Cơ cấu sử dụng đất năm 2020

Như vậy, hiện tại quỹ đất đai của huyện đã được đưa vào sử dụng chiếm 66,08%, đất chưa sử dụng còn lại chiếm diện tích lớn (chiếm 33,92% tổng diện tích tự nhiên).

Bảng 3: Hiện trạng sử dụng đất năm 2020 huyện Sìn Hồ

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Hiện trạng sử dụng đất năm 2020	
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích tự nhiên		**152.245,18**	**100,00**
1	**Đất nông nghiệp**	**NNP**	**92.858,77**	**60,99**
1.1	Đất trồng lúa	LUA	6.653,53	4,37
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	*LUC*	*688,62*	0,45
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	13.272,14	8,72
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	9.651,25	6,34
1.4	Đất rừng sản xuất	RSX	28.554,97	18,76
1.5	Đất rừng phòng hộ	RPH	34.534,22	22,68
1.6	Đất nuôi trồng thuỷ sản	NTS	192,66	0,13
2	**Đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**7.747,65**	**5,09**
2.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	726,69	0,48
2.2	Đất ở tại đô thị	ODT	40,84	0,03
2.3	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	12,06	0,01
2.4	Đất quốc phòng	CQP	53,49	0,04
2.5	Đất an ninh	CAN	1,44	0,00
2.6	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	74,18	0,05
2.7	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	187,24	0,12
2.8	Đất có mục đích công cộng	CCC	1.021,21	0,67
2.9	Đất cơ sở tôn giáo	TON	-	-
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	0,59	0,00
2.11	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD	214,72	0,14
2.12	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	639,37	0,42
2.13	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	4.775,79	3,14
2.14	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,02	0,00
3	**Đất chưa sử dụng**	**CSD**	**51.638,76**	**33,92**

(Nguồn: Thống kê đất đai năm 2020 huyện Sìn Hồ)

- Nhóm đất nông nghiệp: Diện tích 92.858,77 ha, chiếm 60,99% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

+ Đất trồng lúa: Diện tích 6.653,53 ha, chiếm 4,37% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó, diện tích đất chuyên trồng lúa nước là 688,62 ha, chiếm 0,45% tổng diện tích tự nhiên.

+ Đất lâm nghiệp: Chiếm 41,44% tổng diện tích tự nhiên. Trong đó: Đất rừng phòng hộ có diện tích 34.534,22 ha, chiếm 22,68% tổng diện tích tự nhiên; đây là diện tích rừng có ý nghĩa quan trọng đối với huyện, vì vậy cần bảo vệ nghiêm ngặt. Đất rừng sản xuất có diện tích 28.554,97 ha, chiếm 18,76% tổng diện tích tự nhiên, trong giai đoạn tới cần đầu tư khuyến khích nhân dân tiếp tục trồng rừng để bảo vệ đất, môi trường, tăng thu nhập cho nhân dân trong huyện.

- Nhóm đất phi nông nghiệp: Diện tích 7.747,65 ha, chiếm 5,09% tổng diện tích tự nhiên. Bao gồm các loại đất sau: Đất ở; đất quốc phòng; đất thương mại dịch vụ; đất phát triển hạ tầng; đất làm nghĩa trang, nghĩa địa; đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối,... Với diện tích, cơ cấu như trên thì diện tích đất xây dựng các công trình cơ sở hạ hầng, văn hóa, xã hội và cho phát triển kinh tế chiếm tỷ lệ rất nhỏ. Cần khai thác, bố trí mặt bằng, quỹ đất cho các mục đích văn hóa, xã hội, kinh tế đảm bảo đáp ứng kịp thời nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn tới.

- Nhóm đất chưa sử dụng: Diện tích 51.638,76 ha, chiếm 33,92% tổng diện tích tự nhiên. Diện tích đất chưa sử dụng còn chiếm tỷ trọng lớn so với tổng diện tích tự nhiên. Do vậy, cần phải chú ý khai thác và đưa vào sử dụng những diện tích có khả năng, chủ yếu cho phát triển lâm nghiệp. Tuy nhiên, đất chưa sử dụng phần lớn là đất có địa hình hiểm trở, độ dốc lớn hoặc đất ven sông suối, đất núi đá,… việc khai thác đất chưa sử dụng sẽ gặp rất nhiều khó khăn, vốn đầu tư khai thác lớn, sự hỗ trợ của Nhà nước đóng vai trò quan trọng.

2.6. Thực trạng công tác quốc phòng - an ninh

Công tác quốc phòng trên địa bàn huyện luôn được chú trọng củng cố và tăng cường. Huyện đã xây dựng các chương trình, kế hoạch hành động cụ thể chỉ đạo đồng bộ hệ thống chính trị. Do đó tình hình chính trị ổn định, đường biên giới, mốc giới và chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; công tác quản lý xuất nhập cảnh, chống buôn lậu được thực hiện tốt; công tác quân sự địa phương đảm bảo duy trì chế độ trực sẵn sàng chiến đấu theo quy định, hoàn thành tốt kế hoạch quân sự quốc phòng đề ra.

Tình hình an ninh chính trị cơ bản ổn định. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước được tăng cường thực hiện thường xuyên. Tình hình an ninh nông thôn được đảm bảo, kiểm soát và ngăn chặn có hiệu quả tình trạng truyền đạo trái pháp luật.

Về trật tự an toàn xã hội, vẫn còn xảy ra một số vụ việc phạm pháp hình sự, kinh tế, tai nạn, tệ nạn xã hội,… nhưng các lực lượng chức năng vẫn thường xuyên tăng cường công tác kiểm tra, nhắc nhở người dân nâng cao ý thức chấp hành luật.

Năm 2020, trước tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch covid-19, huyện đã tham gia tích cực và có những biện pháp phòng chống, kiểm soát dịch kịp thời: thực hiện tuyên truyền, giám sát dịch trên địa bàn huyện.

Quan hệ đối ngoại với huyện Kim Bình, tỉnh Vân Nam, Trung Quốc được tăng cường trên cơ sở bình đẳng, hợp tác cùng có lợi. Lãnh đạo 2 huyện đã có những chuyến thăm, hội đàm, khảo sát tình hình kinh tế - xã hội nhằm tăng cường hiểu biết lẫn nhau, tiến tới mở rộng hợp tác trên nhiều lĩnh vực.

III. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

3.1. Hiện trạng kết cấu hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng logistics

Hạ tầng giao thông huyện Sìn Hồ có 2 loại hình chính là: Đường bộ và đường thủy. Trong đó

** Đường bộ*

- Đường Quốc lộ: Trên địa bàn huyện có 01 tuyến đường quốc lộ chạy qua (quốc lộ 12) với tổng chiều dài qua địa bàn khoảng 59,9 km. Hiện nay, 01 tuyến quốc lộ này là tuyến huyết mạch chính phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu đi lại cho nhân dân và đảm bảo an ninh quốc phòng của huyện.

- Đường tỉnh: Đường tỉnh 129 (Lai Châu - Sìn Hồ) qua địa bàn dài khoảng 39 km; Đường tỉnh 128 (Thị trấn Sìn Hồ - Chăn Nưa) dài khoảng 38 km; Đường tỉnh 129B (Tà Ghênh - Nậm Pậy) dài khoảng 2 km; Đường tỉnh 133 (Séo Lèng - Nậm Tăm - Noong Hẻo - Nậm Cuổi) dài khoảng 75 km; Đường tỉnh 135 (Nùng Nàng - Nậm Tăm) dài khoảng 15,5 km.

- Đường giao thông nội thị trung tâm huyện Sìn Hồ: 12,86 km đã được bê tông nhựa và láng nhựa.

- Số km đường huyện: 16 tuyến/178,1 km, trong đó cứng hóa 128,8 km, chiếm 72,31%; còn lại 49,3 km là đường cấp phối.

- Số km đường xã: 137 tuyến/ 508,9 km, trong đó cứng hóa 269,83 km, chiếm 52,5%; còn lại là đường đất.

- Số km đường thôn, bản và đường sản xuất 610,93 km trong đó cứng hóa 407,43 km, chiếm 66,7%; còn lại là đường đất.

- Đến hết năm 2020, tỷ lệ xã có đường ô tô đến trung tâm xã, có mặt đường cứng hóa đạt 100%, tỷ lệ số bản có đường xe máy đi lại được thuận lợi quanh năm là 167/185 bản đạt 90,3%.

** Giao thông đường thuỷ nội địa:*

- Trên địa bàn huyện có một số sông chảy qua như sông Đà, sông Nậm Na và hồ thuỷ điện Sơn La. Hệ thống sông và các công trình thủy điện đã và đang tạo ra vùng lòng hồ không những mang lại nguồn nước, nguồn năng lượng, nguồn thuỷ sản, mà còn tạo điều kiện phát triển giao thông đường thủy nội địa. Tuy nhiên, hiện nay chưa có tuyến vận tải đường thủy nào được quản lý trên địa bàn; hoạt động vận tải đường thủy chủ yếu là tự phát, phục vụ nhu cầu dân sinh. Giao thông đường thuỷ nội địa chưa phát triển.

- Có 02 tuyến đường thủy nội địa đã được đưa vào quy hoạch là: Tuyến Nậm Mạ - Nậm Tăm dài 17 km và tuyến Mường Lay - Chăn Nưa. Tuy nhiên, đến nay chưa có kinh phí để thực hiện việc giải phóng luồng lạch, lắp đặt các phao tiêu biển báo, đưa vào sử dụng.

3.2. Kết cấu hạ tầng cấp điện

Đến năm 2020, trên địa bàn huyện có 07 dự án thủy điện được cấp phép đầu tư trên địa bàn huyện với tổng công suất 203 MW, trong đó 02 dự án đã hoàn thành và phát điện là: thủy điện Nậm Na 2 với công suất 66 MW và thủy điện Nậm Na 3 với công suất 84 MW; 05 dự án đã được phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: thủy điện Nậm Chản xã Tả Ngảo với công suất 5 MW; thủy điện Nậm Cầy xã Chăn Nưa với công suất 15 MW; thủy điện Pa Tần 1 công suất 8 MW, Pa Tần 2 công suất 20 MW; thủy điện Suối Ngang công suất 5 MW. Tổng số trạm biến áp trên địa bàn huyện là 159 trạm/159 MBA; tổng đường dây 0,4 KV là 262,887 km; đường dây 35 KV 373,857 km; 22/22 xã, thị trấn có điện lưới quốc gia; 95,5% số hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia.

Bảng 4: Danh mục dự án thủy điện được cấp phép đầu tư trên địa bàn huyện

TT	Tên dự án	Địa điểm (xã)	Công suất lắp máy (MW)	Điện lượng năm (tr.kWh)	Ghi Chú
1	Nậm Na 2	Phìn Hồ	66	254	Đã hoàn thành phát điện toàn bộ các tổ máy
2	Nậm Na 3	Chăn Nưa	84	351	Đã hoàn thành phát điện toàn bộ các tổ máy
3	Pa Tần 2	Pa Tần	20	72	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa khởi công xây dựng

TT	Tên dự án	Địa điểm (xã)	Công suất lắp máy (MW)	Điện lượng năm (tr.kWh)	Ghi Chú
4	Nậm Chản	Tả Ngảo, Làng Mô	5	17	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa khởi công xây dựng
5	Nậm Cầy	Chăn Nưa	15	50	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa khởi công xây dựng
6	Pa Tần 1	Pa Tần	8	29	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa khởi công xây dựng
7	Suối Ngang	Pa Tần, Hồng Thu	5	19,9	Đã phê duyệt chủ trương đầu tư, chưa khởi công xây dựng

(Nguồn: Sở Công thương tỉnh Lai Châu)

3.3. Hiện trạng kết cấu hạ tầng cấp, thoát nước, thủy lợi

3.3.1. Thủy lợi

- Hệ thống các công trình thủy lợi thường xuyên được đầu tư và nâng cấp đảm bảo nhu cầu nước phục vụ sản xuất, canh tác cho nhân dân, diện tích đất sản xuất đảm bảo nước tưới là 75%.

- Thực hiện đến hết năm 2020, tổng số các công trình thủy lợi trên địa bàn huyện quản lý là 144 công trình, chiều dài kênh 219,434 km *(trong đó: kiên cố 158,85 km; kênh đất 60,584 km)*; đầu mối thủy lợi kiên cố 114 công trình, 30 công trình tạm; phục vụ tưới cho 1.889,31 ha *(vụ Chiêm 206 ha; vụ Mùa 1.633,2 ha; Rau màu 31,2 ha; Thuỷ sản 18,91 ha)*. Công trình do Công ty TNHH một thành viên quản lý thủy nông quản lý trên địa bàn 02 hồ chứa nước; 95 công trình tưới tự chảy (kiên cố 90 công trình, tạm 5 công trình); kênh dẫn 587,94 km (kênh kiên cố 513,394 km; kênh đất 74,546 km); phục vụ tưới tiêu cho 9.539,33 ha.

- Điều kiện sinh sống của người dân trong vùng dự án phân tán, địa hình phức tạp, chủ yếu là đồi núi nên các công trình thường có tuyến dài, thường xuyên bị tác động của mưa, lũ, sạt trượt đất, dễ bị hư hỏng nên ảnh hưởng không nhỏ tới công tác quản lý, khai thác, vận hành và phát huy hiệu quả sau đầu tư của công trình.

3.3.2. Hạ tầng cấp, thoát nước

a) Cấp nước sinh hoạt

Hiện có 01 trạm xử lý, cung cấp nước sạch tại thị trấn Sìn Hồ; tổng số công trình nước sinh hoạt trên địa bàn huyện 169 công trình, cung cấp nước cho 185 bản thuộc 22 xã, thị trấn. Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 98,2%; Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch 90%.

b) Thoát nước

Trên địa bàn huyện, khu vực trung tâm huyện đã xây dựng hệ thống thoát nước thải, một số tuyến đã được xây dựng kiên cố, có nắp đậy; tuy nhiên, chủ yếu vẫn là hệ thống cống rãnh thoát nước lộ thiên. Còn các khu vực khác, nước thải sinh hoạt ở mỗi hộ dân, nước mưa chủ yếu được thoát xuống các ruộng trũng, ao hồ, mương rãnh hiện có sau đó chảy ra hệ thống các mương tiêu chính rồi cuối cùng đổ ra sông.

3.4. Kết cấu hạ tầng sản xuất cụm công nghiệp, làng nghề

3.4.1. Kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp

Huyện Sìn Hồ chưa hình thành các cụm công nghiệp do điều kiện tự nhiên, hạ tầng kỹ thật của huyện Sìn Hồ còn khó khăn, chưa có chính sách thu hút đầu tư phù hợp.

3.4.2. Kết cấu hạ tầng làng nghề

Các làng nghề hiện nay đang gặp khó khăn về cơ sở hạ tầng, giao thông, sản phẩm làng nghề đơn điệu và kém hấp dẫn khách hàng. Tình hình phát triển còn chậm, ở quy mô nhỏ lẻ, sử dụng công nghệ trang thiết bị lạc hậu, chất lượng sản phẩm chưa cao và kém sức cạnh tranh, nhiều cơ sở ngành nghề nông thôn chưa mạnh dạn đầu tư để sản xuất. Việc huy động các nguồn vốn, để đầu tư vào phát triển sản xuất kinh doanh chủ yếu là vốn tự có của các hộ gia đình. Việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất trong ngành nghề nông thôn còn hạn chế.

3.5. Thực trạng hạ tầng thông tin và truyền thông

Toàn huyện hiện có 01 bưu điện huyện và 21 điểm bưu điện văn hóa xã cung cấp các dịch vụ viễn thông, chuyển phát thư, báo chí; có 02 trạm thu phát lại truyền hình và phát sóng FM, 21 trạm truyền thanh cơ sở, cơ bản đáp ứng nhu cầu của nhân dân trên địa bàn huyện. 02 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông (VNPT, Viettel); có tổng số 210 trạm BTS; 22/22 xã, thị trấn được phủ sóng mạng viễn thông 3G, 4G của Vinaphone, Viettel. Đến năm 2020, toàn huyện có 34.000 thuê bao điện thoại, đạt 39 thuê bao/100 dân. UBND các xã, thị trấn, các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn đều có kết nối internet băng thông rộng; toàn huyện có 6.000 thuê bao internet, đạt 35,2 thuê bao/100 hộ dân.

3.6. Hạ tầng du lịch, nhà hàng, khách sạn

- Sìn Hồ có nhiều điểm du lịch như Núi Đá Ô, động Quan Âm xã Tả Phìn, động Thẳm Luông thuộc xã Ma Quai,…

- Toàn huyện hiện có 02 khách sạn (*trong đó có 01 khách sạn được xếp hạng 2 sao*); 09 nhà nghỉ đã được công nhận đạt tiêu chuẩn đón tiếp khách du lịch và trên 20 cơ sở dịch vụ ăn uống. Thực hiện tốt công tác hướng dẫn, tuyên truyền vận động nhân dân giữ gìn vệ sinh chung, không thả rông gia súc, bảo vệ môi trường sống, trồng cây xanh tạo không gian xanh, sạch, đẹp thu hút du khách.

3.7. Đánh giá kết cấu hạ tầng xã hội

3.7.1. Hạ tầng cơ sở giáo dục và đào tạo

Trong những năm qua, kết cấu hạ tầng giáo dục thường xuyên được đầu tư bằng các nguồn vốn; xây dựng theo hướng đồng bộ, có quy hoạch. Cơ sở vật chất trường lớp, trang thiết bị dạy học được quan tâm đầu tư tương đối đầy đủ theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Toàn huyện có 69 trường học. Toàn ngành có 1.119 phòng học (24 phòng học bộ môn). Trong đó: Kiên cố 691 phòng; Bán kiên cố 408 phòng; Phòng học tạm 40 phòng; Phòng ở công vụ cho giáo viên 205 phòng (kiên cố 60 phòng, bán kiên cố 138 phòng, phòng tạm 7 phòng); Phòng ở bán trú cho học sinh 220 phòng (kiên cố 62 phòng, bán kiên cố 134 phòng, phòng tạm 24 phòng).

Đến hết năm 2020, 100% các đơn vị trường đều có thiết bị dạy học tối thiểu, cơ bản đáp ứng được việc dạy và học của giáo viên và học sinh; 100% các đơn vị trường học phổ thông có thư viện đều được đầu tư bổ sung.

3.7.2. Hạ tầng cơ sở y tế và chăm sóc sức khoẻ

Được sự quan tâm lãnh chỉ đạo sát sao của Sở Y tế Lai Châu, Huyện ủy, HĐND - UBND huyện, sự phối kết hợp của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện đơn vị đã được đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị. Các dịch vụ y tế, dân số ngày càng phát triển.

- Trung tâm y tế huyện được thành lập từ năm 1991 qua nhiều năm phát triển đến tháng 10/2019 UBND tỉnh ban hành Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 09/10/2019 sáp nhập Trung tâm Dân số vào Trung tâm y tế và tổ chức lại Trung tâm y tế với 4 phòng chức năng 11 khoa lâm sàng, cận lâm sàng và dự phòng với quy mô 80 giường bệnh kế hoạch (thực kê 152 giường). Tháng 8/2018

Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ (cơ sở 2) được thành lập theo Quyết định 850/QĐ-UBND ngày 31/7/2018 của UBND tỉnh Lai Châu trên cơ sở giải thể PKĐKKV Pa Há với quy mô 60 giường kế hoạch (thực kê 69 giường). Một số trang thiết bị từng bước được bổ sung nhiều thiết bị đồng bộ, hiện đại, từng bước đổi mới chính sách tài chính y tế, thực hiện lộ trình tự chủ thường xuyên khối điều trị.

- Tại các trạm y tế: 14/22 trạm y tế xây dựng kiên cố theo mẫu định hình, mỗi Trạm y tế có 4 giường lưu/trạm.

- Cơ sở vật chất đã được đầu tư xây dựng nâng cấp, trang thiết bị còn thiếu thốn, chưa đồng bộ.

- Nguồn nhân lực còn hạn chế, thiếu bác sỹ có chuyên môn trình độ cao. Các chính sách thu hút, ưu đãi chưa thỏa đáng cho các bác sỹ công tác tại vùng cao.

- Các trạm y tế xã chưa có đầy hệ thống xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn.

- Thiếu các trang thiết bị phục vụ công tác khám chữa bệnh.

3.7.3. Hạ tầng văn hóa, thể thao và vui chơi giải trí

Việc đầu tư cho phát triển văn hóa, thể thao trong nhiều năm qua được huyện quan tâm, tương xứng với tốc độ phát triển kinh tế của huyện, đảm bảo cho phát triển văn hóa là nền tảng phát triển kinh tế, xã hội. Đến hết năm 2020, trên địa bàn huyện có 164 nhà văn hóa, gồm: 21 nhà văn hóa xã, 143 nhà văn hóa bản. Cấp thiết bị cho 80 nhà văn hóa, trong đó: 13 nhà văn hóa xã, 67 nhà văn hóa bản đạt 48,8% so với tổng số nhà văn hóa.

IV. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG ĐÔ THỊ VÀ KHU DÂN CƯ NÔNG THÔN, CÁC KHU CHỨC NĂNG

4.1. Hiện trạng hệ thống đô thị

Thị trấn Sìn Hồ nằm ở trung tâm huyện Sìn Hồ, trên đường tỉnh 128 và 129; là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, du lịch, dịch vụ của huyện Sìn Hồ; giữ vai trò là đô thị hạt nhân, lan tỏa thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sìn Hồ và các khu vực lân cận.

Đến năm 2020, khu đô thị được xác định bao gồm toàn bộ thị trấn Sìn Hồ với tổng diện tích tự nhiên là 1.139,14 ha, chiếm 0,75% tổng diện tự nhiên. Dân số trung bình thị trấn Sìn Hồ tính đến hết năm 2020 là 4.488 người, mật độ dân số trên địa bàn thị trấn là 394 người/km^2.

Thời gian qua, huyện đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo huy động mọi nguồn lực đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hạ tầng đô thị đã được đầu tư, cải tạo, nâng cấp, mở rộng; triển khai các dự án chỉnh trang đô thị hiện hữu theo hướng văn minh, hiện đại; hạ tầng xã hội được tập trung đầu tư và có bước phát triển đáng kể; công tác quản lý, bảo vệ và xử lý rác thải sinh hoạt đã có tiến bộ, hệ thống chiếu sáng đô thị phủ kín 80% các tuyến đường; tổng chiều dài đường đô thị đã được xây dựng là 12,86 km. Huyện đã thực hiện xây dựng phương án quy hoạch xây dựng thị trấn Sìn Hồ, tuy nhiên do chưa huy động được nguồn đầu tư nên phương án quy hoạch vẫn chưa hoàn thiện, việc quy hoạch thị trấn Sìn Hồ chưa được thực hiện. Đến nay, thị trấn Sìn Hồ đã được công nhận là đô thị loại V.

4.2. Hiện trạng khu dân cư nông thôn

- Tính đến hết năm 2020, trên địa bàn huyện có 21 xã thuộc khu vực nông thôn, có tổng diện tích là 152.106,04 ha, chiếm 99,25% tổng diện tích tự nhiên của huyện; diện tích đất ở tại nông thôn là 726,67 ha, chiếm 0,48% diện tích tự nhiên của huyện. Hệ thống dân cư nông thôn huyện Sìn Hồ phân bố không đều trên địa bàn, phân tán theo địa hình đồi núi và phụ thuộc nguồn nước sông, suối, giữa các vùng và các khu vực. Dân số trung bình khu vực nông thôn huyện Sìn Hồ năm 2020 là 81.720 người, mật độ dân số khu vực nông thôn là 54,1 người/km^2.

- Cơ sở hạ tầng của hầu hết địa bàn dân cư nông thôn đều chưa hoàn chỉnh; hệ thống giao thông, cấp nước, cấp điện còn tồn tại một số hạn chế về chất lượng; các công trình như trường học, chợ, y tế, sân thể thao... còn thiếu, đặc biệt là các khu dân cư ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người. Những năm gần đây cũng đã được đầu tư và đang dần hoàn thiện về cơ sở hạ tầng như hệ thống giao thông liên bản, liên xã, hệ thống cấp nước, cấp điện nông thôn, thông tin liên lạc, hệ thống giáo dục - đào tạo, chợ, y tế, sân thể thao,…

- Những năm qua, việc thực hiện các chương trình định canh định cư, chương trình xoá đói giảm nghèo, dự án xây dựng trung tâm cụm xã đã gắn việc sắp xếp, ổn định dân cư với sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu vùng

nông thôn. Vì vậy, đã có tác động hữu hiệu trong việc ngăn ngừa tình trạng di dân tự do, làm thay đổi dần bộ mặt nông thôn.

- Giai đoạn 2011-2020, huyện đã thực hiện quyết liệt chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, lồng ghép, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư, huy động nguồn lực từ nhân dân; tăng cường kiểm tra, đôn đốc triển khai thực hiện chương trình tại các xã, kịp thời tháo gỡ những khó khăn vướng mắc trong tổ chức thực hiện. Đến hết năm 2020, huyện có 04 xã đạt chuẩn nông thôn mới; có 03 xã đạt từ 15-18 tiêu chí, 14 xã đạt từ 10-14 tiêu chí, bình quân đạt 14,7 tiêu chí/xã (*tăng 4,2 tiêu chí so với năm 2015*); đã thực hiện cứng hóa được 752,966 km đường giao thông các loại, kiên cố được 192,5 km kênh mương; nâng cấp, xây dựng mới 02 phòng học, 18 nhà văn hóa xã, 118 nhà văn hóa bản; đầu tư và nâng cấp 19 trạm biến áp, kéo điện lưới quốc gia cho 34 bản, tại 16 xã với tổng số 177,9 km đường dây (*trong đó: 99,6 km đường dây 35KV; 78,3 km đường dây 0,4KV*); xây mới và cải tạo, nâng cấp, sửa chữa 26 công trình nước sinh hoạt. Tổng kinh phí thực hiện giai đoạn 2016-2020: 1.254.924 triệu đồng, huy động nhân dân đóng góp hơn 197.318 ngày công; hiến được 208.057 m^2 đất...

4.3. Các khu chức năng

Hiện tại việc hình thành và phát triển các khu chức năng của huyện đang trong bước đầu: Chưa hình thành được các cụm công nghiệp; khu du lịch vẫn còn là các điểm nhỏ chưa hình thành thành khu chức năng cần tận dụng khai thác các tiềm năng du lịch của huyện; các khu vực cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh chưa được hình thành.

V. TỔNG HỢP NHỮNG LỢI THẾ, CƠ HỘI, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG - AN NINH

5.1. Những lợi thế, cơ hội

- Huyện Sìn Hồ là huyện vùng cao biên giới, có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng và phòng hộ đầu nguồn sông Đà, diện tích tự nhiên lớn trong đó gần 90% là núi, đất đai có tầng canh tác tương đối dày là điều kiện thuận lợi cho phát triển rừng phòng hộ đầu nguồn, nông lâm kết hợp.

- Huyện có tiềm năng, thế mạnh về rừng, đất đai, khoáng sản, nguồn nước; điều kiện tự nhiên thích hợp cho đa dạng hóa cây trồng, phát triển nông

nghiệp hàng hóa với các loài cây lương thực, thực phẩm, cây dược liệu, cây công nghiệp ngắn ngày, dài ngày,... đặc biệt thích hợp cho việc xây dựng mô hình nông - lâm kết hợp và phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hình thức trang trại, gia trại.

- Mật độ sông, suối khá cao, lượng mưa lớn, đặc điểm địa hình cao dốc, tạo điều kiện cho việc thiết kế, xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ, đặc biệt hệ thống kênh mương tự chảy và phân phối nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt.

- Mặt khác, mực nước lòng hồ thuỷ điện Sơn La và thuỷ điện Nậm Na dâng lên sẽ hình thành một vùng lòng hồ rộng lớn, đây là điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thuỷ sản (cá lồng) và vận chuyển đường thuỷ. Trên địa bàn huyện có nhiều dân tộc sinh sống, mỗi dân tộc có truyền thống văn hoá riêng, phong tục tập quán riêng, sống đan xen tạo nên nét bản sắc đa dạng phong phú. Đó là những tiềm năng để phát triển các loại hình du lịch: sinh thái, nghỉ mát, vui chơi giải trí...

- Các xã vùng cao huyện Sìn Hồ có khí hậu mát mẻ, gần giống với thị trấn Sa Pa cùng với những phong tục tập quán độc đáo trong đời sống sinh hoạt của bà con dân bản, những cảnh quan thiên nhiên, các danh lam thắng cảnh, di tích văn hóa như Núi Đá Ô, động Quan Âm, động Thẳm Luông,… là lợi thế lớn để phát triển du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng.

- Tiềm năng đa dạng về các loại khoáng sản như: đồng, vàng, chì, vật liệu xây dựng là lợi thế để thu hút các nguồn vốn đầu tư và phát triển công nghiệp khai khoáng …

- Người dân Sìn Hồ luôn đoàn kết, phát huy bản chất cần cù, sáng tạo, chung tay cùng cấp Đảng ủy, chính quyền xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Vẫn giữ được những nét văn hóa truyền thống, mộc mạc, giàu lòng tương thân, tương ái. Nguồn lao động trẻ, dồi dào là nguồn lực phát triển kinh tế trong giai đoạn tới.

- Hệ thống chính trị không ngừng được củng cố, đạt trong sạch vững mạnh; đồng bào các dân tộc luôn tin tưởng, chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

5.2. Những khó khăn và thách thức

- Sìn Hồ là huyện miền núi, xa các trung tâm kinh tế, địa hình chia cắt mạnh, kết cấu hạ tầng cơ sở kém phát triển, đặc biệt là mạng lưới giao thông quá

khó khăn là nguyên nhân cơ bản hạn chế sự giao lưu kinh tế, văn hóa của nhân dân trong vùng và phát triển sản xuất hàng hóa. Đây là trở ngại lớn trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của huyện, nhưng vẫn chưa được quan tâm, đầu tư thỏa đáng.

- Tiềm năng đất đai lớn, nhưng tài nguyên đất nông nghiệp có hạn, để phát triển đòi hỏi phải đầu tư lớn; khả năng thâm canh hạn chế, phương thức bảo vệ, cải tạo đất và môi trường chưa hiệu quả đã có tác động xấu đến quỹ đất của huyện;

- Xuất phát điểm kinh tế so với các huyện trong tỉnh và trong vùng còn thấp; là huyện biên giới song địa hình hiểm trở, không thuận lợi cho mở cửa khẩu tiểu ngạch; kinh tế chủ yếu là nông, lâm nghiệp; tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ chậm phát triển.

- Cơ cấu kinh tế giữa các ngành và trong nội bộ từng ngành chưa có sự chuyển dịch rõ nét. Nông, lâm nghiệp hiện vẫn chiếm tỷ trọng cao, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp chưa phát triển, các ngành dịch vụ chưa đáp ứng được yêu cầu.

VI. ĐÁNH GIÁ CÁC YẾU TỐ, ĐIỀU KIỆN BỐI CẢNH QUỐC TẾ, QUỐC GIA VÀ VÙNG TÁC ĐỘNG ĐẾN PHÁT TRIỂN CỦA HUYỆN

6.1. Bối cảnh quốc tế và khu vực

Thế giới đã hình thành các liên minh kinh tế Tây Âu, khối mậu dịch tự do Bắc Mỹ (NAFTA), khu mậu dịch tự do các nước ASEAN (AFTA) mà Việt Nam là thành viên. Nước ta đã công bố lộ trình tham gia hiệp định ưu đãi thuế quan có hiệu lực chung (CEFT), trong đó có một số mặt hàng mà tỉnh Lai Châu cần quan tâm thực hiện. Việt Nam hiện là thành viên quan trọng trong khối ASEAN. Năm 2007, Việt Nam chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), có quan hệ thương mại với trên 150 quốc gia và vùng lãnh thổ, đánh dấu sự hội nhập toàn diện và đầy đủ của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu. Thực hiện tốt các cam kết với Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) và các hiệp định quan hệ thương mại song phương để thể hiện rõ, Việt Nam luôn là bạn, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế.

- Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4 thông qua các công nghệ như Internet vạn vật (IoT), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác thực tại ảo (AR), mạng xã hội, điện toán đám mây, di động, phân tích dữ liệu lớn (SMAC)… sẽ tiếp tục tác động mạnh mẽ và rộng rãi đến mọi mặt về kinh tế, đời

sống; các thách thức an ninh phi truyền thống, đặc biệt là biến đổi khí hậu ngày càng gia tăng về cả tác động và cường độ.

Tình hình dịch bệnh Covid-19 đã để lại tác động đa diện về mặt địa chính trị và kinh tế trên toàn thế giới. Trong bối cảnh đó, chính phủ các nước đang phải chịu áp lực lớn nhằm giảm bớt tác động của các biện pháp hạn chế đối với nền kinh tế. Bức tranh kinh tế châu Âu cũng xuất hiện một loạt khoảng tối chưa từng thấy khi dịch bệnh diễn biến nghiêm trọng ở tất cả các nền kinh tế chủ chốt của châu lục.

6.2. Bối cảnh trong nước

Thế và lực của đất nước sau hơn 35 năm đổi mới đã lớn mạnh hơn nhiều cả về quy mô và sức cạnh tranh. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng; xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí chuyển biến mạnh mẽ, quyết liệt, đạt kết quả nổi bật. Tình hình chính trị - xã hội và kinh tế vĩ mô ổn định. Hoạt động đối ngoại, hội nhập ngày càng sâu rộng và hiệu quả. Niềm tin của cộng đồng doanh nghiệp và người dân ngày càng tăng lên,… Quốc phòng, an ninh không ngừng được củng cố; kiên quyết giữ vững độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc.

Quan hệ hợp tác nhiều mặt của Việt Nam với các quốc gia khác không ngừng mở rộng, tích cực tham gia và đóng góp vào giải quyết các vấn đề toàn cầu, bảo vệ hoà bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang. Tăng cường hợp tác, trước hết về kinh tế, là sự bổ sung và hỗ trợ cần thiết cho việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để từ đó có thể chủ động đi vào quỹ đạo phát triển của thời đại một cách có lợi và phù hợp nhất.

Tuy nhiên, trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 nền kinh tế sẽ phải đối mặt rất nhiều khó khăn, thách thức đến từ những yếu kém nội tại của nền kinh tế cũng như các vấn đề xã hội - môi trường gây áp lực lớn đến phát triển kinh tế - xã hội như già hóa dân số, chênh lệch giàu nghèo, thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, xâm nhập mặn,…

6.3. Bối cảnh trong tỉnh

- Với chủ trương, định hướng đúng đắn, cùng với sự năng động, sáng tạo trong công tác đối ngoại nên tỉnh Lai Châu trong những năm qua đã đạt được những kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư toàn diện, có trọng điểm đã phát huy hiệu quả; kinh tế tăng

trưởng nhanh; văn hóa, xã hội ngày càng phát triển; đối ngoại được mở rộng. Công tác đảm bảo trật tự an ninh và giữ vững chủ quyền lãnh thổ quốc gia xây dựng khu vực biên giới hòa bình, ổn định, phát triển. Góp phần nâng cao vị thế của tỉnh Lai Châu với bạn bè trong nước và quốc tế. Đảng bộ, Chính quyền, Nhân dân các dân tộc Lai Châu luôn đoàn kết, thống nhất; hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả.

- Do quy mô, tiềm lực kinh tế của tỉnh còn nhỏ; biến đổi khí hậu, hạn hán, bão lũ, dịch bệnh cây trồng, vật nuôi thường xuyên xảy ra; đại dịch Covid-19 tác động mạnh đến nền kinh tế của tỉnh có tỷ trọng dịch vụ, du lịch cao; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đồng bộ và hoàn thiện; nhiều xã có tỷ lệ hộ nghèo cao, đời sống nhân dân vùng cao, vùng đồng bào dân tộc thiểu số còn nhiều khó khăn; chất lượng nguồn lực chưa đáp ứng yêu cầu; tình hình an ninh nông thôn, tội phạm, tệ nạn xã hội tiềm ẩn các yếu tố phức tạp.

6.4. Bối cảnh trong huyện

- Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ và chính quyền địa phương, huyện Sìn Hồ đã có những chuyển biến tích cực. Kết cấu hạ tầng cơ sở, các chương trình, dự án đầu tư đã phát huy hiệu quả, kinh tế - xã hội ngày càng phát triển; quốc phòng - an ninh, chủ quyền biên giới quốc gia được giữ vững; hệ thống chính trị vững mạnh, hiệu lực, hiệu quả. Nhân dân các dân tộc huyện Sìn Hồ có truyền thống đoàn kết, yêu nước, cần cù lao động và chấp hành tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.

- Tuy nhiên là huyện biên giới, đặc biệt khó khăn, có điểm xuất phát thấp về nhiều mặt; quy mô sản xuất kinh tế còn nhỏ lẻ, phụ thuộc nhiều vào điều kiện tự nhiên; thời tiết, khí hậu khắc nghiệt, mưa lũ, sạt lở, rét đậm, rét hại kéo dài, dịch bệnh,… đã ảnh hưởng lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân. Diện tích tự nhiên chủ yếu là đồi núi đá, địa hình dốc, diện tích đất canh tác ít, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu. Đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí chưa đồng đều, một bộ phận nhân dân còn có tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước.

PHẦN II
XÂY DỰNG CÁC QUAN ĐIỂM, XÁC ĐỊNH CÁC MỤC TIÊU VÀ LỰA CHỌN CÁC PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN, PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

I. Xây dựng Quan điểm, mục tiêu phát triển

1.1. Quan điểm phát triển

- Phát triển kinh tế - xã hội phù hợp với chiến lược phát triển của tỉnh; dựa trên lợi thế của địa phương, tăng cường phát huy nội lực kết hợp với thu hút ngoại lực. Xác định lấy phát triển nông lâm nghiệp sinh thái làm trọng tâm, ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung; phát triển các ngành công nghiệp đặc biệt là công nghiệp chế biến nông - lâm sản gắn với vùng sản xuất hàng hóa; đẩy mạnh phát triển về thương mại, dịch vụ, phát triển du lịch trở thành bước đột phá trong phát triển kinh tế của huyện.

- Khai thác và phát huy tối đa nguồn lực trong nhân dân, trong cộng đồng doanh nghiệp, trong các tổ chức và cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh trên địa bàn huyện.

- Gắn phát triển kinh tế với bảo tồn, phát huy bản sắc văn hóa truyền thống; giải quyết các vấn đề an sinh xã hội (giảm nghèo nhanh, bền vững, giải quyết việc làm, giải quyết các tệ nạn xã hội); thực hiện tốt các chính sách dân tộc, nâng cao đời sống tinh thần cho người dân.

- Phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, tận dụng tối đa nguồn thu từ việc chi trả dịch vụ môi trường rừng.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững; phát triển kinh tế với thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, xây dựng bộ máy chính quyền từ huyện đến cơ sở tinh gọn, trong sạch vững mạnh.

+ Tập trung ưu tiên phát triển kết cấu hạ tầng, đặc biệt là hạ tầng giao thông.

+ Phát huy lợi thế sản phẩm nông nghiệp chất lượng cao, phát huy tối đa giá trị mang lại từ kinh tế lòng hồ *(du lịch, nuôi trồng thủy sản,...);* phát triển du lịch trên cơ sở điều kiện tự nhiên, bản sắc văn hóa…

- Nắm bắt kịp thời, tận dụng hiệu quả các cơ hội để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, hiệu lực, hiệu quả quản lý xã

hội thông qua nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu tiên tiến của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội, nhất là một số ngành, lĩnh vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế để làm động lực cho tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực so với vùng và tỉnh.

- Tận dụng tối đa cơ hội, khai thác lợi thế đặc thù của Việt Nam để đi nhanh và đi đầu, tạo lợi thế cạnh tranh, thu hút nguồn lực, huy động sức mạnh toàn dân trong thực hiện chuyển đổi số.

1.2. Mục tiêu phát triển thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

1.2.1. Mục tiêu tổng quát

Phát huy tối đa các nguồn lực để đưa huyện Sìn Hồ sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển, có quốc phòng - an ninh vững mạnh, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, phát triển nông nghiệp chất lượng cao, gắn với phát triển công nghiệp chế biến. Khai thác toàn diện tiềm năng, lợi thế của huyện về phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành bước đột phá trong phát triển kinh tế của huyện. Nâng cao chất lượng các lĩnh vực văn hóa - xã hội: giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và chất lượng nguồn nhân lực, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030 có 52,4% số xã đạt chuẩn quốc gia về xây dựng NTM; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao.

Mục tiêu tổng quát trên hướng tới các mục tiêu sau đây:

- Tập trung phát triển kinh tế - xã hội, đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với củng cố quốc phòng - an ninh, bảo vệ môi trường sinh thái bền vững; phát huy tiềm năng, lợi thế của huyện; thực hiện đồng bộ các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo bền vững; nâng cao chất lượng giáo dục, chăm sóc sức khỏe, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân. Đảm bảo quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; xây dựng huyện Sìn Hồ ổn định và phát triển.

- Đến năm 2030, huyện Sìn Hồ trở thành vùng không gian lãnh thổ phát triển bền vững, có chất lượng sống tốt; là trung tâm phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; là trung tâm nguyên liệu cây nông nghiệp, cây công nghiệp (cây lúa chất lượng, chè, quế, mắc ca…) theo hướng ứng dụng công nghệ cao gắn với công nghiệp chế biến.

- Tập trung, ưu tiên mọi nguồn lực để tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng, trong đó đặc biệt là hạ tầng giao thông, hạ tầng khu sản xuất, mở rộng, kiên cố hóa hệ thống thủy lợi, tưới tiêu; Phát triển và có chính sách hỗ trợ nuôi trồng thủy sản lòng hồ thủy điện; mở rộng, phát triển không gian đô thị, phấn đấu đến năm 2030 thị trấn Sìn Hồ đạt đô thị loại IV.

- Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng chất lượng bền vững. Tập trung chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo tăng tỷ trọng ngành công nghiệp và ngành dịch vụ - du lịch. Phát triển nông nghiệp theo hướng chất lượng cao, áp dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật vào sản xuất nhằm tăng giá trị sản xuất; gắn với xây dựng nông thôn mới, xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn. Khai thác tối đa lợi thế về điều kiện tự nhiên và bản sắc văn hóa đặc thù để phát triển các loại hình dịch vụ và du lịch.

- Phát triển văn hóa gắn với phát triển kinh tế - xã hội; chú trọng nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân; giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng công tác giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và chất lượng nguồn nhân lực. Đảm bảo quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, xã hội.

- Tiếp tục thực hiện đổi mới, sắp xếp, tổ chức bộ máy chính quyền tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng, lãng phí.

- Thực hiện chương trình Chuyển đổi số theo chương trình Chuyển đổi số quốc gia, nhằm mục tiêu phát triển, hoàn thiện nền tảng Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số.

- Hoàn thiện nền tảng Chính phủ điện tử nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; phát triển Chính phủ điện tử dựa trên dữ liệu và dữ liệu mở hướng tới Chính phủ số, nền kinh tế số và xã hội số; bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng.

1.2.2. Các mục tiêu cụ thể

Bảng 5: Một số chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021 – 2030

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện đến năm 2025	Thực hiện đến năm 2030
*	***Chỉ tiêu về kinh tế***			
1	Cơ cấu tổng giá trị sản xuất		100	100

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện đến năm 2025	Thực hiện đến năm 2030
	- Nông, lâm thủy sản	%	17,7	15,72
	- Công nghiệp - xây dựng	%	39,78	37,88
	- Các ngành dịch vụ	%	42,52	46,4
2	Thu nhập bình quân đầu người/năm	Tr.đ	45	70
3	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn	Tỷ.đ	50	90
4	Tổng sản lượng lương thực có hạt	Tấn	47.000	52.900
5	Tốc độ tăng trưởng đàn gia súc	%	5	6
6	Tổng số lồng cá	Lồng	300	400
7	Sản lượng đánh bắt và nuôi trồng	Tấn	350	380
8	Tỷ lệ che phủ rừng	%	42	43
9	Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới	%	33,3	52,4
*	***Chỉ số về xã hội***			
1	**Dân số, lao động, việc làm**			
-	Dân số trung bình	Người	92.414	98.823
-	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,40%	1,35%
-	Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo	%	>5	3-4
-	Số lao động 15 tuổi trở lên	%	58.367	64.442
-	Tỷ lệ lao động qua đào tạo	%	62,4	73
-	Cơ cấu lao động			
	Nông, lâm nghiệp và thuỷ sản	*%*	*65,1*	*50,3*
	Công nghiệp và xây dựng	*%*	*13,6*	*19,4*
	Thương mại, dịch vụ	*%*	*21,3*	*30,3*
2	**Văn hóa**			
21	Tỷ lệ hộ gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	80	85
22	Tỷ lệ bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	83,5	85
23	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98,7	98,7
3	**Giáo dục**			
13	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn quốc gia	%	45	60
4	**Y Tế**			
15	Số giường bệnh/10.000 dân (không tính giường trạm y tế xã)	Giường	15,3	25
17	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	87	95,4
14	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	97,5	> 98
*	***Chỉ tiêu phát triển cơ sở hạ tầng***			
9	Tỷ lệ số bản, có đường xe máy, ô tô đi lại thuận lợi	%	100	100
12	Tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia	%	96	98
27	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh	%	100	100
28	Tỷ lệ dân số đô thị được sử dụng nước sạch	%	100	100
29	Tỷ lệ chất rắn đô thị được thu gom	%	94,8	100

1.2.3. Tầm nhìn của huyện đến năm 2050

- Phấn đấu đến năm 2050, Sìn Hồ có mức thu nhập bình quân đầu người bằng mức chung của tỉnh. Trong đó, phát triển thương mại dịch vụ, du lịch là

trọng tâm của nền kinh tế; liên kết chặt chẽ về thương mại, dịch vụ, nguồn nhân lực với địa phương trong; ngoài tỉnh và nước bạn Trung Quốc.

- Xác định huyện Sìn Hồ là một trong những huyện có nền nông nghiệp phát triển, thông minh, hiệu quả, đảm bảo an ninh lương thực bền vững; trên các lợi thế khí hậu, đất đai phát triển giống cây trồng, vật nuôi có thế mạnh gắn với liên kết giá trị gia tăng. Đem lại lợi ích về kinh tế, ổn định đời sống của người dân.

- Phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng trên cơ sở khai thác tối đa những ưu thế về địa hình vùng núi cao, khí hậu mát mẻ, hồ thủy điện,… Kết hợp với các đặc sản ngành nông nghiệp của địa phương sẽ tạo cho Sìn Hồ một diện mạo mới của một huyện miền núi phía Bắc với kinh tế phát triển, bản sắc văn hóa đặc sắc, một địa chỉ đáng nhớ khi đến Lai Châu.

II. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC QUAN TRỌNG

2.1. Phương hướng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản

2.1.1. Định hướng phát triển

Xác định lấy phát triển nông, lâm nghiệp sinh thái là trọng tâm của huyện.

- Đẩy mạnh tái cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với xây dựng nông thôn mới. Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả các Nghị quyết, Đề án của tỉnh về phát triển nông nghiệp, nông thôn phù hợp với điều kiện thực tế như: đề án phát triển nông nghiệp các xã đặc biệt khó khăn và các xã biên giới; đề án xây dựng bản nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn; đề án phát triển rừng, phát triển nông nghiệp hàng hóa chất lượng cao; đề án phát triển cây dược liệu; thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới và tham gia Chương trình OCOP.

- Duy trì phát triển ổn định diện tích trồng cây lương thực có hạt; diện tích cao su; tập trung thâm canh, ứng dụng công nghệ cao, phát triển các mô hình sản xuất hữu cơ, sản xuất sạch nhằm phát triển sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, thân thiện với môi trường; một số cây trồng chủ lực như: chè, lúa gạo đặc sản, rau quả ôn đới, quế, mắc ca, sơn tra, cây dược liệu,... Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò), mở rộng quy mô nuôi trồng thủy sản lòng hồ và nuôi cá nước lạnh với các loại cá có giá trị kinh tế cao.

- Khai thác có hiệu quả, hợp lý tiềm năng, lợi thế của huyện để phát triển một số sản phẩm nông nghiệp theo hướng hàng hóa, gắn với phát triển du lịch có quy mô lớn, tập trung, tạo bước đột phá để hình thành vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung chuyên canh gắn với chế biến, bảo quản và tiêu thụ sản phẩm, tạo ra một số sản phẩm chủ lực của huyện theo hướng sạch, an toàn.

- Thúc đẩy sản xuất nông sản phù hợp với sinh thái, văn hóa của địa phương, tạo ra nhiều sản phẩm đặc sản có lợi thế so sánh để cung cấp cho thị trường trong nước và xuất khẩu. Góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh các hình thức liên kết theo chuỗi giá trị gia tăng từ cung cấp đầu vào - tổ chức sản xuất - chế biến - tiêu thụ giữa doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác với nông dân và tổ chức đại diện của nông dân, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và chế biến, bảo quản gắn với xây dựng thương hiệu đối với những sản phẩm nông sản có thế mạnh của huyện.

- Tập trung bảo vệ nghiêm ngặt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng mới gắn với thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng. Nâng cao năng lực phòng, chống cháy rừng, đầu tư cải tạo kết cấu hạ tầng phục vụ nâng cao năng lực, chất lượng công tác bảo vệ và phát triển rừng.

- Tiếp tục đầu tư duy tu, bảo dưỡng hệ thống thuỷ lợi, quản lý khai thác công trình hiệu quả. Phát triển các hồ thuỷ lợi theo hướng sử dụng tổng hợp, đa mục đích *(tưới, tiêu, thuỷ sản, du lịch,...)*, tăng cường áp dụng các công nghệ tưới tiết kiệm nước nâng cao hiệu quả sử dụng các công trình thuỷ lợi.

- Thực hiện có hiệu quả chương trình xây dựng nông thôn mới, huy động các nguồn lực để xây dựng kết cấu hạ tầng - xã hội vùng nông thôn, tập trung xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế du lịch, mỗi xã một sản phẩm,... Tiếp tục củng cố nâng cao các tiêu chí tại các xã đã đạt chuẩn; từng bước xây dựng các xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, không ngừng cải thiện cuộc sống người dân nông thôn.

- Phát triển không gian theo vùng sản xuất, gồm 2 vùng:

+ Các xã vùng cao: Phát triển cây ăn quả ôn đới (lê, mận, đào,...), cây dược liệu, chè, sơn tra, chăn nuôi (trâu),...

+ Các xã vùng thấp và 2 xã dọc sông Nậm Na: Phát triển cây ăn quả nhiệt đới (chuối, xoài, cam, chanh, quýt,...), cây lương thực (lúa, ngô), quế,

dổi, gỗ lớn, mắc ca, thủy sản lòng hồ cá lồng, chăn nuôi (trâu),...Duy trì diện tích cây cao su, thảo quả hiện có trên địa bàn.

- Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, nông nghiệp chính xác, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn, vệ sinh thực phẩm. Đẩy mạnh phát triển thương mại điện tử trong nông nghiệp.

2.1.2. Phương hướng phát triển các ngành

a) Phát triển trồng trọt

Từng bước chuyển đổi diện tích đất trồng cây lương thực kém hiệu quả sang cây trồng có hiệu quả kinh tế cao hơn. Phát triển các loại cây trồng theo hướng đa dạng, phát huy ưu thế sinh thái, kết hợp ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật. Cụ thể một số cây trồng chính:

- Cây lúa: Khai thác hợp lý và nâng cao hiệu quả sử dụng đất trồng lúa, ổn định diện tích trồng lúa cả năm đến năm 2025 là 6.600 ha, đến năm 2030 đạt 6.800 ha. Nhằm đảm bảo an ninh lương thực, đồng thời cung cấp sản phẩm phục vụ nhu cầu thị trường. Phát triển vùng trồng lúa hàng hóa chất lượng cao đến năm 2025 diện tích là 400 ha tại xã Noong Hẻo, Nậm Cuổi, sản lượng trên 2.000 tấn/năm, năng suất 50 tạ/ha. Tăng cường áp dụng các biện pháp chăm sóc hữu cơ, đầu tư thâm canh tăng năng suất, chất lượng; mỗi cánh đồng chỉ sử dụng 1 - 2 giống lúa để sản xuất.

- Cây ngô: Từng bước giảm dần diện tích canh tác ngô 01 vụ vùng cao kém hiệu quả, thực hiện tăng vụ ngô xuân, ngô hè thu; tập trung khai thác hợp lý và nâng cao chất lượng. Đến năm 2025, duy trì ổn định 4.300 ha diện tích ngô, đến năm 2030, diện tích ngô còn khoảng 4.000 ha.

- Cây rau: Mở rộng diện tích gieo trồng tăng vụ trên đất ngô. Đến năm 2030, ổn định diện tích rau trên địa bàn các xã, thị trấn 750 ha. Phát triển vùng trồng rau đặc sản (cải làn, cải ngồng, su su, cải bắp,..) tại các xã vùng cao *(xã Phăng Sô Lin, Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Tả Phìn...)* với diện tích khoảng 100 ha.

- Cây ăn quả ôn đới *(lê, mận, đào)*: Phát triển tập trung ở các xã vùng cao *(xã Làng Mô, Hồng Thu, Phăng Sô Lin,...)*. Đến năm 2025, trồng mới thêm 200 ha tại

các xã vùng cao. Đến năm 2050, duy trì diện tích, tập trung ứng dụng khoa học công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm.

- Cây ăn quả nhiệt đới (xoài, cam, quýt, chanh,...): Phát triển tập trung ở các xã vùng thấp *(xã Nậm Hăn, Lùng Thàng, Nậm Mạ,...)*. Tuyên truyền hướng dẫn nhân dân chăm sóc bảo vệ tốt diện tích cây ăn quả nhiệt đới hiện có. Đến năm 2025, trồng mới thêm 200 ha, đến năm 2030 trồng mới thêm khoảng 500 ha. Phát triển vùng trồng Xoài theo hướng sử dụng trồng thuần 01 giống Xoài Đài Loan, tập trung chỉ đạo áp dụng đúng quy trình sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật, nhất là khâu chăm sóc, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa đẩy mạnh liên kết hướng tới trở thành hàng xuất khẩu.

- Cây chuối: Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, áp dụng quy trình sản xuất an toàn, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chuối quả. Hiện nay đã hình thành vùng trồng chuối tại các xã Pa Tần, Phìn Hồ, Hồng Thu, Lùng Thàng, Căn Co, Nậm Cuổi, Nậm Hăn. Tiếp tục phát triển mở rộng diện tích trồng thêm 350 ha, đến năm 2025 tổng diện tích cả huyện đạt 1.000 ha. Tập trung chỉ đạo đầu tư thâm canh, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm chuối quả, hạn chế thoái hóa đất, sâu bệnh. Đến năm 2030, duy trì phát triển ổn định diện tích chuối đã có.

- Cây sơn tra: Đến năm 2025, mở rộng diện tích vùng trồng cây sơn tra tại các xã vùng cao thêm 300 ha. Đến năm 2030, duy trì diện tích đã có tại thị trấn Sìn Hồ và các xã vùng cao.

- Cây chè: Đến năm 2025, trồng mới thêm 300 ha chè, đến năm 2030 trồng mới thêm 500 ha chè ở các xã Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai, Tả Ngảo, Sà Dề Phìn. Chăm sóc bảo tồn và khai thác có hiệu quả 10 ha chè cổ thụ tại xã Sà Dề Phìn gắn với du lịch sinh thái. Chỉ sử dụng giống chè Shan, áp dụng quy trình canh tác, chăm sóc chè theo tiêu chuẩn VietGap, chè hữu cơ,...

- Cây dược liệu: Tập trung phát triển các loại cây dược liệu có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm, phân bố tập trung tại thị trấn Sìn Hồ và các xã Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Làng Mô, Tả Phìn, Phăng Sô Lin... với diện tích trồng mới thêm đến năm 2025 là 200 ha, đến năm 2030 là 300 ha.

+ Lồng ghép các nguồn vốn hỗ trợ, đầu tư phát triển cây dược liệu như Đương quy, Actiso, Đỗ trọng, Sơn tra. Tập trung chỉ đạo áp dụng đúng quy trình

sản xuất, chuyên canh tập trung, áp dụng khoa học kỹ thuật, nhất là khâu chăm sóc, đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng hàng hóa. Đẩy mạnh liên kết trong sản xuất, chế biến tiêu thụ sản phẩm. Kêu gọi và tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển trồng các loại dược liệu quý như: Sâm Lai Châu, Thất diệp nhất chi hoa,... tại các xã vùng cao.

+ Trong giai đoạn tới đưa vào một số dự án: Dự án sản xuất giống và trồng sâm Lai Châu, tam thất bắc, bảy lá một hoa tại thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn với vườn sản xuất giống trong nhà lưới 3 ha, vườn trồng thử nghiệm 7 ha; Dự án sản xuất giống và liên kết trồng, thu mua các loại cây dược liệu: đan sâm, sâm cát cánh, sâm đương quy, atiso tại thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Tả Phìn với vườn giống 5 ha, vùng trồng nguyên liệu 45 ha và dự án trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng gắn với du lịch sinh thái tại xã Sà Dề Phìn, Tả Ngảo với diện tích 10 ha.

- Cây mắc ca: Phối hợp với doanh nghiệp tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia góp đất để trồng mới cây Mắc ca tại 02 xã Nậm Cuổi và Nậm Hăn. Đến năm 2025 trồng mới thêm 1.503,8 ha, đến năm 2030 tiếp tục thực hiện mở rộng thêm diện tích trồng mắc ca trên địa bàn huyện khoảng 1.000 ha. Khuyến khích các doanh nghiệp xây dựng sản phẩm theo hướng hữu cơ, thực hiện quy trình truy xuất nguồn gốc, chỉ dẫn địa lý, mã vùng trồng ngay từ khi cấp chủ trương đầu tư dự án.

- Cây hoa: Đến năm 2025, phát triển đưa một số giống hoa vào gieo trồng như lan, hoa hồng,... tại thị trấn Sìn Hồ và các xã vùng cao khoảng 15 ha diện tích hoa các loại.

- Cây quế: Phát triển cây quế theo hướng sản xuất hàng hóa, đẩy nhanh tiến độ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả sản xuất, khai thác có hiệu quả tiềm năng đất đai, khí hậu và nguồn nhân lực tại địa phương, góp phần giảm nghèo, tạo việc làm tăng thu nhập và từng bước thay đổi tập quán canh tác cho người dân địa phương. Góp phần phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, bảo vệ môi trường sinh thái và tạo vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến. Đến năm 2025, trồng mới thêm 500 ha quế tại các xã vùng thấp, đến năm 2030 trồng mới thêm 1.000 ha.

- Cây cao su: Phối hợp với 02 công ty cao su duy trì chăm sóc, quản lý bảo vệ tốt diện tích 8.112 ha cao su hiện có, phấn đấu đến năm 2025 đạt sản

lượng mủ quy khô trên 8.000 tấn/năm; phối hợp với tổ chức đào tạo, tập huấn để nâng cao tay nghề cho người lao động, đặc biệt lực lượng lao động là người dân tộc thiểu số tại địa phương. Tầm nhìn đến năm 2050, sau khi hết chu kỳ khai thác diện tích cây cao su, định hướng chuyển 8.112 ha diện tích cao su sang thành đất trồng rừng sản xuất, trồng cây ăn quả, các loại cây có giá trị kinh tế cao hơn.

- Cây thảo quả: Duy trì diện tích thảo quả hiện trạng 415 ha trên địa bàn các xã vùng cao, không khuyến khích mở rộng thêm diện tích để bảo vệ rừng.

- Khuyến khích các hộ gia đình tạo vườn ươm nhân giống cây trồng để phục vụ nhu cầu giống cây trồng trên địa bàn huyện. Trong giai đoạn 2026-2030, xây dựng vườn ươm của trạm khuyến nông tại xã Nậm Cuổi với diện tích 0,7 ha.

b) Phát triển chăn nuôi

Phát triển chăn nuôi theo quy mô tập trung, nhất là chăn nuôi đàn gia súc (trâu, bò, lợn), khuyến khích nuôi thả đàn ong theo hướng tự nhiên, áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi an toàn, thân thiện môi trường, chất lượng sản phẩm đặc trưng của Sìn Hồ để tạo thương hiệu.

- Chăn nuôi đại gia súc: Khuyến khích đầu tư phát triển các cơ sở chăn nuôi tập trung quy mô nhỏ và vừa. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung: Chăn nuôi trâu tập trung tại xã Nậm Hăn, Pa Tần, Tả Ngảo, Căn Co; Chăn nuôi bò tập trung tại xã Nậm Hăn, xã Tủa Sín Chải. Phấn đấu đến năm 2025, tổng số đàn bò 3.389 con, đàn trâu 27.618 con; đến năm 2030, đàn bò 3.804 con, đàn trâu 29.145 con. Khuyến khích các cơ sở chăn nuôi theo hình thức công nghiệp khép kín, thâm canh, an toàn sinh học, phòng trừ dịch bệnh, bảo vệ môi trường. Hỗ trợ nhân dân, giảm dần và xóa bỏ hình thức chăn nuôi thả rông, thiếu chủ động thức ăn, không nuôi nhốt. Quy hoạch vùng chăn thả, trồng cỏ gắn với những vùng chăn nuôi tập trung. Khuyến khích các hộ chăn nuôi liên kết với các doanh nghiệp trong chăn nuôi đại gia súc. Đến năm 2025, phát triển 04 cơ sở chăn nuôi tập trung đàn đại gia súc (trâu, bò) quy mô nhỏ và vừa, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện có 08 cơ sở chăn nuôi tập trung đàn đại gia súc (trâu, bò).

- Chăn nuôi lợn: Sử dụng các giống lợn có năng suất, chất lượng, phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương. Hỗ trợ xây dựng, cải tạo chuồng trại, áp dụng quy trình chăn nuôi an toàn sinh học, phòng trừ dịch bệnh. Hình thành các

cơ sở chăn nuôi theo hình thức công nghiệp, khép kín, đảm bảo an toàn. Hạn chế chăn nuôi truyền thống, thả rông dễ sinh dịch bệnh, mất vệ sinh môi trường. Đến năm 2025, phát triển 3 cơ sở chăn nuôi lợn tập trung tại thị trấn Sìn Hồ, xã Pa Tần, Nậm Tăm, đến năm 2030 phát triển thêm 10 cơ sở.

- Nuôi ong: Khai thác tiềm năng đất đai, rừng để hình thành, phát triển nghề nuôi ong trên địa bàn toàn huyện, ưu tiên tập trung củng cố và nhân rộng số cơ sở chăn nuôi tại các xã: Sà Dề Phìn, Lùng Thàng,... Tập trung nuôi tại các vùng có diện tích cây ăn quả tập trung và diện tích rừng tự nhiên lớn. Khuyến khích nuôi thả ong theo hướng tự nhiên, kiểm soát dịch bệnh. Áp dụng quy trình sản xuất chăn nuôi an toàn, thân thiện môi trường, chất lượng sản phẩm đặc trưng của Sìn Hồ để tạo thương hiệu. Đến năm 2025, huyện có khoảng 5 cơ sở nuôi ong với quy mô 1.000 đàn, sản lượng mật 2.500 lít/năm. Đến năm 2030, phát triển thêm 8 cơ sở với quy mô 1.800 đàn, sản lượng mật 2.700 lít/năm.

- Phát triển khu chăn nuôi tập trung tại xã Nậm Cha, Nậm Hăn, Tả Ngảo, Làng Mô... diện tích 2,0 ha.

- Phát triển các cơ sở chăn nuôi ngựa, dê, thỏ tập trung trên địa bàn huyện. Đến năm 2030, huyện có khoảng 03 cơ sở chăn nuôi ngựa, 03 cơ sở chăn nuôi dê, 01 cơ sở chăn nuôi thỏ tập trung.

c) Phát triển thủy sản

- Duy trì diện tích nuôi trồng thủy sản hiện có với diện tích 176 ha, sản lượng đánh bắt và nuôi trồng đến năm 2025 đạt 350 tấn, đến năm 2030 đạt 400 tấn. Vùng hồ thủy điện trên địa bàn huyện có diện tích rộng, môi trường nước sạch, có thể phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng sản xuất sạch, đặc sản. Đến năm 2025, phát triển thêm 105 lồng cá, tổng thể tích nuôi đạt 33.000 m^3; đến năm 2030, phát triển thêm 250 lồng, tổng thể tích nuôi 60.500 m^3 tại xã Nậm Mạ, Nậm Cha. Phát triển đa dạng các sản phẩm thủy sản phù hợp nhu cầu thị trường, khuyến khích các giống cá đặc sản có giá trị cao như lăng hoa, chiên, cá tầm, cá chép sông Đà,... Phát triển 01 cơ sở nuôi cá nước lạnh tại xã Sà Dề Phìn.

- Tập trung chỉ đạo áp dụng quy trình nuôi an toàn sinh học, kiểm soát dịch bệnh. Khuyến khích áp dụng các quy trình VietGAP, truy xuất nguồn gốc, cấp nhãn hiệu, chỉ dẫn vùng nuôi để xây dựng thương hiệu sản phẩm thủy sản hàng hóa lòng hồ.

d) Phát triển lâm nghiệp

Tập trung quản lý, bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, tăng cường khoanh nuôi tái sinh, trồng rừng mới gắn với thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường. Gắn trách nhiệm của các chủ rừng, các tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được hưởng lợi từ rừng với công tác quản lý, bảo vệ rừng. Độ che phủ rừng đạt 42% vào năm 2025, đến năm 2030 đạt 43%.

- Đối với các xã vùng thấp: Tập trung phát triển vùng trồng quế, dổi, gỗ lớn, cao su, mắc ca,...

- Đối với các xã vùng cao: Tập trung phát triển phát triển vùng trồng sơn tra, lát, dổi, tếch,...

- Trồng rừng gắn với những cây có giá trị kinh tế cao: cây có sản phẩm ngoài gỗ (cao su, mắc ca, quế), cây gỗ lớn.

- Khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng thay thế (sản xuất, phòng hộ) đến năm 2030 tổng diện tích 2.000 ha trên địa bàn các xã, thị trấn.

- Đầu tư cơ sở hạ tầng lâm sinh như: Trạm quản lý bảo vệ rừng, bảng nội quy, đường băng cản lửa và các công trình hạ tầng phục vụ lâm sinh để bảo vệ và phát triển rừng.

- Thực hiện có hiệu quả công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đẩy mạnh, đổi mới hình thức trong công tác tuyên truyền, giáo dục để tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức, trách nhiệm của ngũ cán bộ các cấp, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và mọi cá nhân đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; thấy rõ được vai trò quan trọng của rừng đối với sự phát triển kinh tế-xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và hạn chế ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Huy động các thành phần kinh tế trong nước theo cơ chế liên doanh, liên kết giữa các hộ nông dân và doanh nghiệp cùng góp vốn để phát triển rừng, hình thành vùng nguyên liệu cho chế biến gỗ; các nguồn vốn hỗ trợ ODA,...

e) Phát triển các chuỗi sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP

Xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp của địa phương. Đến năm 2025, xây dựng 6 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3* trở lên (Rượu ngô, đương quy tươi, đương quy khô, cao hà thủ ô, hoa atiso sấy khô, đỗ trọng). Phấn đấu đến năm 2030, thêm 20 sản phẩm OCOP.

f) Định hướng trong công tác xây dựng nông thôn mới

- Đẩy mạnh xây dựng xã nông thôn mới với các tiêu chí nâng cao, có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phù hợp, khai thác tiềm năng, phát triển ngành nghề nông thôn, chú trọng khôi phục, bảo tồn các ngành nghề truyền thống *(nấu rượu, mây tre đan, nghề gia công cơ khí rèn, đúc...)* gắn với phát triển du lịch văn hóa, sinh thái, cộng đồng. Tạo sinh kế, việc làm, tăng thu nhập cho dân cư nông thôn qua phát triển dịch vụ du lịch; giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống, góp phần thực hiện mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới, gắn với bảo tồn, phát huy giá trị các di sản và bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc.

- Số xã hoàn thành nông thôn mới đến năm 2025 là 7 xã đạt tỷ lệ 33,3%; đến năm 2030 là 11 xã đạt tỷ lệ 52,4%; Đến năm 2050, phấn đấu đạt huyện nông thôn mới.

2.2. Phương hướng phát triển ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng

2.2.1. Định hướng phát triển

- Phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp theo hướng sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và gắn với bảo vệ môi trường. Tiếp tục triển khai có hiệu quả chính sách khuyến công, hỗ trợ những lĩnh vực có tiềm năng, thế mạnh. Phát triển nghề và làng nghề truyền trống như: mây tre đan, nấu rượu,… gắn với phát triển du lịch, tạo việc làm, tăng thu nhập.

- Tập trung các ngành có tiềm năng như công nghiệp khai thác; khai thác vật liệu xây dựng; đầu tư khai thác thủy điện; công nghiệp chế biến nông lâm sản, dược liệu, chè, mắc ca;... nhằm khai thác các nguồn lực, tăng tỷ trọng công nghiệp trong cơ cấu kinh tế của huyện.

- Xây dựng cơ chế pháp lý, khai thác nguồn lực bên ngoài hình thành các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề. Đến năm 2050, xây dựng cụm công nghiệp Sìn Hồ với diện tích 20,0 ha.

- Phát huy sức mạnh của mọi thành phần kinh tế, nhất là kinh tế ngoài quốc doanh để phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng.

- Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực công nghiệp: Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, xây dựng nhà máy thông

minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

2.2.2. Phương hướng phát triển các ngành

a) Công nghiệp chế biến

Đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản gắn với vùng nguyên liệu. Dự kiến kêu gọi, thu hút, đầu tư xây dựng thêm các cơ sở, nhà máy chế biến tại các vùng có vùng nguyên liệu tập trung, thuận lợi cho bảo quản, vận chuyển, tiêu thụ sản phẩm.

- Đến năm 2025, xây dựng 01 nhà máy chế biến chè tại xã Phìn Hồ công suất 15 tấn chè búp tươi/ngày gắn với vùng chè tại các xã Phìn Hồ, Hồng Thu, Sà Dề Phìn, Ma Quai, Tả Ngảo...; 01 nhà máy chế biến mủ cao su trên địa bàn huyện với công suất 5.000 tấn mủ/năm gắn với vùng trồng cao su hiện có trên địa bàn các xã vùng cao của huyện.

- Đến năm 2030, xây dựng 01 nhà máy chế biến sắn tại xã Căn Co; 01 nhà máy chế biến mắc ca ở xã Nậm Cuổi (hoặc xã Nậm Hăn) gắn với vùng nguyên liệu trên địa bàn xã; 01 nhà máy chế biến quế ở xã Nậm Cuổi gắn với vùng trồng quế tại các xã vùng thấp; 01 nhà máy chế biến dược liệu ở xã Sà Dề Phìn gắn với vùng nguyên liệu trên địa bàn huyện.

b) Công nghiệp khai thác khoáng sản và vật liệu xây dựng

- Huyện Sìn Hồ có các mỏ khai thác quặng với trữ lượng tương đối lớn. Trong giai đoạn tới, tiếp tục khai thác các mỏ khoáng sản đã được cấp phép và đưa vào khai thác mỏ đồng Nậm Pửng ở xã Căn Co (diện tích 8,22 ha); mỏ vàng gốc Nậm Cuổi với quy mô 5.000-15.000 tấn quặng/mỏ vàng Pu Sam Cáp tại xã Pu Sam Cáp với quy mô 10.000-20.000 tấn quặng/mỏ. Thăm dò dữ lượng và đưa vào khai thác mỏ đồng Nậm Kinh, xã Căn Co (diện tích 37,5 ha). Tuy nhiên, trong quá trình khai thác, cần có định hướng đúng đắn để không làm cạn kiệt nhanh chóng nguồn tài nguyên và không ảnh hưởng đến môi trường sinh thái.

- Phát triển và đưa vào khai thác một số điểm khai thác đá, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại các xã Hồng Thu, Nậm Cha, Phìn Hồ, Lùng Thàng, Nậm Tăm với tổng quy mô khai thác là 13,95 ha. Thực hiện nghiên cứu và cấp phép thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường cho các điểm mỏ có trữ lượng tốt, bao gồm: Mỏ đá Suối Ngang, xã Pa Tần; mỏ đá Rền Thàng, xã Nậm Cha.

- Tổ chức khai thác cát và bố trí các bãi tập kết ở các vùng dọc sông Đà, sông Nậm Na cụ thể tại các xã Nậm Tăm, Pa Khóa, khai thác cát suối Lùng Cù và suối Nậm Na tại xã Lùng Thàng, Nậm Tăm với tổng diện tích 27,68 ha đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bảo vệ môi trường. Thực hiện nghiên cứu và cấp phép thăm dò, khai thác cát làm vật liệu xây dựng, bao gồm: Cát lòng hồ thủy điện Nậm Na 3; mỏ cát suối Lùng Cù xã Lùng Thàng, mỏ cát suối Nậm Mạ, xã Nậm Tăm; cát suối Nậm Mạ, xã Nậm Tăm.

c) Công nghiệp điện

- Tiếp tục đẩy mạnh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ, phối hợp với các doanh nghiệp triển khai các dự án đã được cấp chủ trương đầu tư, tích cực giải quyết nhanh thủ tục hồ sơ để các dự án đang trong giai đoạn bổ sung quy hoạch sớm được phê duyệt và đầu tư, phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành các công trình thủy điện trên địa bàn.

- Với địa hình vùng núi cao, là vùng đầu nguồn sông Đà, có sông Nậm Na và các suối lớn chảy qua với lưu lượng dòng chảy mạnh nên huyện có tiềm năng thuỷ điện rất phong phú, thuận lợi cho việc xây dựng và phát triển các nhà máy thuỷ điện.

- Hiện nay trên địa bàn huyện có 02 nhà máy đang vận hành (thủy điện Nậm Na 2, thủy điện Nậm Na 3) với tổng công suất thiết kế là 150 MW.

- Trong giai đoạn 2021-2030, huyện đẩy mạnh phát triển công nghiệp thủy điện vừa và nhỏ với mục tiêu hoàn thành 19 công trình thủy điện với tổng công suất 189,6 MW, gồm: thủy điện Pa Tần 1 (8 MW), thủy điện Pa Tần 2 (20 MW), thủy điện Suối Ngầm (25 MW), thủy điện Phìn Hồ (25 MW), thủy điện Nậm Cầy (15 MW), thủy điện Nậm Chản (5 MW), thủy điện Nậm Chản 1 (5 MW)...

d) Sản xuất tiểu thủ công nghiệp

Duy trì và phát triển các nghề làm đồ gỗ, đồ gia dụng, mây tre đan, nghề gia công cơ khí rèn, đúc tại các xã vùng cao. Hỗ trợ phát triển và nâng cao chất lượng các mặt hàng của địa phương như dệt thổ cẩm, rượu Mông...

e) Sản xuất nước sạch

- Dự kiến năm 2025 cung cấp 170 nghìn m^3 nước sạch (góp phần đảm bảo 100% dân cư đô thị được dùng nước sạch), năm 2030 đạt gần 200 nghìn m^3.

- Đến năm 2030, nâng cấp và nâng công suất trạm xử lý và cấp nước thị trấn Sìn Hồ tăng thêm 1.000 m^3/ngày (tổng công suất 3.000 m^3/ngày); xây dựng mới trạm cấp nước Nậm Tăm công suất dự kiến 2.000 m^3/ngày.

f) Cụm công nghiệp

Trên địa bàn huyện Sìn Hồ chưa có khu, cụm công nghiệp. Các hoạt động công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp phân bố rải rác trên địa bàn huyện. Đến năm 2050, xây dựng 01 cụm công nghiệp tại huyện Sìn Hồ với diện tích 20 - 30 ha nhằm thu hút đầu tư và tạo việc làm cho lao động địa phương.

g) Ngành xây dựng

- Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là hạ tầng của các tuyến đường liên xã và liên bản. Trong giai đoạn tiếp theo, đời sống dân cư không ngừng nâng cao, các công trình xây dựng dân dụng ở khắp các xã, bản trong huyện cũng được đầu tư xây dựng. Việc phát triển du lịch sinh thái cũng là điểm thu hút các nhà đầu tư xây dựng các khu du lịch, cơ sở hạ tầng. Đây là cơ hội cho các hoạt động xây dựng của huyện phát triển và cũng là tiềm năng để hoạt động xây dựng trên địa bàn tiếp tục có mức tăng trưởng cao.

- Tiếp tục huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cầu hạ tầng, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh của huyện.

- Sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư. Triển khai thực hiện tốt việc đầu tư xây dựng các công trình theo Đề án ổn định đời sống, sản xuất vùng đồng bào tái định cư các dự án thủy điện trên địa bàn huyện khi được phân bổ vốn.

2.3. Phương hướng phát triển ngành thương mại, dịch vụ

2.3.1. Định hướng phát triển

- Tập trung phát triển và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ đặc biệt là phát triển ngành du lịch. Tận dụng tối đa lợi thế, thế mạnh về khí hậu, cảnh quan, văn hóa truyền thống... để phát triển các hình thức du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng. Giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, xác định du lịch là khâu đột phá trong phát triển kinh tế của huyện. Phát triển thương mại và dịch vụ ngày càng đa dạng, phong phú, góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động.

- Kêu gọi và tập trung nguồn lực đầu tư hạ tầng thương mại hiện đại như: siêu thị, cửa hàng tiện lợi, chợ, trung tâm mua sắm và trưng bày sản phẩm. Tiếp tục nâng cấp và khai thác hiệu quả các chợ trên địa bàn; khuyến khích doanh nghiệp mở rộng thị trường kinh doanh tại khu vực nông thôn. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, kiểm soát, ổn định thị trường và tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ như: du lịch, vận tải, y tế, giáo dục, thể thao,...

- Coi trọng và tạo điều kiện cho các dịch vụ tư nhân phát triển theo hướng xã hội hóa các hoạt động dịch vụ, kể cả dịch vụ y tế, giáo dục,... Nâng cao vai trò của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp trong các hoạt động dịch vụ tiêu thụ nông sản và dịch vụ khoa học, công nghệ.

- Khai thác tối đa các tiềm năng về giao thông cho các hoạt động thương mại, về môi trường sinh thái, các tiềm năng về bản sắc văn hóa vùng cao cho các hoạt động du lịch.

- Tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động ngân hàng thương mại; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tiền tệ, tín dụng, đảm bảo cho doanh nghiệp, người dân tiếp cận các nguồn vốn kinh doanh và phát triển sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

- Xây dựng thị trường thương mại điện tử lành mạnh có tính cạnh tranh và phát triển bền vững, trong đó hỗ trợ ứng dụng rộng rãi thương mại điện tử trong doanh nghiệp và cộng đồng.

2.3.2. Phương hướng phát triển thương mại, dịch vụ

- Phát triển hoạt động thương mại, dịch vụ gắn với sản phẩm nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp mang tính đặc thù, từ hoạt động du lịch văn hóa tạo sức hút người tiêu dùng trong và ngoài huyện.

+ Phát triển các loại hình dịch vụ mà huyện có tiềm năng và điều kiện phát triển như: dịch vụ vận tải, dịch vụ ăn uống, dịch vụ viễn thông;...

- Quy hoạch phát triển các quỹ đất thương mại dịch vụ, tạo mặt bằng sạch để thu hút nhà đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, cảnh quan.

- Đầu tư xây dựng các khu thương mại, dịch vụ tập trung của huyện, sớm hoàn thành xây dựng chợ thị trấn Sìn Hồ đạt tiêu chí chợ loại III, phát triển hệ thống siêu thị, chợ nông thôn. Trong giai đoạn 2021-2030, nâng cấp, cải tạo, xây mới 04 chợ: trong đó cải tạo 01 chợ trung tâm xã Nậm Cuổi, xây mới 03 chợ trung tâm các xã Chăn Nưa, Nậm Tăm, Pa Tần; xây dựng trung tâm mua bán và trưng bày sản phẩm tại thị trấn Sìn Hồ; khuyến khích đầu tư cửa hàng bách hóa tổng hợp, cửa hàng vật tư nông nghiệp, các điểm thu mua nông sản,... tại các xã, thị trấn. Đến năm 2050: Xây mới 01 siêu thị hạng III tại xã Nậm Tăm. Trong thời kỳ quy hoạch từng bước hình thành khu thương mại - dịch vụ tại thị trấn lấy Trung tâm mua bán và trưng bày sản phẩm làm hạt nhân.

- Thu hút đầu tư các tổ hợp khách sạn, nhà nghỉ gắn liền với các khu du lịch của huyện.

- Đầu tư hệ thống các nhà hàng, siêu thị mini phục vụ người dân địa phương và du khách thập phương.

- Xây dựng các bãi tập kết vật liệu xây dựng tại xã Noong Hẻo, Nậm Tăm với tổng diện tích 1,5 ha.

- Tiếp tục phát triển và mở rộng mạng lưới hoạt động ngân hàng thương mại; triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tiền tệ, tín dụng, đảm bảo cho doanh nghiệp người dân tiếp cận các nguồn vốn kinh doanh và phát triển sản xuất. Kiểm soát chặt chẽ chất lượng tín dụng; đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt.

2.3.3. Phương hướng phát triển du lịch

- Đẩy mạnh hoạt động quảng bá, xúc tiến du lịch của địa phương trên các phương tiện thông tin đại chúng; gắn với các sự kiện văn hóa, lễ hội... Duy trì tốt các hoạt động quảng bá trên các trang thông tin điện tử và các trang mạng xã hội. Thiết kế in ấn tờ rơi, ấn phẩm, video quảng bá du lịch.

- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước về du lịch, công tác quản lý di sản, bảo đảm an ninh trật tự, vệ sinh cảnh quan môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, nếp sống văn minh tại khu, điểm du lịch.

- Tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ du lịch cho cán bộ, nhân viên, lao động của các đơn vị kinh doanh du lịch; đồng bào các dân tộc thiểu số để có đủ năng lực tham gia vào các hoạt động du lịch tại địa phương như: Hướng dẫn viên, thuyết minh viên, lễ tân, quản lý lữ hành; quản lý lưu trú, kinh doanh homestay, bán hàng, tiếp thị sản phẩm, ngoại ngữ,…

- Phát triển du lịch Sìn Hồ trở thành ngành kinh tế quan trọng của huyện, đẩy mạnh quảng bá, xúc tiến thu hút các nhà đầu tư phát triển các khu, điểm du lịch mới. Phát triển các loại hình du lịch dựa trên lợi thế về địa hình, khí hậu, văn hóa truyền thống của huyện như: du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng; du lịch văn hóa, cộng đồng...

- Phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung gắn với du lịch bằng cách tạo môi trường, cảnh quan nhằm thu hút khách du lịch, phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái. Đẩy mạnh xúc tiến, quảng bá du lịch gắn với quảng bá các sản phẩm đặc sản, sản phẩm chủ lực, sản phẩm OCOP. Nghiên cứu xây dựng tổ chức các hoạt động du lịch tại các vùng sản xuất.

- Trong giai đoạn 2021-2030, thu hút các doanh nghiệp đầu tư phát triển các dự án du lịch, danh thắng: Khu trung tâm du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Sìn Hồ (195,27 ha) tại xã Sà Dề Phìn, điểm du lịch sinh thái quanh hồ Pa Khóa (4,0 ha) tại xã Pa khóa, địa điểm du lịch Than Chi Hồ (1,0 ha) tại xã Hồng Thu, địa điểm du lịch Núi Đá Ô + Động Quan Âm (4,0 ha) tại xã Tả Phìn, địa điểm hang động Thẳm Luông (2,0 ha) tại xã Ma Quai. Thực hiện cải tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thời chống Pháp tại xã Sà Dề Phìn.

- Phát triển các sản phẩm du lịch cụm cao nguyên Sìn Hồ: Xây dựng khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng kết hợp với chăm sóc sức khỏe, nghỉ dưỡng hồi phục năng lượng tại thị trấn Sìn Hồ; du lịch văn hóa cộng đồng kết hợp với trải nghiệm hoạt động nông nghiệp, tiểu thủ công nghiệp truyền thống của dân tộc tại thị trấn Sìn Hồ; du lịch khám phá tại núi Đá Ô và động Quan Âm xã Tả Phìn; du lịch thể thao (đi bộ, xe đạp, chèo thuyền…) và sông nước khu vực dọc sông Đà; du lịch cuối tuần tại thị trấn Sìn Hồ; du lịch hội nghị, hội thảo tại thị trấn Sìn Hồ.

- Xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn tại Bản Sà Dề Phìn, xã Sà Dề Phìn vừa xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn, phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn văn hóa dân tộc,...

- Phát triển các bản du lịch văn hóa cộng đồng gắn với khôi phục, bảo tồn và phát huy các nghề thủ công truyền thống, ẩm thực truyền thống của các dân tộc Mông tại bản Sà Dề Phìn *(xã Sà Dề Phìn)*, dân tộc Dao tại bản Trị Xoang *(xã Tả Phìn)*, Lự tại bản Pậu *(xã Nậm Tăm)*, bản Sìn Hồ Vây *(thị trấn Sìn Hồ)*. Từng bước đa dạng hóa các sản phẩm du lịch, tạo thương hiệu sản phẩm đặc trưng của địa phương để phục vụ khách du lịch như: sản phẩm chè; rượu ngô xã Sà Dề Phìn; các sản phẩm thêu, dệt thổ cẩm tại bản Trị Xoang, bản Sà Dề Phìn, bản Pậu.

- Bảo tồn, phát huy và xây dựng các đội văn nghệ mang bản sắc các dân tộc Mông, Dao, Lự.

- Đẩy mạnh hợp tác phát triển du lịch, liên kết phát triển sản phẩm, kết nối các tour du lịch, nhất là thu hút khách du lịch từ các địa bàn lân cận như Lào Cai, Sa Pa - Lai Châu - Sìn Hồ - Điện Biên.

2.4. Phương hướng phát triển giáo dục - đào tạo

2.4.1. Định hướng phát triển

- Tiếp tục thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện và nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo ở tất cả các cấp học. Duy trì vững chắc và nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ cập giáo dục - xóa mù chữ.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước; có năng lực tổ chức thực hiện và giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề; mở rộng ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Gắn kết việc đào tạo nghề với nhu cầu của các doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Đẩy mạnh công tác xã hội hoá giáo dục, tập trung mọi nguồn lực xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa. Tăng cường ứng dụng và khai thác hiệu quả công nghệ thông tin, đồng thời nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ, đảm bảo các điều kiện để hội nhập, phát triển giáo dục và đào tạo.

- Thực hiện chương trình chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục: Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

- Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề; mở rộng ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Tập trung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động; đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và tiến bộ khoa học - công nghệ.

- Phấn đấu đến năm 2050, sự nghiệp giáo dục - đào tạo huyện Sìn Hồ xếp loại khá trong tỉnh.

2.4.2. Mục tiêu phát triển

Bảng 6: Một số chỉ tiêu phát triển ngành giáo dục đào tạo

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2025	Đến năm 2030

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2025	Đến năm 2030
1	Duy trì giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học cho đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục TH cơ sở	Xã, thị trấn	22	22
2	Tỷ lệ học sinh mẫu giáo đến trường	%	99,6	99,8
3	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi tiểu học đến trường	%	99,8	99,8
4	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THCS đến trường	%	96,0	98,0
5	Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi THPT đến trường	%	53,9	65,0
6	Tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn	%	84,1	90,0
7	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia	%	45,0	60,0
8	Tỷ lệ phòng học kiên cố, bán kiên cố	%	100,0	100,0
9	Tỷ lệ huy động trẻ 3-5 tuổi ra lớp	%	99,5	99,8
10	Tỷ lệ huy động trẻ 5 tuổi ra lớp	%	99,8	99,8
11	Tỷ lệ hoc sinh hoàn thành chương trình cấp TH	%	99,7	99,8
12	Tỷ lệ chuyển cấp từ TH lên học THCS	%	99,0	99,5
13	Tỷ lệ HS tốt nghiệp THCS	%	99,8	99,8
14	Tỷ lệ HS chuyển cấp THCS lên học THPT	%	65,0	78,0

Một số chỉ tiêu khác:

- Sáp nhập trường học đảm bảo tinh gọn, phù hợp với quy mô.

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành và dạy học; 100% các trường học thực hiện dạy học kết nối với các địa phương khác trong và ngoài tỉnh.

- Giáo dục Thường xuyên: Nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo nghề cho thanh niên trong độ tuổi lao động.

2.5. Phương hướng phát triển nguồn nhân lực và giải quyết việc làm

2.5.1. Định hướng phát triển

- Phát triển nguồn nhân lực đảm bảo về số lượng, có chất lượng, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi; đội ngũ doanh nhân và công nhân lành nghề.

- Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ năng lực về văn hóa, chuyên môn nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức của địa phương.

- Quan tâm đào tạo, sử dụng người cán bộ công chức là người dân tộc thiểu số, cán bộ nữ; nâng cao tỷ lệ cán bộ người dân tộc, cán bộ nữ trong hệ thống chính trị của huyện. Xây dựng chương trình nâng cao nhận thức, đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển Chính phủ số cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước.

- Chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện, cấp xã đạt chuẩn theo quy định; thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và thu hút nhân tài trên địa bàn huyện. Trong giai đoạn 2021-2030, tiếp tục tổ chức các lớp đào tạo nghề, nâng cao chất lượng lao động, chuẩn bị lực lượng lao động cho việc phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là lực lượng lao động phục vụ phát triển ngành du lịch.

- Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, trình độ, năng lực chuyên môn, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước; có năng lực tổ chức thực hiện và giải quyết tốt các vấn đề thực tiễn trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, góp phần hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong giai đoạn mới. Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các cơ sở đào tạo trên địa bàn huyện; đổi mới giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề; mở rộng ngành nghề đào tạo theo nhu cầu của xã hội. Gắn kết việc đào tạo nghề với nhu cầu sử dụng lao động của các doanh nghiệp, thị trường lao động.

- Triển khai thực hiện đồng bộ các chính sách, biện pháp trợ giúp phát triển kinh tế và tiếp cận các dịch vụ xã hội cho người nghèo, người cận nghèo. Thực hiện có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư của Trung ương, của tỉnh về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện; các chính sách về giải quyết việc làm, các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với tạo việc làm tại chỗ cho người lao động trên địa bàn.

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả công tác tư vấn, hướng nghiệp dạy nghề và giới thiệu việc làm cho lao động nông thôn, hộ nghèo, dân tộc thiểu số góp phần nâng cao thu nhập, giảm nghèo bền vững cho nhân dân.

- Quan tâm, tạo việc làm tăng thu nhập cho người lao động, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng cơ sở sản xuất sử dụng nhiều lao động tại chỗ.

2.5.2. Mục tiêu phát triển

- Phát triển nhân lực đủ về số lượng, đảm bảo chất lượng, phân bố hợp lý, trong đó chú trọng điều chỉnh, bảo đảm cơ cấu hợp lý giữa đào tạo nhân lực từ cao đẳng trở lên so với trung cấp chuyên nghiệp và đào tạo nghề, từng bước nâng cao trình độ so với mặt bằng chung của cả tỉnh.

- Tạo việc làm, sử dụng nhân lực có hiệu quả, phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Lai Châu nói chung và huyện Sìn Hồ nói riêng. Nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác đào tạo nghề, đặc biệt đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

- Tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp, gắn đào tạo nghề với giải quyết việc làm bền vững. Đẩy mạnh phát triển thông tin, thị trường lao động, hỗ trợ việc làm cho nhóm lao động yếu thế đặc biệt là nhóm người nghèo, dân tộc thiểu số và đối tượng chính sách.

- Tích cực tham gia quá trình phân công lao động, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý có bản lĩnh, trí tuệ và trách nhiệm cao, xây dựng đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện nhiệm kỳ 2021-2025 và những năm tiếp theo.

- Trong giai đoạn tới, huyện ưu tiên phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hàng hóa tập trung, cùng với đẩy mạnh phát triển về du lịch, dịch vụ thương mại là trọng tâm. Do đó, ngành nông nghiệp và dịch vụ cần chú trọng phát huy tối đa nguồn nhân lực của địa phương. Đào tạo và đào tạo lại nguồn nhân lực nhằm thích ứng với nền nông nghiệp số, nông nghiệp xanh; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho hoạt động du lịch nông nghiệp, nông thôn gắn với đào tạo nghề cho lao động nông thôn thông qua việc tổ chức tập huấn, bồi dưỡng về ngoại ngữ, kỹ năng, kiến thức, thái độ phục vụ khách du lịch.

Bảng 7: Một số chỉ tiêu phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
1	Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế		100	100
1.1	Nông, lâm nghiệp và thủy sản	%	65,1	55,3
1.2	Công nghiệp - xây dựng	%	13,6	19,4
1.3	Dịch vụ	%	21,3	30,3
2	Số lao động được tạo việc làm mới	Người	1.000	1.100
3	Số lao động được đào tạo	Người	1.000	1.100
4	Tỷ lệ lao động qua đào tạo, bồi dưỡng	%	62,4	73
5	Cán bộ , công chức huyện được đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn quy định			
5.1	Cán bộ, công chức có trình độ đại học trở lên	%	> 98	100
5.2	Cán bộ, công chức có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên	%	65	80
5.3	Viên chức có trình độ đại học trở lên	%	80	90

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
5.4	Viên chức có trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên	%	20	30
6	Cán bộ cơ sở			
6.1	Trình độ học vấn trung học phổ thông	%	100	100
6.2	Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	%	100	100
6.3	Trình độ đại học trở lên	%	50	99
6.4	Trình độ lý luận chính trị trung cấp trở lên	%	100	100
7	Công chức cơ sở			
7.1	Trình độ học vấn trung học phổ thông	%	100	100
7.2	Trình độ chuyên môn đại học trở lên	%	60	100
7.3	Trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên	%	100	100
7.4	Trình độ lý luận chính trị trung cấp	%	60	70

2.6. Phương hướng phát triển y tế

2.6.1. Định hướng phát triển

- Đến năm 2050, Trung tâm y tế phát triển lên Bệnh viện hạng II với quy mô 28 Khoa, phòng (5 phòng chức năng, 23 khoa).

- Thực hiện tự chủ khối điều trị đến 2025 đạt 30%, đến 2030 đạt 40%, đến 2050 đạt 50%.

- Đến năm 2025, phát triển 70% danh mục kỹ thuật theo phân hạng bệnh viện hạng III.

- Đến năm 2030, phát triển 80% danh mục kỹ thuật theo phân hạng bệnh viện hạng III.

- Đến năm 2050, phát triển 70% danh mục kỹ thuật theo phân tuyến bệnh viện hạng II. Tuyến xã chú trọng phát triển 1 số dịch vụ như xét nghiệm, Xquang, siêu âm.

- Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao chất lượng dân số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Thực hiện chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế: Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám, chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; đến năm 2030, 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám chữa bệnh từ xa; thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế.

2.6.2. Mục tiêu phát triển

- Tiếp tục phát triển hệ thống y tế huyện Sìn Hồ từng bước hiện đại, hoàn chỉnh, đồng bộ. Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, phát triển dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân. Giảm tỷ lệ mắc bệnh, tật và tử vong, nâng cao chất lượng dân số, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân. Tăng cường công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, nâng cao y đức, tinh thần yêu ngành, yêu nghề cho đội ngũ y bác sỹ. Tập trung đào tạo nguồn nhân lực, đặc biệt đào tạo bác sỹ có trình độ chuyên môn cao. Nâng cao chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh. Tập trung nâng cao chất lượng hoạt động của y tế cấp xã, từng bước thực hiện được vai trò là tuyến đầu trong phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

- Tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh lớn xảy ra; nâng cao năng lực sàng lọc, phát hiện sớm và kiểm soát bệnh tật; đảm bảo nguồn lực cho công tác phòng chống HIV/AIDS, và các bệnh xã hội khác. Chú trọng chăm sóc sức khoẻ bà mẹ, trẻ em, đặc biệt là ở vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn. Quan tâm chăm sóc sức khoẻ người cao tuổi, người khuyết tật. Tiếp tục đẩy mạnh công tác tiêm chủng, đảm bảo an toàn, hiệu quả. Tăng cường công tác kết hợp quân - dân y ở xã biên giới.

Bảng 8: Một số chỉ tiêu phát triển ngành y tế huyện Sìn Hồ

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050
1	Số giường bệnh kế hoạch/vạn dân (không kể Trạm y tế)	Giường	15,3	25	30
2	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng (cân nặng/tuổi)	%	18	14	< 10
3	Tỷ lệ trẻ em < 1 tuổi được tiêm chủng	%	> 93	> 94	> 94
4	Tỷ lệ xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	%	87	95,4	95,4
5	Số lần KCB bình quân/lần/người/năm	Lần	2,5	2,7	3,0
6	Tỷ lệ dân số được quản lý bằng hồ sơ sức khỏe điện tử	%	70	> 90	> 95
7	Tỷ lệ tăng dân số	%	1,40	< 1,35	< 1,25
8	Tỷ lệ áp dụng biện pháp tránh thai	%	> 70	> 70	> 70
9	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được sàng lọc trước sinh	%	10	30	> 50
10	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được sàng lọc	%	25	50	> 70
11	Tỷ lệ người cao tuổi được quản lý và khám sức khỏe tại cộng đồng	%	60	85	> 90
12	Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi	‰	≤ 40	< 30	< 20
13	Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi	‰	≤ 30	< 20	< 10

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Đến năm 2025	Đến năm 2030	Đến năm 2050
14	Tỷ lệ người dân có thẻ bảo hiểm y tế	%	97,5	> 98	100
15	Tỷ lệ hài lòng của người dân với dịch vụ y tế	%	70	> 85	> 90

- Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện thực hiện phát triển y tế thông minh; các trang thiết bị hiện đại để phát triển dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Đẩy mạnh xã hội hóa ngành Y tế và thực hiện tự chủ khối điều trị theo lộ trình.

- Khuyến khích phát triển cơ sở y tế tư nhân; phát triển các dịch vụ tư vấn sức khỏe, hoạt động "bác sỹ gia đình"; các dịch vụ khám chữa bệnh chất lượng cao.

- Chú trọng phát triển y tế cơ sở, thực hiện đạt và vượt chỉ tiêu kế hoạch được giao đối với các chương trình y tế, củng cố hệ thống dân số - Kế hoạch hóa gia đình, từng bước nâng cao chất lượng dân số.

2.7. Phương hướng phát triển văn hóa, thể thao, truyền thông

2.7.1. Định hướng phát triển

- Đẩy mạnh phát triển văn hóa kết hợp với phát triển du lịch thông qua việc tổ chức sưu tầm, nghiên cứu, tổ chức các lễ hội và bảo tồn các làng bản truyền thống gắn với du lịch.

- Tiếp tục đẩy mạnh và nâng cao chất lượng các hoạt động văn hoá văn nghệ quần chúng với nhiều hình thức đa dạng, phong phú; củng cố hoạt động của các câu lạc bộ, đội văn nghệ; tạo điều kiện để quần chúng trực tiếp tham gia vào các hoạt động sáng tác và biểu diễn.

- Đẩy mạnh xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, thực hiện có hiệu quả phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" trọng tâm là xây dựng gia đình, thôn, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị đạt tiêu chuẩn văn hóa.

- Phát triển phong trào thể dục, thể thao quần chúng, quan tâm giáo dục thể chất trong nhà trường. Khai thác, bảo tồn và phát triển các môn thể thao dân tộc, các trò chơi dân gian.

- Củng cố và hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hoá, thể thao các cấp đảm bảo về quy mô, hiệu quả. Huy động các nguồn lực ngoài nhà nước đầu tư xây dựng thiết chế văn hóa, thể thao như: sân tập luyện thể thao, sân vận động mini.

- Nâng cao chất lượng hoạt động của Đài truyền thanh - Truyền hình huyện, huyện và các cơ quan tuyên truyền trên địa bàn huyện.

- Phát triển hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin theo hướng hiện đại; đáp ứng kịp thời và chính xác thông tin phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của huyện, phục vụ phát triển Chính quyền điện tử, đáp ứng yêu cầu cung cấp, trao đổi thông tin của xã hội, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường xã hội đưa thông tin đến vùng sâu, vùng xa, đáp ứng nhu cầu thông tin phục vụ đời sống, hoạt động sản xuất, kinh doanh của Nhân dân.

2.7.2. Mục tiêu phát triển

Bảng 9: Một số chỉ tiêu về phát triển văn hóa - thể thao - truyền thông

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2025	Năm 2030
1	Tỷ lệ số bản, khu phố đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	83,5	85
2	Tỷ lệ hộ, gia đình đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	80	85
3	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị, trường học đạt tiêu chuẩn văn hóa	%	98,7	98,7
4	Tỷ lệ người tham gia luyện tập thể thao thường xuyên	%	20,5	25
5	Tỷ lệ hộ được nghe đài phát thanh	%	100	100
6	Tỷ lệ hộ được xem đài truyền hình Việt Nam	%	96	100
7	Tỷ lệ thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở hoạt động có hiệu quả	%	52	75

III. XÁC ĐỊNH VÀ LỰA CHỌN PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ - XÃ HỘI HUYỆN SÌN HỒ

3.1. Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch trên địa bàn huyện

Bố trí không gian các công trình, dự án, các vùng bảo tồn có ý nghĩa lớn trong việc quản lý, phân bổ quỹ đất đảm bảo hình ảnh đô thị, nông thôn cho huyện và thu hút đầu tư vào huyện.

- Trung tâm chính trị - hành chính: Bao gồm các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp (huyện, xã) được đặt tại các trung tâm huyện và trung tâm các xã, thị trấn. Cải tạo, nâng cấp Khu trung tâm hành chính huyện Sìn Hồ tại thị trấn Sìn Hồ.

- Công nghiệp: Cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, các cơ sở sản xuất, chế biến tại các xã Nậm Tăm, Phìn Hồ, Noong Hẻo, Căn Co, Sà Dề Phìn, Nậm Cuổi,… Xây dựng các nhà máy thủy điện tại các xã Chăn Nưa, Làng Mô, Lùng Thàng,...

- Nông nghiệp: Các vùng chuyên canh hàng hóa tập trung như vùng chè, vùng lúa hàng hóa chất lượng cao, cây ăn quả, cây dược liệu, nuôi cá lồng… áp dụng công nghệ tiên tiến sẽ hiện thực hóa cho quá trình tái cơ cấu nông nghiệp huyện theo hướng phát huy lợi thế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất và phát triển bền vững.

- Du lịch: Phát triển du lịch gắn với phát triển hàng hóa tập trung. Phát triển khu du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng Sìn Hồ; du lịch cao nguyên Sìn Hồ; xây dựng làng văn hóa cộng đồng ở các xã Sà Dề Phìn, Tả Phìn, Nậm Tăm,…; tôn tạo khu danh lam thắng cảnh cấp tỉnh động Quan Âm, Núi Đá Ô,…; khôi phục, bảo tồn và phát huy các nghề thủ công truyền thống, ẩm thực truyền thống, bản sắc dân tộc của các dân tộc Mông, Dao, Lự.

3.2. Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng của huyện với hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh

Trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng huyện Sìn Hồ được quan tâm huy động nguồn lực triển khai thực hiện, tập trung đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng khu vực, đặc biệt là hạ tầng giao thông.

- Kết nối hệ thống hạ tầng giao thông của huyện qua các tuyến đường bộ với hệ thống hạ tầng giao thông, bao gồm:

+ Đường quốc lộ 12: Là tuyến huyết mạch chính phục vụ phát triển kinh tế, xã hội, nhu cầu đi lại cho nhân dân và đảm bảo an ninh quốc phòng của huyện.

+ Các tuyến đường tỉnh lộ: Tỉnh lộ 129 (Lai Châu - Sìn Hồ); tỉnh lộ 128 (Thị trấn Sìn Hồ - Chăn Nưa); tỉnh lộ 129B (Tà Ghênh - Nậm Pậy); tỉnh lộ 133 (Séo Lèng - Nậm tăm - Noong Hẻo - Nậm Cọ Mông); tỉnh lộ 135 (Nùng Nàng - Nậm Tăm).

+ Tuyến đường quy hoạch từ xã Nậm Hăn đi huyện Quỳnh Nhai, dọc theo bờ sông Đà có thể kết nối 2 huyện Sìn Hồ và Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La.

+ Tuyến đường quy hoạch kết nối huyện Sìn Hồ với huyện Tủa Chùa, tỉnh Điện Biên.

+ Tuyến đường kết nối các xã vùng thấp với các xã vùng cao.

- Kết nối hệ thống điện của huyện với mạng lưới điện trong tỉnh qua các tuyến đường dây trung áp 110kV và 220kV.

- Kết nối với hạ tầng du lịch: Tuyến thành phố Lai Châu - Nậm Tăm - Tả Ngảo - thị trấn Sìn Hồ - thành phố Lai Châu và tuyến khu vực Sa Pa - Lai Châu - Sìn Hồ - Điện Biên.

- Liên kết, hợp tác với các trường trong việc đào tạo lực lượng lao động tay nghề cao, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Liên kết, hợp tác với các bệnh viện đa khoa tỉnh Lai Châu trong công tác khám, chữa bệnh.

3.3. Phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển

3.3.1. Tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội

- Vùng cao gồm 9 xã, thị trấn *(Làng Mô, Tủa Sín Chải, Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Tả Phìn, Phăng Sô Lin, Hồng Thu, Phìn Hồ và thị trấn Sìn Hồ)*. Độ cao địa hình thay đổi từ 500 - 1.800 m so với mực nước biển, độ cao trung bình khoảng 1.450m so với mực nước biển. Vùng có khí hậu ôn đới tập trung phát triển diện tích ngô thương phẩm, cây ăn quả ôn đới, sơn tra; kết hợp sản xuất lương thực với trồng rừng và chăn nuôi gia súc. Bảo tồn diện tích chè cổ; thực hiện dự án trồng chè Shan Tuyết trên địa bàn xã Sà Dề Phìn, Hồng Thu, Tả Ngảo…; một số loại cây dược liệu: Đương quy, Đỗ trọng, Actiso tại thị trấn Sìn Hồ và các xã Sà Dề Phìn, Tả Ngảo, Phăng Sô Lin,... Tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng du lịch: di tích hang động Thẳm Luông xã Ma Quai; khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng Sìn Hồ; du lịch bản văn hóa dân tộc, du lịch cộng đồng, trải nghiệm tại xã Sà Dề Phìn, xã Tả Phìn,... Phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản tại các xã Phìn Hồ, Sà Dề Phìn; duy trì, phát triển các làng nghề truyền thống tại các bản vùng cao.

- Vùng thấp, gồm 11 xã *(Mai Quai, Lùng Thàng, Nậm Tăm, Pa Khóa, Nậm Cha, Căn Co, Nậm Mạ, Noong Hẻo, Nậm Cuổi, Nậm Hăn, Pu Sam Cáp)*. Địa hình bị chia cắt mạnh, phổ biến là núi cao, thấp dần từ Đông Bắc xuống Tây Nam. Xen kẽ những dãy núi cao là những thung lũng tương đối rộng, là vùng có diện tích ngập lòng hồ thủy điện Sơn La lớn. Quy hoạch là vùng trọng điểm phát triển trồng lúa nước, cây cao su, cây quế, cây mắc ca, cây ăn quả nhiệt đới và nuôi trồng thủy sản. Phát triển công nghiệp chế biến nông, lâm sản tại các xã Nậm Tăm, Noong Hẻo, Căn Co,…

- Vùng biên giới và dọc sông Nậm Na gồm 2 xã (Chăn Nưa, Pa Tần). Vùng có địa hình chia cắt mạnh có nhiều dãy núi cao và các khe suối chia cắt, có độ dốc lớn, có 12,973 km đường biên giới. Quy hoạch phát triển thủy điện

vừa và nhỏ, trồng cao su và nuôi trồng thủy sản. Tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh.

3.3.2. Các khu vực khuyến khích và hạn chế phát triển

- Khu vực hạn chế phát triển:

+ Các hành lang đa dạng sinh học; các khu vực nông, lâm nghiệp có chức năng kết hợp làm vành đai sinh thái của huyện: hạn chế phát triển đô thị, các hoạt động kinh tế có nguy cơ tác động môi trường cao.

+ Khu vực bảo tồn, tôn tạo công trình kiến trúc, di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện: Hạn chế phát triển các hoạt động kinh tế có tác động môi trường cao.

+ Khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở: Hạn chế phát triển đô thị, di dời dân cư đến các khu vực an toàn.

- Các khu vực khuyến khích phát triển là những khu vực còn lại.

3.4. Phương án tổ chức liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của huyện, cơ chế phối hợp tổ chức phát triển không gian liên huyện

- Liên kết không gian các hoạt động kinh tế - xã hội qua hành lang kinh tế dọc theo Quốc lộ 12 và tuyến Nậm Hăn đi huyện Quỳnh Nhai (Sơn La), dọc theo bờ sông Đà.

- Phương án Quy hoạch tỉnh cần tổ chức sắp xếp không gian liên huyện, bố trí các công trình, dự án, hạ tầng kỹ thuật, khu dân cư, đảm bảo kết nối các vùng huyện thông suốt, phù hợp với định hướng quy hoạch chung của tỉnh và hướng phát triển trọng tâm của vùng huyện.

- Trong quá trình triển khai, huyện phối hợp chặt chẽ với các địa phương khác khi nhận được các đề xuất dự án đầu tư có phạm vi liên huyện, đảm bảo lựa chọn dự án và vị trí thực hiện dự án phù hợp, thống nhất với kế hoạch tổ chức sắp xếp không gian liên huyện, và quy hoạch các vùng huyện.

3.5. Lựa chọn phương án sắp xếp không gian phát triển và phân bổ nguồn nhân lực cho các hoạt động kinh tế- xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường

3.5.1. Các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Không gian phát triển

- Các công trình chính trị - hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao, an ninh quốc phòng,... cấp huyện và cấp xã chủ yếu được bố trí tại các trung tâm huyện và trung tâm các xã, thị trấn (đối với cấp xã).

- Hoạt động sản xuất công nghiệp chủ yếu là công nghiệp chế biến nông - lâm nghiệp, được sắp xếp ở các vùng sản xuất nông - lâm nghiệp tập trung.

- Hoạt động thương mại - dịch vụ:

+ Phát triển các dịch vụ phục vụ phát triển du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa dân tộc và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng.

+ Phát triển các hoạt động kinh doanh dịch vụ hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực như: Dịch vụ vận tải, lữ hành; dịch vụ ăn uống; dịch vụ tài chính - ngân hàng; dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ôtô, xe máy,...

+ Phát triển hệ thống mạng lưới bán lẻ hiện đại như siêu thị.

- Hoạt động sản xuất nông nghiệp được sắp xếp thành những vùng chuyên canh, sản xuất tập trung như: Vùng trồng lúa hàng hóa chất lượng cao, trồng cây ăn quả, vùng trồng cây dược liệu, nuôi cá lồng, cá nước lạnh, vùng chăn nuôi ong, trâu, bò, lợn,...

- Các hạ tầng du lịch bao gồm hạ tầng cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông, hệ thống chiếu sáng, hệ thống cấp nước và thoát nước, xử lý nước thải được phân bổ quanh các điểm và khu du lịch trên địa bàn huyện.

b) Nguồn nhân lực

- Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức: Tăng cường đào tạo, nâng cao trình độ văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Nâng cao tỷ lệ cán bộ, công chức người dân tộc, tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong hệ thống chính trị của huyện.

- Quan tâm, đào tạo lao động trong ngành nông nghiệp; tổ chức tập huấn nhằm nâng chất lượng nguồn nhân lực thích ứng với nông nghiệp số, nông nghiệp xanh, nông nghiệp gắn với du lịch.

- Tăng tỷ trọng lao động làm việc trong lĩnh vực phi nông nghiệp, đổi mới công tác giáo dục nghề nghiệp, mở rộng ngành nghề đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển của nền kinh tế huyện trong thời gian tới.

3.5.2. Quốc phòng, an ninh

- Sìn Hồ là huyện có 12,793 km đường biên giới, do đó cần tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự đủ số lượng, nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu và giành thắng lợi trong mọi tình huống. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; tổ

chức tốt các cuộc diễn tập phòng thủ, ứng phó lụt bão, ứng phó cháy rừng tìm kiếm cứu nạn đạt hiệu quả; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đặc biệt ở các khu vực miền núi, biên giới, vùng tập trung đồng bào dân tộc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội ma túy, tội phạm hình sự; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy.

3.5.3. Bảo vệ môi trường

Xây dựng kết cấu hạ tầng bảo vệ môi trường, kè đường giao thông chống sạt lở và cơ sở dữ liệu môi trường phục vụ cho việc quản lý và bảo vệ môi trường. Khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Chất thải sinh hoạt, y tế và sản xuất được thu gom, xử lý kịp thời.

IV. PHƯƠNG ÁN PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

4.1. Phát triển kết nối hạ tầng giao thông vận tải, hạ tầng logistics

- Phát triển hạ tầng giao thông vận tải đảm bảo kết nối cụm công nghiệp, khu du lịch vào hệ thống giao thông tỉnh. Mạng lưới đường bộ phát triển gồm các trục dọc, trục ngang cùng mạng lưới đường huyện, xã tạo thành mạng liên hoàn nối với mạng lưới giao thông của tỉnh.

- Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương, đồng thời tiếp tục huy động các nguồn vốn ngoài nhà nước nhằm đẩy nhanh tiến độ các công trình dự án hạ tầng giao thông trọng điểm. Tập trung đầu tư các công trình, dự án phục vụ quá trình đô thị hóa và xây dựng Nông thôn mới.

- Khai thác hiệu quả kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng tăng cường xã hội hoá và ứng dụng khoa học, công nghệ trong quản lý khai thác.

- Phương án phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ huyện Sìn Hồ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn 2050 như sau:

* Giai đoạn 2021 - 2030:

+ Giao thông đối ngoại: Mở mới tuyến Đường Noong Hẻo - Căn Co - Nậm Cuổi - Nậm Hăn đi Tủa Chùa (Điện Biên) bao gồm 01 cầu lớn qua lòng hồ thủy điện Sơn La (chuyển thành ĐT138) với chiều dài 38 km. Nâng cấp, mở mới tuyến đường Noong Hẻo - Căn Co - Nậm Hăn, Huổi Pha, huyện Sin Hồ kết

nối xã Cả Nàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn la với tổng chiều dài là 53,5 km (nâng cấp 51km, mở mới khoảng 2,5 km), quy mô đường cấp V.

+ Đường Quốc lộ, tỉnh lộ, huyện lộ: Nâng cấp, cải tạo đường quốc lộ 12, tỉnh lộ 128, tỉnh lộ 129, tỉnh lộ 129B, tỉnh lộ 133, tỉnh lộ 135 và các tuyến đường huyện trên địa bàn. Nâng cấp tuyến đường từ Căn Co đi Nậm Mạ thành đường tỉnh quy mô cấp V, với chiều dài 13km. Cải tạo các vị trí đường cong bán kính nhỏ tại các tuyến đường quốc lộ, đường tỉnh lộ.

+ Bến cảng, xuồng, cảng cá: Xây dựng bến cảng tại xã Chăn Nưa; 02 bến xuồng tại xã Nậm Hăn; cảng cá tại xã Pa Khóa; bến cảng tập kết hàng hóa xã Nậm Tăm; các bến phục vụ dân sinh tại Nậm Mạ, Căn Co, Nậm Cha, Tủa Sín Chải; xây dựng bến hàng hóa Nậm Mạ và thủy nội địa xã Nậm Hăn.

+ Đường giao thông nội thị: Mở mới, nâng cấp các tuyến đường nội thị tại thị trấn Sìn Hồ đạt chuẩn theo Bộ Giao thông vận tải.

+ Đường giao thông nông thôn: Mở mới, nâng cấp các tuyến với tổng chiều dài khoảng 176 km đạt chuẩn theo Bộ Giao thông vận tải, đảm bảo tính kết nối giữa các xã trong huyện, đặc biệt là tính kết nối giữa các xã vùng thấp và các xã vùng cao.

+ Mở mới, nâng cấp, cải tạo hệ thống đường tuần tra biên giới từ mốc 52+2,4km đến mốc 56(2)+3,2km. Mở mới các tuyến đường ra biên giới: tuyến từ bản Pho I - bản Nậm Tần Mông - bản Lồng Thàng - Cột mốc 54; tuyến từ bản Pho I - bản Nậm Tần Mông - mốc 56.

+ Cầu, ngầm: Xây mới hệ thống cầu qua suối trên địa bàn xã Hồng Thu, Ma Quai, Nậm Hăn, Pa Tần; xây dựng 01 ngầm tràn tại xã Lùng Thàng.

+ Quy hoạch đầu tư xây dựng mới bến xe tại trung tâm xã Nậm Mạ; điểm đỗ, dừng xe các xã.

- Đường thủy: Quản lý khai thác có hiệu quả các tuyến đường thủy nội địa lòng hồ thủy điện Sơn La. Xây dựng các bến thuyền để đẩy mạnh phát triển các tuyến vận tải đường thủy nội địa. Tiếp tục duy trì quy hoạch một số tuyến đường thủy nội địa địa phương gắn với vùng hồ thủy điện Sơn La: tuyến Mường Lay - Chăn Nưa dài 15 km, tuyến Nậm Mạ - Nậm Tăm dài 17 km.

* Giai đoạn 2031 - 2050: Tiếp tục xây dựng, nâng cấp hạ tầng giao thông trên địa bàn huyện, đảm bảo đáp ứng đầy đủ nhu cầu đi lại, vận chuyển hàng hóa, tạo điều kiện thuận lợi để huyện phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thành

tuyến đường liên tỉnh từ Noong Hẻo - Nậm Hăn nối Tủa Chủa, Quỳnh Nhai với chiều dài 38km.

4.2. Phương án phát triển mạng lưới cấp điện

- Bảo đảm cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng được yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông thôn, đi đôi với tiết kiệm năng lượng.

- Phát triển nguồn điện và lưới điện truyền tải và phân phối phải gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đảm bảo chất lượng điện, độ tin cậy cung cấp điện ngày một nâng cao và phù hợp với định hướng phát triển năng lượng, điện lực quốc gia và các quy hoạch kỹ thuật chuyên ngành.

- Xây mới 19 công trình thủy điện với tổng công suất 189,6 MW trên địa bàn xã Chăn Nưa, Lùng Thàng, Pa Tần, Hồng Thu, Pa Khóa,…

- Đối với mạng lưới truyền tải điện: Xây dựng, nâng cấp cải tạo theo quy hoạch các trạm và đường dây điện 220kV và 110kV, đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là ở các vùng sản xuất tập trung như cụm công nghiệp; đồng thời từng bước ngầm hóa mạng lưới điện trung và hạ thế hiện có.

- Đường dây 110kV: Kéo mới đường dây 110kV và xây mới 03 trạm biến áp 110kV.

- Đường dây 35kV: Kéo mới đường dây 35kV.

- Xây mới 04 nhà trực vận hành tại các xã Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Tăm, Noong Hẻo.

- Nâng cấp, cải tạo hệ thống điện lưới sinh hoạt vào các bản; thực hiện cấp điện cho các nhóm hộ di chuyển khỏi vùng có nguy cơ thiên tai, sạt lở; nâng công suất các trạm biến áp, đường dây trung thế và hạ thế với tổng 21 công trình. Đến năm 2025, 96% hộ gia đình được sử dụng điện lưới quốc gia và đến năm 2030 đạt 98%; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất.

4.3. Phương án phát triển bưu chính viễn thông, công nghệ thông tin

- Trong giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 Bưu chính đóng vai trò là trung gian kết nối giữa môi trường mạng và thế giới thực thông qua chuyển phát hàng thương mại điện tử đến người mua. Thực hiện chuyển dịch chiến lược, mô hình kinh doanh, cơ cấu dịch vụ, chuyển đổi số...

- Hạ tầng viễn thông trở thành hạ tầng của các hạ tầng; là hạ tầng cho kinh tế số, xã hội số.

- Phát triển công nghệ: Loại bỏ công nghệ cũ, ứng dụng công nghệ mới: Tắt sóng 2G, ứng dụng 5G, kết nối 5G là hạ tầng chủ đạo; Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh trên địa bàn huyện.

- Chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, đô thị thông minh sẽ là một trong những yếu tố quan trọng nhất để tăng năng suất lao động, tốc độ tăng trưởng, khả năng cạnh tranh của nền kinh tế, là cơ hội để phát triển ngành, lĩnh vực, địa phương và góp phần nâng cao thứ hạng quốc gia. Thực hiện theo kế hoạch số 1880/KH-UBND ngày 07/9/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu về việc triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số tỉnh Lai Châu đến năm 2025, định hướng đến năm 2030: Mục tiêu đến năm 2025 có 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước); 100% văn bản hành chính (trừ văn bản mật) được gửi nhận bằng văn bản điện tử; 100% các sở ban ngành UBND cấp huyện, cấp xã báo cáo thực hiện trên Hệ thống báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh liên thông, kết nối với Hệ thống báo cáo của Chính phủ; Triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đến 100% UBND cấp xã. Đến năm 2030: 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tiếp tục phát triển mô hình Chính phủ điện tử trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh. Tiếp tục triển khai và đào tạo phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử và Cổng điều hành tác nghiệp cho các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và các xã, thị trấn. Triển khai phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử trong các cơ quan khối đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

- Phát triển ứng dụng Công nghệ thông tin trong doanh nghiệp. Ứng dụng Công nghệ thông tin trong ngành giáo dục: Triển khai các ứng dụng Công nghệ thông tin phục vụ quản lý và công tác giảng dạy. Đưa ứng dụng Công nghệ thông tin vào giảng dạy chính khóa và phát triển mạng thông tin giáo dục, tăng cường

giao tiếp giữa gia đình, nhà trường và xã hội. Phát triển và ứng dụng Công nghệ thông tin trong ngành y tế đối với các hoạt động quản lý và chuyên môn.

- Nâng cao chất lượng các dịch vụ bưu chính, viễn thông đảm bảo an toàn, an ninh thông tin; Đảm bảo thông tin liên lạc thông suốt và an toàn an ninh mạng, đảm bảo an toàn đối với chuyển thư, bưu phẩm, bưu kiện, không để thất lạc, nâng cao hoạt động có hiệu quả đối với các điểm bưu điện văn hóa xã. Thực hiện ngầm hóa cáp viễn thông rộng khắp trên địa bàn toàn huyện đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, an toàn và mỹ quan đô thị.

- Hạ tầng phát thanh, truyền hình sẽ hội tụ với hạ tầng thông tin và truyền thông (ICT); sẽ chấm dứt phát sóng truyền hình tương tự, thay thế hoàn toàn bằng phát sóng số. Phát thanh số thay thế phát thanh tương tự.

- Trạm truyền thanh xã: Đầu tư lắp đặt trạm truyền thanh ở các xã chưa có trạm truyền thanh; Chuyển đổi trạm truyền thanh từ công nghệ phát thanh FM không dây sang trạm truyền thanh thông minh sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

- Đài truyền thanh - truyền hình huyện: Sửa chữa trụ sở làm việc và trạm phát sóng trung tâm Đài phát thanh - truyền hình huyện Sìn Hồ, Đầu tư lắp đặt máy phát sóng truyền hình số mặt đất (Digital) thay thế truyền hình tương tự (Analog) hiện nay tại trạm phát sóng trung tâm huyện và trạm thu, phát lại cụm xã Nậm Tăm; Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trang thiết bị trạm thu phát lại truyền thanh, truyền hình cụm xã Nậm Tăm.

- Viễn thông: Trạm viễn thông Ma Quai trên địa bàn xã Nậm Tăm.

4.4. Phương án phát triển thủy lợi

- Tập trung sửa chữa, nâng cấp hệ thống kênh mương chưa đảm bảo, kiên cố hóa kênh mương và xây dựng mới một số công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp tại những nơi có điều kiện về đất đai, nguồn nước để tăng thêm diện tích trồng lúa, trồng cây hàng năm. Đầu tư bổ sung mới các công trình, cụm công trình thủy lợi trên địa bàn các xã có tái định cư thủ và các khu vực sắp xếp, ổn định dân cư để đảm bảo đất sản xuất cho nhân dân.

- Nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình thuỷ lợi để khai thác triệt để, tiết kiệm các nguồn nước đảm bảo cung cấp nước tưới cho diện tích lúa, cây hàng năm hiện có. Trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: Xây dựng mới hồ chứa nước Căn Co xã Căn Co; xây dựng 02 đập chứa nước tại xã Tả Phìn;

nâng cấp, sửa chữa, xây mới 125 công trình thủy lợi, kênh mương trên địa bàn các xã, thị trấn.

4.5. Phương án phát triển cấp, thoát nước

- Để đảm bảo nước sinh hoạt hợp vệ sinh cho nhân dân cần nâng cấp và đầu tư xây dựng mới các công trình cấp nước, khai thác triệt để, tiết kiệm các nguồn nước. Trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050: nâng cấp, sửa chữa, xây mới 85 công trình cấp nước sinh hoạt trên địa bàn các xã, thị trấn; xây mới bể chứa nước trên địa bàn xã Căn Co, Phăng Sô Lin; xây mới Trạm cấp nước Nậm Tăm công suất 2.000 m^3/ngày.

- Lập và quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn huyện. Cải tạo nâng cấp các công trình thủy lợi, hồ chứa và các công trình khai thác sử dụng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp.

4.6. Phương án xử lý chất thải

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bảo vệ môi trường; kiểm soát nguồn thải phát sinh từ khu vực thị trấn Sìn Hồ. Xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế. Đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường khu vực nông thôn, vùng khó khăn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới.

- Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường trên địa bàn huyện.

- Đề xuất phương thức lưu giữ, phân loại chất thải rắn tại nguồn; phương án tái chế, tái sử dụng chất thải rắn phát sinh từ sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, y tế, xây dựng và các ngành dịch vụ.

- Xác định và phân vùng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn trên địa bàn và liên vùng; xác định phương thức thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

- Đến năm 2030, xây dựng 15 bãi rác tập trung tại các xã; 7 điểm thu gom xử lý rác thải tại bản trên địa bàn xã Chăn Nưa, Tủa Sín Chải.

4.7. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng giáo dục - đào tạo

Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giáo dục và đào tạo theo hướng chuẩn hóa. Nâng cấp đảm bảo điều kiện về hạ tầng viễn thông cho 100% trường học để thực hiện hiệu quả việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy học. 100% các trường học đủ phòng học bộ môn, trang thiết bị dạy học và đủ diện tích đất theo quy định của trường đạt chuẩn quốc gia.

- Rà soát quy hoạch, mở rộng diện tích đất cho các đơn vị trường, đảm bảo diện tích tại các đơn vị trường đạt chuẩn quốc gia.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị dạy học cho các trường trong kế hoạch xây dựng trường quốc gia theo hướng đồng bộ, hiện đại. Tăng cường quản lý, sử dụng nguồn cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện có. Bố trí mở rộng quỹ đất cho phát triển mạng lưới, cơ sở hạ tầng giáo dục.

- Đẩy mạnh công tác xã hội nhằm huy động các nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước nhằm tăng nguồn lực thực hiện. Huy động các nguồn lực sẵn có trong nhân dân ở địa phương tham gia xây dựng cơ sở vật chất trường học. Khuyến khích thành lập các cơ sở giáo dục - đào tạo tư thục.

- Mầm non:

+ Giai đoạn 2021-2025: Thực hiện mở rộng diện tích, nâng cấp, sửa chữa và xây mới phòng học, phòng hành chính quản trị, chức năng, công vụ… cho các trường, các điểm trường mầm non trên địa bàn các xã. Phấn đấu đến năm 2025, có thêm 4 trường mầm non đạt chuẩn quốc gia *(trường MN Chăn Nưa, trường MN Pa Khóa, trường MN Nậm Mạ, trường MN Pa Tần)*.

+ Giai đoạn 2026-2030 tầm nhìn đến 2050: Tiếp tục thực hiện mở rộng diện tích các điểm trường, các trường mầm non trung tâm xã. Nâng cấp, sửa chữa, xây dựng hệ thống trường lớp, các phòng chức năng, công vụ…

- Tiểu học:

+ Giai đoạn 2021-2025: Mở rộng diện tích, xây dựng nhà phòng học, nhà công vụ, công trình phụ trợ tại các điểm trường và các trường chính trên địa bàn các xã. Xây dựng nhà đa năng tại các trường tiểu học thị trấn Sìn Hồ. Phấn đấu đến năm 2025, có thêm 02 trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia (trường TH Noong Hẻo, trường TH Làng Mô).

+ Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục thực hiện mở rộng diện tích, xây dựng phòng học; phòng công vụ tại các trường tiểu học trung tâm xã; phòng công vụ tại các điểm trường xã Nậm Hăn, Tủa Sín Chải.

- Trung học cơ sở:

+ Giai đoạn 2021-2025: Thực hiện mở rộng diện tích, xây dựng các công trình phòng học, phòng quản trị hành chính, phòng chức năng, phòng bán trú cho các trường THCS tại các xã Lùng Thàng, Ma Quai, Nậm Cuổi, Nậm Mạ, Noong Hẻo và các trường PTDTBT THCS tại xã Căn Co, Nậm Cha, Nậm Hăn, Tả Ngảo; xây dựng phòng công vụ cho giáo viên tại các trường THCS. Phấn đấu

đến năm 2025, có thêm 5 năm trường đạt chuẩn (Lùng Thàng, Noong Hẻo, Nậm Cuổi, Nậm Cha, Tả Ngảo).

+ Giai đoạn 2026-2030: Tiếp tục thực hiện nâng cấp, sửa chữa trường lớp, các phòng chức năng, bổ sung trang thiết bị phục vụ giảng dạy và học tập. Mở rộng diện tích, xây dựng phòng công vụ cho giáo viên tại các trường THCS. Xây dựng nhà đa năng cho trường THCS thị trấn Sìn Hồ.

- Các trường liên cấp: Giai đoạn 2021-2030, nâng cấp, sửa chữa các công trình trường lớp, phòng bộ môn tại các trường TH&THCS trên địa bàn huyện; xây mới 04 phòng công vụ cho giáo viên cho trường TH&THCS Pu Sam Cáp. Phấn đấu đến năm 2025, có thêm 04 trường TH&THCS đạt chuẩn quốc gia (trường TH&THCS Sà Dề Phìn, TH&THCS Nậm Ma, TH&THCS Chăn Nưa, TH&THCS Pa Khóa).

- Trung học phổ thông:

+ Trường THPT Sìn Hồ: Giai đoạn 2021-2030, xây mới thêm nhà đa năng, xây dựng 01 phòng học bộ môn, 1 khối phòng chức năng.

+ Trường THPT Nậm Tăm: Giai đoạn 2021-2030, xây mới thêm nhà đa năng.

4.8. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng ngành y tế

- Mua sắm các trang thiết bị, phương tiện thực hiện phát triển y tế thông minh; các trang thiết bị hiện đại để phát triển dịch vụ khám, chữa bệnh.

- Định hướng đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực, phát triển dịch vụ, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của nhân dân.

- Giai đoạn 2021-2025: Đầu tư trang thiết bị, xây dựng mới trạm y tế xã Phìn Hồ; Nâng cấp, sửa chữa trung tâm y tế và các trạm y tế xã.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ cơ sở 1 tại khu 3 thị trấn Sìn Hồ: Mở rộng diện tích trung tâm y tế và xây mới công trình. Bổ sung trang thiết bị cho trung tâm: máy CT Scanse, máy chụp cộng hưởng từ MRI, X-Quang kỹ thuật số; trang thiết bị y học cổ truyền, phục hồi chức năng; hệ thống phòng mổ thông minh;thiết bị đo độ loãng xương; hệ thống chạy thận nhân tạo,…

+ Trung tâm y tế huyện Sìn Hồ cơ sở 2 tại xã Nậm Tăm: Xây dựng mới khối nhà điều trị; bổ sung trang thiết bị: X-Quang kỹ thuật số, trang thiết bị y học cổ truyền, phục hồi chức năng, hệ thống phòng mổ thông minh, máy thiết bị

đo độ loãng xương… Nâng cấp khu vực phòng mổ của trung tâm y tế (cả 2 cơ sở).

+ Nâng cấp, sửa chữa, mở rộng diện tích, xây mới công trình 11 trạm y tế tại các xã.

- Giai đoạn 2031-2050:

+ Đầu tư trang thiết bị cho các trạm y tế xã: đầu tư máy X-quang, siêu âm, máy xét nghiệm,… Nâng cấp, sửa chữa định kỳ các khối nhà xuống cấp tại các trạm y tế xã.

+ Mở rộng quỹ đất trung tâm y tế huyện Sìn Hồ cơ sở 1 thêm 1,5 ha; đầu tư trang thiết bị, phấn đấu trở thành bệnh viện hạng II.

+ Nâng cấp sửa chữa định kỳ các khối nhà xuống cấp của trung tâm y tế. Trang bị bổ sung, thay thế trang thiết bị cũ, hỏng.

+ Thu hút đầu tư xây dựng cơ sở y tế tư nhân chất lượng cao cung cấp dịch vụ nghỉ dưỡng kết hợp với khám chữa bệnh tại vùng cao huyện Sìn Hồ - nơi có độ cao trên 1500 so với mực nước biển, có điều kiện khí mát, trong lành và có điều kiện thuật lợi cho phát triển nghỉ dưỡng kết hợp giữa khám chữa bệnh ứng dụng công nghệ cao gắn với y học cổ truyền. Hoạt động đầu tư này nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khoẻ, nhất là trong bối cảnh già hoá dân số và các bệnh liên quan đến điều trị tâm lý, sức khoẻ tinh thần. Phấn đấu hệ thống bệnh viên tư nhân đạt quy mô 300 giường vào năm 2050.

4.9. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng văn hóa, thể thao và khu vui chơi giải trí

- Tập trung phát triển các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở, ưu tiên nguồn lực sửa chữa nâng cấp xây mới các thiết chế văn hóa, thể thao phục vụ cho bảo tồn phát huy di sản văn hóa các dân tộc và phát triển du lịch.

- Đẩy mạnh nâng cao chất lượng hoạt động của các nhà văn hóa xã, thôn đảm bảo đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa Thể thao và du lịch.

- Tập trung huy động các nguồn lực xây dựng thiết chế văn hóa, bảo tồn các di sản văn hóa, xây dựng các điểm du lịch. Kết hợp các nguồn ngân sách từ trung ương và địa phương, nguồn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia về văn hoá, các dự án nghiên cứu bảo tồn bản sắc văn hoá,... Nguồn do các tổ chức xã hội, doanh nghiệp, tư nhân đầu tư, tài trợ, giúp đỡ. Khuyến khích tổ chức, người dân tham gia đầu tư vào lĩnh vực văn hóa như: kinh doanh dịch vụ văn hóa, du lịch, vui chơi giải trí...

- Hỗ trợ, đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị cho các nhà văn hóa bản, xã; sân thể thao bản, xã.

- Về văn hóa:

+ Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng nhà bảo tồn văn hóa dân tộc Lự tại bản Nậm Pậu, xã Nậm Tăm. Thực hiện chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế xã hội, bảo tồn văn hóa dân tộc Lự tại các xã Lùng Thàng, Ma Quai, Nậm Tăm; xây dựng nhà văn hóa xã Tả Ngảo.

+ Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng quảng trường huyện tại khu 4, thị trấn Sìn Hồ (0,43 ha). Xây dựng trung tâm hội nghị huyện Sìn Hồ (trung tâm hội nghị văn hóa thanh thiếu niên) tại khu 4, thị trấn Sìn Hồ (0,47 ha). Nâng cấp, mở rộng và mở mới 67 nhà văn hóa bản; xây dựng khu trung tâm văn hóa thể thao xã Pa Khóa, xã Nậm Tăm. Thực hiện các đề án văn hóa như: khôi phục, bảo tồn và phát triển bản sắc văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số có dân số ít người (dân tộc Mảng, Lự...); tổ chức bảo tồn lễ hội truyền thống tại các địa phương; xây dựng mô hình văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số; xây dựng câu lạc bộ sinh hoạt văn hóa dân gian; tổ chức hoạt động thi đấu thể thao truyền thống trong các ngày hội....

+ Giai đoạn 2031-2050: Thực hiện đề án văn hóa xây dựng hồ sơ khoa học tri thức dân gian về y, dược học dân tộc Dao huyện Sìn Hồ. Xây dựng Cung văn hóa thanh thiếu nhi tại huyện Sìn Hồ.

- Về thể thao:

+ Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng sân bóng rổ bản Phăng Sô Lin, xã Phăng Sô Lin; xây dựng sân thể thao xã Nậm Hăn.

+ Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng Sân vận động huyện (sân quần vợt, bóng chuyền, tennis, bóng rổ…) tại thị trấn Sìn Hồ. Xây dựng 13 sân thể thao bản tại xã Nậm Cha, Pu Sam Cáp, Tả Ngảo; 10 sân thể thao xã (Căn Co, Làng Mô, Lùng Thàng,...), xây dựng nhà đa năng xã Tủa Sín Chải.

4.10. Phương án phát triển cơ sở hạ tầng khoa học - công nghệ

Xây dựng và phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng khoa học và công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của huyện trong giai đoạn mới, chọn lựa để đầu tư nâng cao năng lực của tổ chức khoa học và công nghệ, hệ thống chuẩn đo lường, xây dựng và phát triển khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hạ tầng thông tin khoa học và công nghệ phục vụ yêu cầu quản lý, nghiên cứu và phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Chuyển giao thành tựu khoa học, công nghệ vào các lĩnh vực sản xuất và đời sống, đặc biệt là lĩnh vực nông, lâm nghiệp và phát triển nông thôn.

- Xây dựng cơ chế liên kết hợp tác thực chất giữa nhà nước - nhà khoa học - doanh nghiệp, trong đó lấy doanh nghiệp làm trung tâm cho hoạt động khoa học công nghệ.

- Đẩy mạnh chuyển giao, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong sản xuất và đời sống; thực hiện chủ trương cơ cấu lại kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng kinh tế của huyện.

- Xây dựng chương trình "Ứng dụng và phát triển công nghệ cao". Chú trọng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu thời kỳ cách mạng công nghiệp 4.0. Khuyến khích phát triển công tác sở hữu trí tuệ, tiến hành đăng ký bảo hộ độc quyền nhãn hiệu đối với các thương hiệu địa phương.

- Tiếp tục phát triển mô hình Chính phủ điện tử trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh đã được phê duyệt. Phát triển hệ thống một cửa liên thông điện tử tại các cơ quan nhà nước.

- Tiếp tục triển khai và đào tạo phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc, thư điện tử và cổng điều hành tác nghiệp cho các phòng, ban chuyên môn thuộc UBND huyện, các đơn vị sự nghiệp công lập và các xã, thị trấn. Triển khai phần mềm quản lý văn bản, hồ sơ công việc, thư điện tử trong các cơ quan khối đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội.

4.11. Phương án đảm bảo quốc phòng, an ninh

- Bảo vệ vững chắc đường biên, mốc giới quốc gia. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh gắn với thế trận an ninh nhân dân, "thế trận lòng dân" vững chắc. Tập trung xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế - xã hội với quốc phòng, an ninh. Xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; xây dựng lực lượng dự bị động viên, dân quân tự vệ, công an xã, bảo vệ dân phố, tổ chức quần chúng tự quản về an ninh trật tự đủ số lượng, nâng cao chất lượng, sẵn sàng chiến đấu và giành thắng lợi trong mọi tình huống. Hàng năm, thực hiện đạt 100% chỉ tiêu giao quân; tổ chức tốt các cuộc diễn tập phòng thủ, ứng phó lụt bão, ứng phó cháy rừng tìm kiếm cứu nạn đạt hiệu quả; tổ chức bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng theo quy định.

- Nâng cao hiệu quả phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đặc biệt ở các khu vực miền núi, biên giới, vùng tập trung đồng bào dân tộc. Chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Đẩy mạnh tấn công, trấn áp các loại tội phạm, nhất là tội ma túy, tội phạm hình sự; thực hiện đồng bộ các giải pháp kiềm chế tai nạn giao thông; tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy.

- Tích cực đấu tranh, tấn công trấn áp và kiềm chế gia tăng tội phạm, tệ nạn xã hội, đặc biệt là tội phạm về ma tuý, tệ nạn cờ bạc, trộm cắp, tín dụng đen… Tăng cường các biện pháp kiềm chế và giảm thiểu tai nạn giao thông, an toàn phòng chống cháy nổ. Đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục nâng cao cảnh giác cho Nhân dân, phát triển sâu rộng, hiệu quả phong trào "Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc". Xây dựng lực lượng công an tinh gọn, trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Xây dựng các tiềm lực quốc phòng, chú trọng xây dựng tiềm lực chính trị, tinh thần, văn hóa - xã hội trong khu vực phòng thủ, quan tâm xây dựng công trình thiết yếu trong thế trận quận sự.

- Mở rộng và nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại, duy trì mối quan hệ hữu nghị với huyện Kim Bình tỉnh Vân Nam Trung Quốc, tổ chức tốt các hoạt động giao lưu kết nghĩa các cặp bản biên giới, xã biên giới...Tăng cường giải quyết kịp thời những vấn đề nảy sinh về biên giới, lãnh thổ theo Hiệp định về Quy chế quản lý biên giới và làm tốt công tác quản lý biên giới, xây dựng đường biên giới hoà bình, hữu nghị, hợp tác cùng phát triển.

- Đầu tư xây dựng các hạng mục nhằm đảm bảo công tác quốc phòng trên địa bàn huyện:

+ Giai đoạn 2021-2025: Xây dựng thao trường huấn luyện tại bản Can Hồ, xã Sà Dề Phìn; xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Sìn Hồ thuộc công an tỉnh Lai Châu; nâng cấp công trình trụ sở làm việc công an thị trấn Sìn Hồ và xã Nậm Tăm; xây mới 20 trụ sở làm việc công an các xã.

+ Giai đoạn 2026-2030: Xây dựng căn cứ cụm chiến đấu tại bản Tầm Choong, xã Tả Phìn; xây dựng hàng rào biên giới; lắp đặt hệ thống camera giám sát, lắp đặt hệ thống camera giám sát, loa cảm biến có lời thoại cảnh báo và cột đèn chiếu sáng.

+ Giai đoạn 2031-2050: Xây dựng chốt dân quân thường trực biên giới tại bản Nậm Tiến, xã Pa Tần.

V. Phương án phát triển hệ thống đô thị, điểm dân cư nông thôn và các khu chức năng

5.1. Phương án phát triển hệ thống đô thị

- Ưu tiên phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng đô thị nhằm đảm bảo thị trấn Sìn Hồ là trung tâm hành chính, chính trị, trung tâm phát triển kinh tế - xã hội của huyện Sìn Hồ.

- Thực hiện quy hoạch phát triển khu dân cư đô thị tại khu 1, khu 3, khu 4, khu 5, khu ven đường vành đai thị trấn Sìn Hồ. Phát triển, nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng khu vực thị trấn Sìn Hồ.

- Định hướng và chuẩn bị hạ tầng cho việc phát triển đô thị thông minh, Các mạng lưới và dịch vụ truyền thông được thực hiện hiệu quả hơn với việc sử dụng các công nghệ kỹ thuật số và viễn thông vì lợi ích của cư dân và doanh nghiệp. Ứng dụng các giải pháp công nghệ để cải thiện quản lý và hiệu quả của môi trường đô thị.

- Giai đoạn 2021 - 2025: Xây dựng thị trấn Sìn Hồ theo hướng tiêu chí đô thị loại IV.

- Giai đoạn 2026-2030, tầm nhìn 2050: Tiếp tục hoàn thiện cơ sở hạ tầng theo quy hoạch chung thị trấn Sìn Hồ.

+ Mở rộng không gian thị trấn Sìn Hồ nhằm đảm bảo không gian phát triển, kết nối các phân khu, triển khai hoàn thiện hạ tầng đô thị như hệ thống giao thông, mạng lưới thoát nước, hệ thống xử lý nước thải. Đến năm 2035, thị trấn Sìn Hồ có diện tích 1.172 ha với vị trí: Phía Bắc và phía Đông giáp xã Phăng Sô Lin, phía Tây giáp xã Tả Phìn, phía Nam giáp xã Sà Dề Phìn; với quy mô dân số dự kiến 25.000 người. Phấn đấu đến năm 2035, thị trấn Sìn Hồ trở thành đô thị loại IV.

+ Phát triển xã Nậm Tăm trở thành đô thị loại V. Giai đoạn 2021-2030, thực hiện lập quy hoạch xây dựng đô thị, đầu tư xây dựng để đạt các tiêu chí đô thị loại V, xây dựng Nậm Tăm trở thành trung tâm đô thị vùng thấp. Giai đoạn 2031-2050, hoàn thiện các tiêu chí đô thị lại V, nâng cao chất lượng đô thị.

+ Giai đoạn 2031-2050, phát triển thêm các đô thị: Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Cuổi, đạt tiêu chí đô thị loại V.

- Hoàn thiện xây dựng quy hoạch chung xây dựng và quy hoạch chi tiết xây dựng các đô thị. Trong đó chú ý đến việc thiết kế đô thị, phải tạo được những đặc trưng riêng, mang tính chất riêng có của đô thị nhằm phát huy và bảo tồn các giá trị về lịch sử - văn hoá - nghệ thuật kiến trúc - xã hội.

- Ngoài ra, để thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp - nông thôn, việc phát triển các trung tâm cụm xã tại các tiểu vùng kinh tế của huyện là rất cần thiết. Việc phát triển các trung tâm cụm xã sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư cơ sở hạ tầng, đẩy mạnh sản xuất, tập trung dân cư, phát triển thành thị tứ và có điều kiện đầu tư nâng cấp thành thị trấn trong tương lai.

5.2. Phương án phát triển hệ thống điểm dân cư nông thôn

- Hình thành các khu dân cư tập trung, liên kết chặt chẽ với mạng lưới đô thị, trên cơ sở định hướng về tổ chức sản xuất, canh tác tập trung và phát triển kinh tế toàn vùng, các điểm dân cư nông thôn kết nối giao thông với các tuyến liên xã, liên vùng đáp ứng yêu cầu sinh sống và sản xuất của người dân.

- Phát triển hệ thống điểm dân cư trên địa bàn huyện theo mô hình phát triển nông thôn mới, đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, hỗ trợ di chuyển, làm nhà, hỗ trợ lương thực, phát triển sản xuất.

- Bố trí đủ quỹ đất cho số dân hiện tại và dự báo khả năng tăng dân số. Ưu tiên dành quỹ đất bố trí tái định cư nhằm đẩy nhanh tiến độ di dân tái định cư công trình, gắn công tác tái định cư với bố trí, sắp xếp lại dân cư và xây dựng nông thôn mới.

- Tiến hành lập quy hoạch chi tiết các khu dân cư nông thôn tập trung: Xác định chức năng, diện tích, chỉ tiêu sử dụng đất về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất; Xác định hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác; xác định các công trình cần bảo tồn, tôn tạo trong khu vực; Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật được bố trí đến lô đất…

- Giai đoạn 2021-2025: Thực hiện 15 dự án sắp xếp ổn định dân cư với quy mô 862 hộ tại các xã Pa Tần, Nậm Mạ, Nậm Cuổi, Năm Hăn, Noong Hẻo, Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Tả Ngảo, Tả Phìn.

- Giai đoạn 2026-2030:

+ Xây dựng mặt bằng kè để đầu tư vào đấu giá đất tại xã Pa Tần (8,82 ha).

+ Tổ chức đấu giá QSDĐ các thôn, bản, khu phố.

+ Khu đất ở tại bản Háng Lìa - Hồng Thứ (Khu di rời sạt lở), xã Tủa Sín Chải 1,0 ha.

+ Bố trí sắp xếp ổn định dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao, thiếu đất sản xuất (xen ghép).

- Tầm nhìn 2050: Tiếp tục sắp xếp, di chuyển dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ thiên tai sạt lở cao; thực hiện các chương trình ổn định đời sống và sản xuất cho người dân sau tái định cư;...

5.3. Phương án phát triển các khu chức năng

- Khu trung tâm hành chính, chính trị: Nâng cấp khu trung tâm hành chính, chính trị của huyện theo hướng xây dựng nhà hợp khối tại thị trấn Sìn Hồ.

- Khu du lịch: Đầu tư phát triển các khu có tiềm năng du lịch như du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch cộng đồng, du lịch văn hóa dân tộc. Thúc đẩy phát triển mạnh dịch vụ thương mại quanh các điểm du lịch. Thực hiện các chương trình quảng bá nét đẹp về điều kiện tự nhiên, khí hậu, nét văn hóa riêng của các dân tộc đến du khách.

- Khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Định hướng đến năm 2050, xây dựng 01 cụm công nghiệp tại huyện Sìn Hồ, thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư trong cụm công nghiệp với quy mô 20,0 ha.

VI. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất

Trên cơ sở phân tích bối cảnh phát triển của tỉnh và trong nước, các điều kiện phát triển, thực trạng và mức độ tăng trưởng các ngành và lĩnh vực của huyện, quy mô dân số; các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong phân bổ và khoanh vùng sử dụng đất. Đất đai được phân bổ theo loại đất như sau:

Bảng 10: Dự kiến phân bố đất đai của huyện Sìn Hồ đến năm 2030

TT	CHỈ TIÊU	MÃ	Hiện trạng SDĐ đến năm 2020		Quy hoạch đến năm 2030		Biến động 2030/2020
			Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)	2020
	Tổng diện tích đất tự nhiên		**152.245,18**	**100**	**152.245,18**	**100,00**	–
1	Đất nông nghiệp	NNP	92.557,45	60,79	101.668,04	66,78	9.110,59
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	7.748,10	5,09	9.987,81	6,56	2.239,71
3	Đất chưa sử dụng	CSD	51.939,63	34,12	40.589,33	26,66	-11.350,30

- Đất nông nghiệp tăng 9.110,59 ha và dự kiến đến năm 2030, sẽ có khoảng 101.668,04 ha đất nông nghiệp *(chiếm khoảng 66,78% tổng diện tích*

đất tự nhiên), trong đó chủ yếu là đất trồng cây hàng năm khác, đất trồng cây lâu năm và đất rừng.

- Đất phi nông nghiệp đến năm 2030 là 9.987,81 ha *(chiếm khoảng 6,56% tổng diện tích đất tự nhiên)*, tăng 2.239,71 ha. Xây dựng và nâng cấp hệ thống cơ sở hạ tầng là một trong những mục tiêu quan trọng trong giai đoạn tới nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện và thu hút đầu tư. Bên cạnh đó, phát triển thương mại dịch vụ cũng là trọng tâm phát triển kinh tế của huyện trong giai đoạn quy hoạch, nhằm thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Đất chưa sử dụng: Dự kiến sẽ khai thác hiệu quả diện tích đất đã sử dụng; diện tích đất chưa sử dụng giảm 11.350,30 ha trong 10 năm. Đến 2030, diện tích đất chưa sử dụng sẽ chiếm 26,66% tổng diện tích đất tự nhiên.

Duy trì, bảo vệ, cải tạo, chuyển đổi và mở rộng diện tích đất nông nghiệp là nhiệm vụ hàng đầu, áp dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật vào để sử dụng đất tiết kiệm đặc biệt là đất trồng lúa nước, nhằm bảo vệ và khai thác sử dụng tốt quỹ đất nông nghiệp.

Quy hoạch sử dụng đất ở, đất chuyên dùng, đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp phù hợp với mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội cũng như quy hoạch các ngành, các lĩnh vực.

Xác định các chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất được phân bổ tại quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh đảm bảo phù hợp. Xác định diện tích các loại đất cần thu hồi, chuyển mục đích trên địa bàn huyện. Phân bổ diện tích các loại đất cho các xã, thị trấn.

VII. Phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn huyện

7.1. Phương án bảo vệ môi trường

- Nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của các cấp, các ngành và toàn xã hội về bảo vệ môi trường. Có các chính sách để khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để mọi tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân tham gia hoạt động bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh các hoạt động tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải.

- Kiểm soát nguồn thải phát sinh từ khu vực thị trấn Sìn Hồ, phấn đấu 100% tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật. Xử lý triệt để chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động y tế.

- Khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất hợp lý, tiết kiệm và phù hợp với đặc điểm, khả năng nguồn nước của từng vùng để bảo đảm cung cấp nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ nguồn nước ổn định, bền vững lâu dài.

- Mở rộng, xây dựng 28 công trình nghĩa trang nhân dân tại các xã Căn Co, Làng Mô, Nậm Cha, Nậm Cuổi, Nậm Tăm, thị trấn Sìn Hồ,...

- Xây dựng bãi rác tại tập trung các xã; điểm thu gom, xử lý rác thải các bản và khu tái định cư.

- Đẩy mạnh phong trào vệ sinh môi trường khu vực nông thôn, vùng khó khăn gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới; đến năm 2030, tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt tại khu vực đô thị được thu gom, xử lý đạt 100%.

- Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật nhằm ngăn chặn và xử lý các vấn đề ô nhiễm môi trường, xử lý rác thải, xử lý phụ phẩm trong nông nghiệp và sinh hoạt;…

7.2 Phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tổ chức rà soát, cung cấp thông tin các nguồn gen quý hiếm của địa phương để hoàn thiện cơ sở dữ liệu nguồn gen trên địa bàn tỉnh. Bảo vệ, nâng cao giá trị của các nguồn gen quý.

- Phối hợp giữa các ngành liên quan quản lý, bảo vệ, bảo tồn và lưu giữ, phát triển và nâng cao giá trị các nguồn gen quý trên địa bàn huyện.

- Điều tra, kiểm soát chặt chẽ và ngăn ngừa, phòng trừ hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại. Bảo vệ nghiêm ngặt các loài động vật hoang dã quý hiếm có nguy cơ bị tuyệt chủng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về bảo vệ môi trường, quản lý đa dạng sinh học, bảo vệ và bảo tồn động vật hoang dã.

- Lồng ghép các chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học trong việc thực hiện chương trình hành động quốc gia về "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn nâng cao trữ lượng rừng".

VIII. PHƯƠNG ÁN BẢO VỆ, KHAI THÁC, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN

8.1. Tài nguyên đất

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật về đất đai. Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý nghiêm các vi phạm trong quản lý, sử dụng đất đai.

- Tập trung giải quyết dứt điểm tình trạng chồng lấn, tranh chấp đất đai; tích cực triển khai thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định. Khai thác hiệu quả nguồn lực từ đất cho đầu tư phát triển; sử dụng hợp lý đất đô thị; nâng cao hiệu suất sử dụng đất nông nghiệp.

- Nâng cao chất lượng xây dựng, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo kỳ quy hoạch và lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm gắn với các quy hoạch tổng thể của các ngành, các lĩnh vực vào trong quy hoạch kế hoạch sử dụng đất để làm cơ sở thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các tổ chức, cá nhân đảm bảo theo đúng quy định. Đất đai được quy hoạch, quản lý, sử dụng có hiệu quả các quy hoạch như quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, trung tâm cụm xã, các điểm dân cư tập trung, quy hoạch phát triển nông nghiệp, khai thác khoáng sản,…

- Thực hiện công tác kiểm kê đất đai, thống kê đất đai hàng năm để đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo theo đúng tầm chiến lược phát triển trên địa bàn huyện.

- Chú trọng công tác đăng ký, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai đồng bộ, quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất của tổ chức, cá nhân,… ưu tiên bố trí kinh phí của nguồn thu từ đất để thực hiện công tác quản lý đất đai trên địa bàn huyện.

- Trong thời gian tới cần có biện pháp tăng các loại đất trong nhóm đất phi nông nghiệp để đáp ứng nhu cầu công nghiệp hoá hiện đại hoá; Diện tích đất nông nghiệp cần được bảo đảm về số lượng và nâng cao về chất lượng theo hướng đa dạng hoá các loại cây trồng, có hướng đầu tư hơn nữa vào thuỷ lợi để thâm canh tăng năng suất cây trồng.

8.2. Tài nguyên nước

- Chấm dứt việc sử dụng các loại hóa chất độc hại trong sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản chưa được xử lý đạt tiêu chuẩn xả vào nguồn nước gây ô nhiễm nguồn nước và làm suy giảm đa dạng sinh học.

- Khai thác, sử dụng nguồn nước mặt, nước dưới đất hợp lý, tiết kiệm và phù hợp với đặc điểm, khả năng nguồn nước của từng vùng để bảo đảm cung cấp nước đáp ứng các mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ nguồn nước ổn định, bền vững lâu dài.

- Phòng, chống và khắc phục hậu quả, tác hại do nước gây ra. Khắc phục có hiệu quả tình trạng hạn hán, thiếu nước vào mùa khô.

- Phòng chống và giảm tác hại do nước gây ra ở các sông, lưu vực sông.

- Nâng cao nhận thức và hành vi sử dụng nước của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức dùng nước.

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện. Phối hợp thực hiện việc cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với các dự án thủy điện trên địa bàn huyện.

- Phấn đấu tỷ lệ hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh đến năm 2025 đạt 100%.

8.3. Tài nguyên rừng

- Xây dựng phương án quản lý, phát triển rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng cho các chủ rừng là tổ chức; tăng cường công tác phòng cháy chữa cháy theo phương châm "4 tại chỗ".

- Quản lý chặt chẽ diện tích rừng và đất lâm nghiệp theo quy hoạch; tập trung rà soát, điều chỉnh diện tích rừng và đất lâm nghiệp chồng chéo giữa ban quản lý rừng với các hộ gia đình, cá nhân; đẩy mạnh công tác giao đất gắn với giao rừng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Đẩy mạnh công tác bảo vệ rừng đồng thời xây dựng phương án đề nghị tỉnh hỗ trợ, bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục nhân dân về quản lý, khai thác, bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng.

8.4. Tài nguyên khoáng sản

- Phối hợp với các Sở, Ngành, các cơ quan đơn vị, UBND các xã, thị trấn, kiểm tra rà soát cập nhật bổ sung quy hoạch các điểm mỏ khoáng sản gắn với quy hoạch sử dụng đất đảm bảo theo đúng định hướng chiến lược

phát triển của huyện, của tỉnh. Tăng cường công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện.

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động khai thác khoáng sản của các tổ chức cá nhân trên địa bàn huyện. Kiên quyết xử lý các trường hợp vi phạm đảm bảo theo đúng quy định, đúng thẩm quyền. Kiểm soát chặt chẽ việc khai thác khai thác khoáng sản, không để xảy ra các trường hợp khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn huyện theo đúng quy định của nhà nước và chỉ đạo của tỉnh.

- Tăng cường công tác tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về quản lý, khai thác bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn huyện đảm bảo theo đúng quy định nhằm khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả tài nguyên khoáng sản.

IX. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

9.1. Phương án khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước

- Trên địa bàn huyện Sìn Hồ có hệ thống sông, suối, ao, hồ khá phong phú, có 2 sông lớn là sông Đà và sông Nậm Na, đặc biệt vùng lòng hồ Sơn La rộng lớn. Giai đoạn 2031-2050, nâng cấp hồ Hoàng Hồ và hồ Pa Khóa; xây dựng hệ thống thủy lợi đáp ứng nhu cầu tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp; xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống đường ống cấp nước sinh hoạt cho người dân.

- Khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm và có hiệu quả nguồn nước trong sinh hoạt cũng như trong hoạt động sản xuất.

- Phân bổ, chia sẻ tài nguyên nước hài hòa, hợp lý giữa các ngành, các địa phương, ưu tiên sử dụng nước cho sinh hoạt, sử dụng nước mang lại giá trị kinh tế cao, bảo đảm dòng chảy môi trường.

- Hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản do lũ lụt, lũ quét, lũ bùn đá, đặc biệt chú trọng các vùng thường xuyên bị lũ, sạt lở.

- Nâng cao khả năng cảnh báo lũ quét ở các huyện miền núi, hạn chế thiệt hại do lũ quét gây ra.

9.2. Phương án bảo vệ tài nguyên nước

** Đối với nguồn tài nguyên nước mặt:*

+ Bảo vệ phát triển rừng: trồng mới rừng nâng cao tỷ lệ che phủ rừng. Tăng cường diện tích trồng rừng phòng hộ ở các vùng có độ dốc lớn, đồng

thời tích cực trồng rừng tại những nơi có độ dốc thấp, thảm thực bì thuộc đối tượng trồng rừng để nâng cao hiệu quả của rừng phòng hộ.

+ Bảo vệ chất lượng nước mặt: Thực hiện các biện pháp giảm thiểu nguồn ô nhiễm từ các nguồn thải. Xây dựng hành lang bảo vệ nguồn nước.

** Đối với nguồn tài nguyên nước dưới đất:*

+ Kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác, sử dụng nước dưới đất, đảm bảo 100% các công trình khai thác, sử dụng nước dưới đất phải có giấy phép.

+ Tuyên truyền nâng cao ý thức của nhân dân về bảo vệ tài nguyên nước ngầm.

9.3. Phương án phòng chống và khắc phục tác động do nước gây ra

- Phòng chống, khắc phục hậu quả lũ lụt:

+ Thực hiện công tác bố trí dân cư, bố trí sản xuất và xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng ngập lũ phù hợp với đặc điểm lũ, lụt của từng vùng.

+ Xây dựng và vận hành hồ chứa nước phải có phương án bảo đảm an toàn công trình, phòng, chống lũ, lụt cho hạ lưu phù hợp với Phương án phòng, chống lũ, lụt của lưu vực sông.

+ Có các biện pháp di dân an toàn, bảo đảm sản xuất và đời sống của nhân dân, khắc phục hậu quả ngập lụt, trợ cấp cho nhân dân vùng bị ảnh hưởng phân lũ, chậm lũ.

- Phòng chống, khắc phục hậu quả hạn hán:

+ Hỗ trợ cho việc xây dựng các công trình thủy lợi ở các vùng thường xuyên xảy ra hạn hán để có nguồn nước cho sinh hoạt, sản xuất và phòng, chống cháy rừng.

+ Tuyên truyền, vận động các tổ chức, cá nhân có nghĩa vụ tham gia phòng, chống và khắc phục hậu quả hạn hán.

X. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó biến đổi khí hậu trên địa bàn huyện

- Nghiên cứu dự báo mức độ tác động của biến đổi khí hậu, hậu quả của các hiện tượng thời tiết cực đoan (lũ ống, lũ quét, sạt lở đất, nhiệt độ bất thường…) đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện, từ đó xác định các giải pháp ứng phó có hiệu quả.

- Lựa chọn cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp đảm bảo có hiệu quả kinh tế cao, thích nghi với sự thay đổi của khí hậu, phù hợp với đặc điểm sinh thái của từng vùng; chuyển đổi cơ cấu thời vụ gieo trồng để tránh thời gian cao điểm dễ xuất hiện thiên tai, dịch bệnh, phát triển các loại cây trồng năng lượng sinh học.

- Đẩy mạnh trồng rừng phủ xanh các vùng đất trống, đồi trọc quy hoạch cho mục đích lâm nghiệp; đối với việc trồng rừng mới lựa chọn loài cây trồng phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu có khả năng chống chịu hạn, chống cháy và chống chịu bệnh tốt, trong đó chú trọng các loại cây bản địa.

- Bảo vệ và sử dụng bền vững diện tích rừng hiện có, đặc biệt là rừng tự nhiên nhằm tăng cường khả năng hấp thụ và giảm phát thải khí gây hiệu ứng nhà kính. Tăng cường củng cố hệ thống rừng đặc dụng; hạn chế việc chuyển đổi rừng sang các mục đích khác, khuyến khích người dân và cộng đồng địa phương tham gia quản lý, bảo vệ rừng và phát triển rừng nhằm phát triển rừng bền vững, hạn chế các tác động tiêu cực do biến đổi khí hậu gây ra và chống xói mòn, suy thoái đất.

- Triển khai kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050; lồng ghép nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu vào các chương trình, đề án và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện; tích cực tuyên truyền, nâng cao nhận thức của đội ngũ quản lý và cộng đồng về thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Thực hiện sắp xếp, ổn định các điểm dân cư nông thôn, các điểm di dân tự do, các điểm ảnh hưởng của thiên tai. Thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần giảm nghèo, ổn định cuộc sống lâu dài cho người dân, ổn định an ninh - chính trị, kết nối giao thông với bên ngoài, khắc phục tình trạng bị cô lập cho các hộ dân trên địa bàn.

+ Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp nước và vệ sinh nông thôn được xây dựng đảm bảo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và an toàn công trình.

PHẦN III
DANH MỤC DỰ ÁN CỦA HUYỆN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN THỰC HIỆN

Để thực hiện được các nhiệm vụ, mục tiêu Phương án đề ra, huyện kiến nghị các danh mục dự án, chương trình trọng điểm ưu tiên đầu tư trên địa bàn huyện trong giai đoạn 2021 - 2030 như sau:

Bảng 11: Danh mục dự án đầu tư công ưu tiên đầu tư giai đoạn 2021-2030

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
	Tổng Cộng			**7.772,02**			
I	**Giao thông**			**5.048,87**			
*	**Quốc lộ**						
1.1	Cải tạo, nâng cấp QL12 đoạn Km0 - Km89+900 (trên địa bàn huyện Sìn Hồ đoạn Km25+500 - Km89+900)	Huyện Sìn Hồ	64 km	330,50	2026	2030	NSTW
*	***Giao thông đối ngoại***						
1.2	Đường Noong Hẻo- Căn Co - Nậm Cuổi - Nậm Hăn đi Tủa Chùa (Điện Biên) bao gồm 01 cầu lớn qua lòng hồ thủy điện Sơn La (chuyển thành ĐT138)	Huyện Sìn Hồ	38 km	400,00	2026	2030	NSTW
1.3	Đường Noong Hẻo - Căn Co - Nậm Hăn, Huổi Pha, huyện Sìn Hồ - xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai, Sơn La	Huyện Sìn Hồ	Nâng cấp 51km, mở mới khoảng 2,5 km. Đường tỉnh lộ, cấp V	500,00	2022	2025	NSTW + NSĐP
*	***Đường tỉnh***						
1.4	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 128, 129B, 135, 133, 129.	Huyện Sìn Hồ	145 km	1.765,08	2021	2030	NSTW + NSĐP
1.5	Nâng cấp tuyến đường Căn Co -Nậm Mạ	Huyện Sìn Hồ	L = 13 km. Đường tỉnh, cấp V	120,00	2023	2025	NSTW + NSĐP
1.6	Nâng cấp, mở mới hệ thống đường tuần tra biên giới, đường ra biên giới	Huyện Sìn Hồ		50,00	2021	2030	NSTW + NSĐP

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
1.7	Nâng cấp, sửa chữa đường giao thông nội thị	Thị trấn Sìn Hồ		5,00	2026	2030	NSĐP
1.8	Mở mới, nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường giao thông nông thôn	Huyện Sìn Hồ	176 km	1.824,29	2021	2030	NSTW + NSĐP
1.9	Đường thủy nội địa	xã Chăn Nưa, Nậm Mạ, Nậm Tăm	32 km	27,00	2021	2030	NSTW + NSĐP
1.10	Cầu qua suối	Xã Hồng Thu, Làng Mô, Ma Quai, Nậm Hăn, Pa Tần		20,00	2021	2030	NSTW + NSĐP
1.11	Ngầm tràn liên hợp qua suối Lùng Cù cho dân bản Co Coóc tập trung sản xuất	Xã Lùng Thàng	0,05 km	7,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
II	**Thủy lợi**			**522,23**			
2.1	Xây dựng đập chứa nước cho 8 bản trung tâm xã Tả Phìn	Xã Tả Phìn	140 hộ	3,00	2021	2025	NSĐP
2.2	Nâng cấp, xây mới công trình thủy lợi các xã	Huyện Sìn Hồ		519,23	2021	2030	NSTW + NSĐP
III	**Hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp**			**0,00**			
IV	**Ngành Nông nghiệp, phát triển nông thôn**			**14,10**			
4.1	Khoanh nuôi bảo vệ và trồng rừng thay thế (sản xuất, phòng hộ)	các xã, thị trấn	2.000 ha	3,00	2021	2030	NSĐP
4.2	Dự án sản xuất giống và trồng sâm Lai Châu, tam thất bắc, bảy lá một hoa	Thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn	Vườn sản xuất giống trong nhà lưới 3 ha. Vườn trồng thử nghiệm 7 ha	3,35	2021	2025	NSTW
4.3	Dự án sản xuất giống và liên kết trồng, thu mua các loại cây dược liệu: đan sâm, sâm cát cánh, sâm đương quy, atiso	Thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Tả Phìn	Vườn giống 5 ha, vùng trồng nguyên liệu 45 ha	5,25	2021	2025	NSTW

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
4.4	Xây dựng 6 sản phẩm được chứng nhận sản phẩm đạt tiêu chuẩn OCOP từ 3* trở lên	Huyện Sìn Hồ	Rượu ngô, đương quy tươi, đương quy khô, cao hà thủ ô, hoa atiso sấy khô, đỗ trọng	2,50	2021	2025	NSĐP
V	**Du lịch**			**71,50**			
5.1	Cải tạo nâng cấp khu di tích lịch sử thời chống Pháp	Xã Sà Dề Phìn	1,0 ha	5,00	2026	2030	NSĐP
5.2	Hạ tầng khu du lịch cao nguyên Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ		51,63	2021	2025	NSTW
5.3	Xây dựng nông thôn mới gắn với du lịch nông thôn	Bản Sà Dề Phìn, xã Sà Dề Phìn	- Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng (3 km). - Tu bổ hệ thống nhà trình tường, nhà vệ sinh công cộng (28 nhà). - Xây dựng đường giao thông từ vùng chè cổ đi thác nước và vùng cây ăn quả (5,5 km). - Bảo tồn phát triển 6 ha chè cổ thụ, 15 ha cây dược liệu, 20 ha cây ăn quả, khôi phục nghề nấu rượu ngô làm sản phẩm để phục vụ khách quan du lịch.	14,87	2021	2030	NSNN + VỐN ODA
VI	**Văn hóa thể thao**			**107,38**			
6.1	Quảng trường	Khu 4, Thị trấn Sìn Hồ	0,43 ha	8,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.2	Trung tâm hội nghị huyện Sìn Hồ (Trung tâm hội nghị văn hóa thanh thiếu nhi)	Khu 4, Thị trấn Sìn Hồ	0,47 ha	15,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.3	Trung tâm văn hóa thể thao xã	Xã Nậm Tăm, Pa Khóa	1,2-1,7 ha	12,50	2026	2030	NSTW + NSĐP

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
6.4	Xây dựng nhà bảo tồn văn hóa dân tộc Lự	Bản Nậm Pậu, xã Nậm Tăm	0,2 ha	5,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
6.5	Xây dựng, mở rộng, nâng cấp nhà văn hóa các khu phố, bản	Huyện Sìn Hồ		12,60	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.6	Xây mới, sửa chữa, nâng cấp, mở rộng 22 nhà văn hóa các xã	Các xã		12,50	2021	2030	NSTW + NSĐP
6.7	Sân vận động huyện (sân quần vợt, bóng chuyền, tennis, bóng rổ…)	Khu 2, Thị trấn Sìn Hồ	2,28 ha	2,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.8	Xây dựng sân bóng rổ bản Phăng Sô Lin	Bản Phăng Sô Lin, xã Phăng Sô Lin	0,03 ha	0,50	2021	2025	NSTW + NSĐP
6.9	Nhà đa năng xã Tủa Sín Chải	Xã Tủa Sín Chải	0,1 ha	0,50	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.11	Xây mới, nâng cấp sân thể thao các xã, bản	Huyện Sìn Hồ		11,50	2026	2030	NSTW + NSĐP
6.11	Thực hiện các đề án văn hóa	Huyện Sìn Hồ		27,28	2021	2025	NSTW + NSĐP
VII	**Y tế**			**125,00**			
7.1	Mở rộng, nâng cấp, sửa chữa trung tâm y tế huyện	2 cơ sở		59,00	2026	2030	NSĐP + NSNN + VỐN ODA
7.2	Nâng cấp, sửa chữa, xây mới công trình các trạm y tế xã	Xã Hồng Thu, Lùng Thàng, Ma Quai, Nậm Cha, Nậm Cuổi, Nậm Ma, Nậm Tăm, Pa Khóa, Phăng Sô Lin, Phìn Hồ, Pu Sam Cáp, Tả		66,00	2021	2025	NSĐP + NSNN + VỐN ODA

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
		Phìn.					
VIII	**Giáo dục - đào tạo**			**464,78**			
8.1	Nâng cấp, mở rộng, xây mới các điểm trường MN + TH + THCS và các công trình phụ trợ đảm bảo tiêu chuẩn	Huyện Sìn Hồ		464,78	2021	2030	NSĐP + NSNN + VỐN ODA
IX	**Công nghệ thông tin - phát thanh, truyền hình**			**43,70**			
9.1	Đài phát thanh - truyền hình huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ, xã Nậm Tăm	Sửa chữa trụ sở làm việc, trạm phát sóng PTTH trung tâm huyện; Lắp đặt 2 máy phát sóng truyền hình số mặt đất; xây dựng cơ sở hạ tầng, trạm thu phát lại truyền thanh, truyền hình cụm xã Nậm Tăm	15,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
9.2	Lắp đặt mới trạm truyền thanh và Chuyển đổi trạm truyền thanh sang sử dụng ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông	Các xã, thị trấn	Lắp mới 1 trạm, chuyển đổi 17 trạm	7,20	2021	2025	NSTW + NSĐP
9.3	Trạm viễn thông Ma Quai	Xã Nậm Tăm	Xây mới trạm viễn thông diện tích 0,20 ha	1,50	2026	2030	NSTW + NSĐP
9.4	Chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước		Đầu tư trang thiết bị, số hóa hồ sơ lưu trữ	20,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
X	**Quốc phòng, an ninh**			**90,40**			
10.1	Thao trường huấn luyện	Bản Can Hồ, xã Sà Dề Phìn	11 ha	16,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
10.2	Căn cứ cụm chiến đấu	Bản Tầm Choong, xã Tả Phìn	50 ha	25,00	2026	2030	NSTW + NSĐP

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
10.3	Xây dựng cơ sở làm việc Công an huyện Sìn Hồ thuộc Công an tỉnh Lai Châu	Thị trấn Sìn Hồ	Diện tích 1,90 ha, xây mới công trình	8,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
10.4	Mở rộng diện tích, xây mới công trình, nâng cấp trụ sở công an các xã, thị trấn	Huyện Sìn Hồ		41,40	2021	2025	NSTW + NSĐP
XI	**Quản lý nhà nước**			**51,20**			
11.1	Trụ sở BHXH huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ	Xây mới công trình diện tích 0,45 ha	3,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
11.2	Cải tạo, nâng cấp trung tâm hành chính huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ	Nâng cấp, sửa chữa	3,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
11.3	Viện kiểm sát huyện Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ	0,09 ha	1,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
11.4	Trụ sở làm việc Trạm kiểm lâm Phìn Hồ	Xã Phìn Hồ	Nhà làm việc 5 gian, trạm biến áp, nhà kho và các công trình phụ trợ khác	4,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
11.5	Mở rộng, sửa chữa, nâng cấp trụ sở UBND 22 xã, thị trấn	Huyện Sìn Hồ		39,20	2021	2030	NSTW + NSĐP
11.6	Mở rộng khuôn viên trụ sở Kho bạc Nhà nước Sìn Hồ	Thị trấn Sìn Hồ	Mở rộng diện tích 0,01 ha. Nâng cấp công trình	1,00	2026	2030	NSTW + NSĐP
XII	**Công cộng, đô thị - tài nguyên môi trường**			**767,00**			
12.1	Khu dân cư đô thị	Thị trấn Sìn Hồ	29,4 ha	26,50	2021	2030	NSTW + NSĐP
12.2	Khu dân cư nông thôn tại các xã	Các xã khu vực nông thôn		509,00	2021	2030	NSĐP + NSNN + VỐN ODA
12.3	Xây dựng nghĩa trang các bản, xã, thị trấn	Huyện Sìn Hồ		159,50	2026	2030	NSTW + NSĐP
12.4	Xây dựng điểm thu gom rác thải, bãi rác các bản, các xã	Huyện Sìn Hồ		70,00	2021	2030	NSTW + NSĐP

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
12.5	Bãi xử lý rác thải bản San Sủa Hồ	Xã Tủa Sín Chải	0,2 ha	2,00	2021	2025	NSTW + NSĐP
XIII	**Cấp sinh hoạt tập trung**			**190,37**			
13.1	Đầu tư xây mới, nâng cấp, sửa chữa công trình cấp nước sinh hoạt tập trung	Huyện Sìn Hồ		190,37	2021	2030	NSTW + NSĐP
XIV	**Vùng khó khăn, dân tộc**			**275,50**			
14.1	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư vùng thiên tai: bản Nậm Khăm xã Tả Ngảo; bản Hồ Sì Pán xã Pu Sam Cáp, bản Huổi Pha 2 xã Nậm Hăn; bản nhóm hộ Nậm Múng bản Hồng Quảng; bản Cuổi Tở xã Nậm Cuổi.	Xã Nậm Hăn, Pa Khóa, Pu Sam Cáp, Tả Ngảo	157 hộ	62,50	2021	2030	NSĐP + NSNN + VỐN ODA
14.2	Bố trí, sắp xếp ổn định dân cư vùng biên giới: Bản Nậm Tần Xá xã Pa Tần	Xã Pa Tần	35 hộ	30,00	2021	2025	NSĐP + NSNN + VỐN ODA
14.3	Bố trí sắp xếp ổn định dân cư ra khỏi vùng có nguy cơ sạt lở cao, thiếu đất sản xuất (Xen ghép)	Huyện Sìn Hồ	145 hộ	183,00	2021	2030	NSĐP + NSNN + VỐN ODA

Bảng 12: Danh mục dự án thu hút đầu tư thời kỳ 2021-2030

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
	TỔNG CỘNG			**8.698,94**			
I	**Nông nghiệp**			**654,50**			
1.1	Dự án sản xuất giống và trồng sâm Lai Châu, tam thất bắc, bảy lá một hoa	Thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn	Vườn sản xuất giống trong nhà lưới 3 ha, vườn trồng thử nghiệm 7 ha	15,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.2	Dự án sản xuất giống và liên kết trồng, thu mua các loại cây dược liệu: đan sâm, sâm cát cánh, sâm đương quy, atiso	Thị trấn Sìn Hồ, xã Tả Ngảo, Sà Dề Phìn, Làng Mô, Phăng Sô Lin, Tả Phìn	Vườn giống 5 ha, vùng trồng nguyên liệu 45 ha	30,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.3	Phát triển cây dược liệu có giá trị kinh tế và phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm	Các xã vùng cao	GĐ 2021-2025 trồng mới thêm 200 ha. GĐ 2026-2030 trồng mới thêm 300 ha	10,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.4	Dự án trồng rừng, trồng dược liệu dưới tán rừng gắn với du lịch sinh thái	Xã Sà Dề Phìn, Tả Ngảo	10 ha	2,50	2021	2030	Xã hội hóa
1.5	Phát triển vùng trồng lúa hàng hóa chất lượng cao	Xã Noong Hẻo, Nậm Cuổi	400 ha	6,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.6	Phát triển vùng trồng rau đặc sản (cải làn, cải ngồng, su su, cải bắp,..)	Các xã vùng cao	100 ha	3,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.7	Phát triển vùng trồng hoa (lan, hồng,…)	Thị trấn, các xã vùng cao	Diện tích tối thiểu 15 ha	5,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.8	Quy hoạch vùng trồng cây ăn quả nhiệt đới (mít, xoài, bưởi, cam, chanh...)	Các xã vùng thấp	GĐ 2021-2025 trồng mới thêm 200 ha. GĐ 2026-2030 trồng mới thêm 500 ha	7,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.9	Phát triển vùng trồng cây ăn quả ôn đới (đào, lê, mận…)	Các xã vùng cao	Trồng mới thêm 200 ha	3,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.10	Phát triển vùng trồng chuối	Xã Pa Tần, Phìn Hồ, Hồng Thu,	Trồng mới thêm 350 ha	4,00	2021	2025	Xã hội hóa

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
		Lùng Thùng, Căn Co, Nậm Cuổi, Nậm Hăn					
1.11	Phát triển vùng trồng cây sơn tra	Các xã vùng cao	Trồng mới thêm 300 ha	6,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.12	Phát triển vùng trồng chè	Xã Hồng Thu, Phìn Hồ, Ma Quai, Tả Ngảo, Sà Dề Phìn	GĐ 2021-2025 trồng mới thêm 300 ha. GĐ 2026-2030 trồng mới thêm 500 ha	5,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.13	Vùng trồng chè cổ thụ gắn với du lịch sinh thái	Xã Sà Dề Phìn	10 ha	2,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.14	Phát triển vùng trồng cây mắc ca	Xã Nậm Cuổi, Nậm Hăn	Đến năm 2025, trồng thêm 1.503,8 ha. Năm 2030, trồng thêm 1.000 ha	500,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.15	Phát triển vùng trồng quế	Các xã vùng thấp và vùng dọc sông Nậm Na	Trồng mới thêm 1.500 ha	30,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.16	Xây dựng vườn ươm của trạm khuyến nông	Xã Nậm Cuổi	0,7 ha	1,00	2026	2030	Xã hội hóa
1.17	Khu chăn nuôi tập trung	Xã Nậm Cha, xã Nậm Hăn, xã Tả Ngảo, xã Làng Mô …	2 ha	1,00	2026	2030	Xã hội hóa
1.18	Phát triển cơ sở chăn nuôi tập trung đàn đại gia súc (trâu, bò) quy mô nhỏ và vừa	Xã Nậm Hăn, Pa Tần, Tả Ngảo, Căn Co	08 cơ sở	2,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.19	Phát triển cơ sở chăn nuôi lợn tập trung	Thị trấn Sìn Hồ, xã Pa Tần, Nậm Tăm	10 cơ sở	3,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.20	Phát triển cơ sở chăn nuôi ngựa tập	Huyện Sìn Hồ	03 cơ sở	1,50	2021	2030	Xã hội

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
	trung						hóa
1.21	Phát triển cơ sở chăn nuôi dê tập trung	Huyện Sìn Hồ	03 cơ sở	2,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.22	Phát triển cơ sở chăn nuôi thỏ tập trung	Huyện Sìn Hồ	01 cơ sở	1,50	2021	2030	Xã hội hóa
1.23	Phát triển nghề nuôi ong mật	Xã Sà Dề Phìn, Lùng Thàng	GĐ 2021-2025: phát triển 5 cơ sở, quy mô 1.000 đàn, 2.500 lít/năm GĐ 2026-2030: Phát triển thêm 8 cơ sở, quy mô 1.800 đàn, 2.700 lít/năm.	4,00	2021	2025	Xã hội hóa
1.24	Phát triển nuôi cá nước lạnh	Xã Sà Dề Phìn	01 cơ sở	2,00	2021	2030	Xã hội hóa
1.25	Phát triển nuôi cá lồng	Xã Nậm Mạ, Nậm Cha	Đến năm 2025 phát triển thêm 105 lồng, tổng thể tích nuôi 33.000 m^3, đến năm 2030 phát triển thêm 250 lồng, tổng thể tích nuôi 60.500 m^3	8,00	2021	2030	Xã hội hóa
II	**Công nghiệp**			**331,89**			
2.1	Xây dựng nhà máy chế biến mủ cao su	Xã Nậm Tăm	5.000 tấn mủ/năm	54,74	2021	2025	Xã hội hóa
2.2	Dự án xây dựng nhà máy chế biến chè và trồng chè	Xã Phìn Hồ	15 tấn chè búp tươi/ngày	31,15	2021	2025	Xã hội hóa
2.3	Nhà máy chế biến tinh bột sắn huyện Sìn Hồ	Xã Căn Co	12,12 ha	20,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.4	Xây dựng nhà máy chế biến mắc ca	Xã Nậm Cuổi/Xã Nậm Hăn	5,0 ha	25,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.5	Xây dựng nhà máy chế biến quế	Xã Nậm Cuổi	3,0 ha	15,00	2026	2030	Xã hội hóa

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
2.6	Xây dựng nhà máy chế biến dược liệu	Xã Sà Dề Phìn	3,0 ha	15,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.7	Đầu tư phát triển thêm dây chuyền sản xuất gạch không nung	Huyện Sìn Hồ		10,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.8	Đầu tư cơ sở sản xuất cát nghiền	Huyện Sìn Hồ	10.000 m3/dây chuyền	2,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.9	Khai thác quặng đồng Nậm Pửng, Nậm Kinh	Xã Căn Co	45,72 ha	17,00	2026	2030	Xã hội hóa
2.10	Khai thác cát và xây dựng bãi tập kết cát	Xã Nậm Tăm, Pa Khóa, Lùng Thàng	27,68 ha	13,00	2021	2025	Xã hội hóa
2.11	Thăm dò, khai thác cát làm VLXD thông thường	Nậm Na, Lùng Thàng, Nậm Tăm	67,52 ha		2021	2030	Xã hội hóa
2.12	Khai thác đá vôi, đá làm VLXD thông thường	Xã Nậm Cha, Hồng Thu, Phìn Hồ, Lùng Thàng, Nậm Tăm	13,95 ha	9,00	2021	2030	Xã hội hóa
2.13	Thăm dò, khai thác đá làm VLXD thông thường	Xã Pa Tần, Nậm Cha	24,14 ha		2021	2030	Xã hội hóa
2.14	Khai thác, chế biến mỏ vàng gốc Nậm Cuổi	Xã Nậm Cuổi	5.000-15.000 tấn quặng/ mỏ	50,00	2021	2030	Xã hội hóa
2.15	Khai thác, chế biến mỏ vàng Pu Sam Cáp	Xã Pu Sam Cáp	10.000-20.000 tấn quặng/ mỏ	70,00	2021	2030	Xã hội hóa
III	**Dịch vụ**			**48,50**			
3.1	Đấu giá quyền sử dụng đất tại thị trấn Sìn Hồ để cho thuê đất sử dụng vào mục đích thương mại, dịch vụ	Thị trấn Sìn Hồ	1,49 ha	3,00	2021	2025	Xã hội hóa
3.2	Trung tâm mua bán và trưng bày sản phẩm	Thị trấn Sìn Hồ	3,0 ha	4,00	2026	2030	Xã hội hóa

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
3.3	Bãi tập kết VLXD (cát)	Xã Phìn Hồ, Noong Hẻo, Nậm Tăm	1,5 ha	1,50	2021	2030	Xã hội hóa
3.4	Mở rộng diện tích, xây mới công trình chợ các xã, thị trấn	Xã Nậm Cuổi, Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Tăm	Cải tạo 01 chợ xã Nậm Cuổi, xây mới 03 chợ các xã Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Tăm	40,00	2021	2030	Xã hội hóa
IV	**Du lịch**			**1.798,00**			
4.1	Khu Trung tâm Du lịch sinh thái và nghỉ dưỡng Sìn Hồ	Huyện Sìn Hồ	196 ha	1.616,00	2026	2030	Xã hội hóa
4.2	Xây dựng các bản văn hóa du lịch cộng đồng	Bản Sìn Hồ Vây, thị trấn Sìn Hồ; Bản Trị Xoang, xã Tả Phìn; Bản Pậu, xã Nậm Tăm		75,00	2026	2030	Xã hội hóa
4.3	Khu hang động Thẳm Luông	Xã Ma Quai	2,0 ha. Xây dựng công trình quầy bán hàng, khu vệ sinh, bãi để xe, nhà tiếp khách, hệ thống điện, cầu qua suối. Nâng cấp tuyến đường đi bộ, đường trong động	35,00	2026	2030	Xã hội hóa
4.4	Điểm du lịch sinh thái quanh hồ Pa Khóa	Xã Pa Khóa	4,0 ha	30,00	2026	2030	Xã hội hóa
4.5	Điểm du lịch Than Chi Hồ	Xã Hồng Thu	1,0 ha	10,00	2026	2030	Xã hội hóa
4.6	Điểm du lịch Núi Đá Ô + Động Quan Âm	Xã Tả Phìn	Diện tích 4,0 ha. Xây mới quầy bán hàng, khu vệ sinh, đường vào núi, bãi đỗ xe, nhà tiếp khách, hệ thống điện trong động. Cải tạo đường vào động Quan Âm. Xây dựng khu tâm linh	32,00	2021	2025	Xã hội hóa

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
			động Quan Âm				
V	**Phát triển đô thị**			**300,00**			
5.1	Khu đô thị, dụ lịch nghỉ dưỡng Sìn Hồ	thị trấn Sìn Hồ		300,00	2022	2030	Xã hội hóa
VI	**Kết cấu hạ tầng**			**5.566,05**			
6.1	Trạm cấp nước Nậm Tăm	Xã Nậm Tăm	2.000 m^3/ng.đ	30,00	2026	2030	
6.2	Bến xe khách Nậm Mạ	Xã Nậm Mạ	0,05 ha	30,00	2026	2030	Xã hội hóa
6.3	Xây dựng bến cảng	Xã Nậm Mạ, Chăn Nưa, Nậm Hăn, Căn Co, Nậm Cha, Tủa Sín Chải, Nậm Tăm	3,05 ha	31,00	2026	2030	Xã hội hóa
6.4	Bến xuồng Pá Hăn, Huổi Lá, Huổi Pha 2	Xã Nậm Hăn	0,1 ha	1,50	2026	2030	Xã hội hóa
6.5	Cảng cá Hua Ná	Xã Pa Khóa	0,2 ha	1,50	2026	2030	Xã hội hóa
6.6	Thủy điện Nậm Khằn	Xã Chăn Nưa	5 MW	170,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.7	Thủy điện Van Um	Xã Lùng Thàng	7 MW	245,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.8	Thủy điện Phiêng Lót	Xã Nậm Tăm	6 MW	190,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.9	Thủy điện Nậm Há	Xã Noong Hẻo, Pu Sam Cáp	9 MW	250,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.10	Thủy điện Nậm Mồng	Xã Pa Khóa	8 MW	150,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.11	Thủy điện Pa Tần 1	Xã Pa Tần	8 MW	200,00	2021	2025	Xã hội hóa

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
6.12	Thủy điện Pa Tần 2	Xã Pa Tần	20 MW	310,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.13	Thủy điện Pa Tần 1A	Xã Pa Tần	5 MW	180,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.14	Thủy điện Suối Ngang	Xã Pa Tần, Hồng Thu	5 MW	250,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.15	Thủy điện Suối Ngầm	Xã Phăng Sô Lin, Thị trấn Sìn Hồ	25 MW	340,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.16	Thủy điện Nậm Cử 1, Nậm Cử 2	Xã Phăng Sô Lin, Ma Quai	12 MW; 3,6 MW	220,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.17	Thủy điện Phìn Hồ	Xã Phìn Hồ	25 MW	450,00	2026	2030	Xã hội hóa
6.18	Thủy điện Ma Quai 1	Xã Phìn Hồ, Ma Quai	5 MW	280,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.19	Thủy điện Ma Quai 2	Xã Phìn Hồ, Ma Quai	5 MW	310,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.20	Thủy điện Nậm Cầy	Xã Sà Dề Phìn	15 MW	360,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.21	Thủy điện Nậm Chản	Xã Tả Ngảo, Làng Mô	5 MW	300,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.22	Thủy điện Nậm Chản 1	Xã Tả Ngảo, Làng Mô	5 MW	270,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.23	Thủy điện Nậm Nguyên	Xã Tả Ngảo, Làng Mô, Nậm Cha	8 MW	400,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.24	Thủy điện Tả Phìn	Xã Tả Phìn	8 MW	350,00	2021	2025	Xã hội hóa
6.25	Xây dựng, nâng cấp, sửa chữa hệ thống cấp điện nông thôn	Huyện Sìn Hồ		102,80	2021	2025	Xã hội hóa
6.26	Chống quá tải, mở rộng phạm vi cấp	Huyện Sìn Hồ		127,48	2021	2030	Xã hội

TT	DANH MỤC DỰ ÁN	VỊ TRÍ	QUY MÔ/CÔNG SUẤT	GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ (TỶ ĐỒNG)	THỜI GIAN KHỞI CÔNG DỰ KIẾN	THỜI GIAN HOÀN THÀNH DỰ KIẾN	NGUỒN VỐN
	điện khu vực Huyện Sìn Hồ						hóa
6.27	Giảm tổn thất điện năng	Huyện Sìn Hồ		15,00	2021	2030	Xã hội hóa
6.28	Xây dựng nhà trực vận hành tại các xã	Xã Pa Tần, Chăn Nưa, Nậm Tăm, Noong Hẻo	0,48 ha	1,78	2021	2025	Xã hội hóa

PHẦN IV
GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

I. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

- Khai thác tối đa nguồn vốn ngân sách của tỉnh và Trung ương để đầu tư vào phát triển các ngành kinh tế quan trọng và có lợi thế.

- Tạo môi trường, chính sách thuận lợi để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào huyện. Phối hợp thống nhất, hiệu quả trong việc quản lý điều hành của các ngành, các cấp đối với các hoạt động đầu tư trên địa bàn huyện.

- Tạo nguồn vốn đầu tư phát triển từ quỹ đất, sử dụng thoả đáng nguồn thu từ đất để đầu tư khai hoang, cải tạo đất chưa sử dụng đưa vào sản xuất và phát triển kinh tế.

- Huy động vốn đầu tư từ các doanh nghiệp và vốn trong dân cần xây dựng cơ chế chính sách hấp dẫn, ưu đãi đối với các khu dịch vụ, cụm công nghiệp hình thành trong tương lai; tinh giản thủ tục hành chính tạo thuận lợi cho việc đầu tư; nhanh chóng hoàn thiện cơ cấu hạ tầng kỹ thuật; thúc đẩy việc đào tạo lực lượng lao động có tay nghề cao, với các kỹ năng đáp ứng được nhu cầu của thị trường.

II. Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và toàn xã hội về phát triển nhân lực: cần đặc biệt chú trọng tuyên truyền, động viên tinh thần "vừa học, vừa làm" để nâng cao khả năng tích lũy vốn kiến thức, cũng như góp phần tăng năng suất lao động, đóng góp nhiều hơn cho tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững.

- Đổi mới quản lý Nhà nước về phát triển nhân lực:

+ Đặt quy hoạch phát triển nguồn nhân lực trong quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của huyện và cả tỉnh, có chính sách điều tiết về quy mô, cơ cấu đào tạo cho phù hợp với nhu cầu phát triển chung và từng ngành, khắc phục tình trạng mất cân đối và lãng phí trong đào tạo

+ Tiếp tục củng cố, hoàn thiện và nâng cao năng lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy quản lý về phát triển nguồn nhân lực. Sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở đào tạo giáo dục, y tế, gắn học đi đôi với hành, sử dụng tối ưu cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật cho phát triển nguồn nhân lực.

- Đào tạo và bồi dưỡng nhân lực

+ Xây dựng kế hoạch đào tạo nhân lực theo hai hướng: một là đào tạo mới theo quy hoạch phát triển của từng ngành, mang tính dài hạn, phù hợp với định hướng phát triển chung; hai là đào tạo ngắn hạn theo dạng bổ sung kiến thức phục vụ nhu cầu công việc hiện tại, trong đó chú trọng vào hướng thứ nhất.

+ Nâng cao toàn diện chất lượng đào tạo nguồn nhân lực ở các cấp, ngay từ bậc giáo dục mầm non đến giáo dục phổ thông và đào tạo nghề. Trước hết, chú trọng đến chất lượng nguồn nhân lực đang làm việc tại các cơ sở y tế, giáo dục, đào tạo để họ tiếp tục sự nghiệp đào tạo nhân lực đầu ra cho tương lai. Trong mỗi tổ chức, doanh nghiệp, cần hỗ trợ, tạo điều kiện để họ thường xuyên mở các khóa học chia sẻ kinh nghiệm, nâng cao trình độ chuyên môn cho người lao động của đơn vị.

- Tăng ngân sách nhà nước cho phát triển nhân lực: Tăng cường hỗ trợ tài chính từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cho nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện là yêu cầu đầu tiên. Trong đó, các dự án đầu tư công từ nguồn ngân sách Trung ương, ngân sách tỉnh cho xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội, hạ tầng phát triển thị trường sức lao động, hạ tầng giáo dục và đào tạo nghề, hạ tầng y tế và văn hóa - thể thao... có vai trò, ý nghĩa quan trọng đối với nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

- Đẩy mạnh xã hội hoá để tăng cường huy động các nguồn vốn cho phát triển nhân lực: Bên cạnh nguồn ngân sách nhà nước, huyện cần huy động các nguồn ngoài ngân sách như đóng góp của các doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để nhân dân tự nguyện đóng góp một phần cho việc đào tạo, học nghề của chính họ (không nên bao cấp 100%). Việc tranh thủ các nguồn hỗ trợ từ các tỉnh bạn và từ các tổ chức tài trợ, các tổ chức phi chính phủ cho các trung tâm y tế, các bệnh viện, trường học, các trung tâm học tập cộng đồng, các cơ sở dạy nghề, hay các doanh nghiệp cũng là một trong những phương án huy động tài chính cần chú trọng của chính quyền địa phương.

III. Giải pháp về bảo vệ môi trường, khoa học và công nghệ

- Phát triển nông nghiệp sản xuất hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái dựa trên tiến bộ khoa học - công nghệ: Đưa giống lúa, cây trồng, vật nuôi có năng suất cao phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu của huyện thay thế cây trồng truyền thống có giá trị thấp. Xây dựng và triển khai sản phẩm đặc trưng đạt tiêu chuẩn 3* OCOP.

- Xây dựng nền công nghiệp phát triển bền vững, chú trọng áp dụng công nghệ hiện đại, tiên tiến trong sản xuất để nâng cao chất lượng, hiệu quả và bảo vệ môi trường.

- Tích cực trồng mới, bảo vệ và phát triển vốn rừng bao gồm cả rừng phòng hộ đầu nguồn, rừng đặc dụng,... nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng chống thiên tai; có kế hoạch cải tạo đất, chống xói mòn, bạc màu, đẩy mạnh các biện pháp cải tạo và làm giàu đất. Huyện nên triển khai đồng bộ các giải pháp từ quy hoạch, quản lý và giao khoán đất rừng, tạo các kênh vốn hỗ trợ trồng rừng, đặc biệt là sự cải thiện về cơ chế chính sách thu hút đầu tư giúp gia tăng giá trị của rừng để nông dân trong huyện có thể phát triển sinh kế gắn với nghề rừng.

- Phát triển mạnh dịch vụ chất lượng cao, hiện đại nhất là các dịch vụ công nghệ cao như: Viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, ngân hàng, tài chính, dịch vụ y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thể thao.

- Xây dựng các ứng dụng hỗ trợ khách du lịch, ứng dụng công nghệ thực tế ảo, công nghệ trí tuệ nhân tạo và các công nghệ mới khác nhằm đưa đến những dịch vụ tốt nhất về trải nghiệm, tiện dụng, tăng giá trị và sức hấp dẫn đối với khách du lịch cũng như các điểm đến du lịch. Khuyến khích các điểm du lịch trên địa bàn tỉnh cung cấp các dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí cho tất cả khách du lịch. Đẩy mạnh các dịch vụ thanh toán trực tuyến (qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR Code...) ở tất cả các điểm đến du lịch.

- Xây dựng, hoàn thiện kế hoạch, phương án toàn diện cho việc triển khai xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử.

- Lồng ghép các chỉ tiêu bảo tồn đa dạng sinh học trong việc thực hiện chương trình hành động quốc gia về "Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn nâng cao trữ lượng rừng".

IV. Giải pháp về thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách liên kết phát triển

- Đẩy mạnh liên kết kinh tế với các huyện trong tỉnh lân cận như: Nậm Nhùn, Phong Thổ, Tam Đường, thành phố Lai Châu và các tỉnh Sơn La, Điện Biên và đẩy mạnh quan hệ hợp tác với Trung Quốc.

- Hoàn thiện Quy hoạch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050, phát triển các ngành, lĩnh vực tạo sự liên kết chặt chẽ hình thành

chuỗi giá trị trong sản xuất, kinh doanh để nâng cao hiệu quả sản xuất, tính cạnh tranh của sản phẩm trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai các chính sách khuyến khích phát triển tiểu thủ công nghiệp, hỗ trợ lĩnh vực có thế mạnh gắn với chế biến nông, lâm sản tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, có khả năng cạnh tranh trên thị trường.

- Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư kinh doanh, mở rộng thị trường tại khu vực nông thôn, vùng khó khăn đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội đồng đều, ổn định.

- Xây dựng "Vườn ươm doanh nghiệp" tạo một môi trường nuôi dưỡng các doanh nghiệp khởi sự giúp các doanh nghiệp vượt qua những khó khăn ban đầu, có thể đứng vững và phát triển trên thị trường.

- Thực hiện tốt nhóm chính sách về dân tộc, miền núi; các chính sách về phát triển xã hội như: Đẩy mạnh quá trình xã hội hóa giáo dục - đào tạo, y tế, xóa đói giảm nghèo, thu hút nguồn nhân lực, xây dựng nông thôn mới,...

V. Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn

- Đầu tư xây dựng, hoàn hiện quy hoạch chi tiết các khu đô thị, khu trung tâm xã, khu dân cư phù hợp với quy hoạch chung của huyện và tỉnh, đảm bảo sử dụng đất hợp lý, phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện.

- Đẩy mạnh xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng giao thông, đô thị, cấp điện lưới quốc gia, công nghệ thông tin, viễn thông, internet; hạ tầng khu kinh tế, khu du lịch, xây dựng nông thôn mới. Từng bước hoàn thiện hạ tầng xã hội như y yế, giáo dục, văn hóa, thể thao,… Khuyến khích các đơn vị tư vấn thiết kế, nhà thầu thi công, áp dụng các công nghệ mới, các nguyên liệu thay thế, sản phẩm mới thân thiện với môi trường.

- Thực hiện quy hoạch và phát triển không gian xanh đô thị với bảo tồn, tôn tạo hệ sinh thái vùng ven, hướng tới mục tiêu tăng trưởng xanh để đạt tiêu chí nâng loại đô thị và phát triển bền vững. Dành quỹ đất trong quy hoạch thoả đáng để phát triển không gian xanh, mặt nước ở các đô thị.

- Xây dựng quy hoạch nông thôn mới cho các xã, lập chi tiết cho từng ngành, lĩnh vực đảm bảo phù hợp với phương hướng phát triển của huyện và quy hoạch tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050.

VI. Giải pháp về tổ chức thực hiện và giám sát thực hiện phương án phát triển

6.1. Giải pháp tổ chức thực hiện

- Tổ chức công bố, phổ biến Phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Sìn Hồ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050 cho tất cả các cấp Ủy đảng và chính quyền, các ngành, đoàn thể, các doanh nghiệp và nhân dân.

- Tổ chức quảng bá, giới thiệu các dự án ưu tiên trong các dịp mời gọi, xúc tiến đầu tư để thu hút đầu tư từ các nguồn vốn khác.

- Xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể dựa trên phương hướng phát triển đã được phê duyệt, chú trọng vào các dự án trọng điểm.

- Xây dựng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đảm bảo tính kết nối đồng bộ giữa Quy hoạch tỉnh với Phương án phát triển của huyện và các ngành, lĩnh vực trên địa bàn.

6.2. Giám sát thực hiện phương án phát triển

- Các cấp, các phòng, ban và nhân dân trong huyện có trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực hiện phương hướng phát triển; có thể điều chỉnh, bổ sung trong quá trình thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế theo hướng phát triển bền vững; đảm bảo sự phát triển hài hòa và giảm thiểu về chênh lệch và mức hưởng thụ giữa các vùng và giữa các tầng lớp dân cư, đảm bảo quốc phòng an ninh và trật tự xã hội.

PHẦN V
NHU CẦU VỐN

Dự kiến tổng vốn đầu tư thực hiện các hạng mục dự án thời kỳ 2021 - 2030 của huyện Sìn Hồ là 16.471 tỷ đồng. Trong đó:

- Giai đoạn 2021 - 2025: Dự kiến tổng vốn đầu tư là 9.496 tỷ đồng (Trong đó vốn ngân sách TW, tỉnh, huyện và vốn khác là 3.910 tỷ đồng; vốn thu hút đầu tư doanh nghiệp là 5.586 tỷ đồng).

- Giai đoạn 2025 - 2030: Dự kiến tổng vốn đầu tư là 7.075 tỷ đồng (Trong đó vốn ngân sách TW, tỉnh, huyện và vốn khác là 3.862 tỷ đồng; vốn thu hút đầu tư doanh nghiệp là 3.213 tỷ đồng).

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

I. Kết luận

Phương án Phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Sìn Hồ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050" đảm bảo cơ sở pháp lý, cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn theo quy định của Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14, Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch, Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 05/02/2018 của Chính phủ về triển khai thi hành Luật Quy hoạch, Quyết định số 349/QĐ-TTg ngày 06/3/2020 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch tỉnh tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Phương án đề ra định hướng phát triển huyện Sìn Hồ trên cơ sở khai thác những tiềm năng, lợi thế đặc thù của huyện; phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng, kinh tế - xã hội, ưu tiên phát triển các lĩnh vực thế mạnh của huyện là dịch vụ, du lịch, nông - lâm nghiệp - thủy sản và công nghiệp chế biến nông sản. Các mục tiêu của phương án đề ra phù hợp với các định hướng trong phương án quy hoạch tỉnh Lai Châu và phù hợp với các định hướng trong phương án quy hoạch tỉnh Lai Châu và phù hợp với các mục tiêu trong Văn kiện Đại hội Đảng bộ huyện Sìn Hồ khóa XVIII, nhiệm kỳ 2020-2025.

Phương án đã định hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội để huyện đáp ứng được các yêu cầu về kinh tế, xã hội và môi trường trên cơ sở khai thác tối đa các yếu tố lợi thế, khắc phục các khó khăn của huyện; đưa ra định hướng phát triển phù hợp, bền vững và khả thi.

II. Kiến nghị

- Để có cơ sở pháp lý thực hiện Phương án, UBND huyện Sìn Hồ kính đề nghị UBND tỉnh Lai Châu tích hợp Phương án "Phát triển và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Sìn Hồ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050" vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu và các sở, ban, ngành bố trí nguồn vốn đầu tư cho huyện để xây dựng cơ sở hạ tầng, hỗ trợ phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo, phát triển huyện vững mạnh.